

THÍCH NHƯ ĐIỂN

TÌNH ĐỜI NGHĨA ĐẠO



THÍCH NHƯ ĐIỂN

TÌNH ĐỜI
NGHĨA ĐẠO

MỤC LỤC

	Trang
Trước khi vào sách	1
Hương thơm loài hoa dại	4
Nhân duyên đạo pháp	13
Chuyện tình nơi sơn tự	28
Tình sư đệ	36
Nghĩa trọng tình thâm	46
Thế phát xuất gia	74
Thoát vòng tục lụy	89
Mẫu tử tình thâm	108
Trên đường học đạo	120
Hạ sơn hành đạo	144
Kết thúc một đoạn đường	160

Trước khi vào sách

Trong mùa an cư kiết hạ năm nay (1984), sau khi đã viết xong quyển „Lễ Nhạc Phật Giáo“, tôi định dịch quyển luận „Đại Thừa Khởi Tín“ từ Đại Tạng Kinh, cùng với quý Thầy khác, nhưng không thực hiện được ý định đó. Vì quý Thầy bận nhiều Phật sự phải đi xa. Do đó, tôi đình chỉ việc dịch trên. Sở dĩ như thế, vì tôi nghĩ, tài mình còn non, sức còn kém; đem ý thô sơ, tâm vụng dịch lời kinh Phật chỉ một mình làm sao tránh được những lỗi lầm, thiếu sót. Nếu có nhiều Thầy dịch cùng một lúc, văn ý trong sáng mà lại bổ khuyết cho nhau chỗ thừa, nơi thiếu thì hay hơn; thôi đành phải chờ dịp khác vậy.

Sau đó, tôi bắt đầu viết truyện ngắn để đăng báo. Nhất là sau khi viết bài „**Bão tuyết chiều đông**“ đăng trên báo Khánh Anh số 23, xuất bản tại Paris, đã được nhiều độc giả khắp nơi tán thưởng lời hành văn vừa đời vừa đạo ấy. Và cũng nhờ sự khuyến khích của Thượng Tọa Thích Minh Tâm, tọa chủ chùa Khánh Anh, nên tôi lại bắt đầu tập viết văn và xây dựng cốt chuyện gửi đăng báo Khánh Anh và một vài tờ báo Đạo tại Âu Châu cũng như tại Mỹ. Truyện kế tiếp là „**Chuyện tình nơi sơn tự**“. Mới nghe qua đề tài có vẻ cái lương thật. Nhiều người Phật tử cười và bảo tôi rằng: Sao Thầy cãi lương quá! Tôi trả lời: „Đời là một vở tuồng cái lương chứ còn gì nữa“. Thượng Tọa Minh Tâm lại chua thêm vào „Thê mà người đời ít mấy ai viết được, vì cái nhìn của họ từ Đời sang Đạo nên ít trung thực, làm sao cho bằng người trong Đạo nhìn cuộc đời. Thực chứng ở Đạo để viết cho Đời; điều ấy chưa có người nào viết trọn vẹn được ý nghĩ của nó“.

Trong khi đó, người đệ tử đầu của tôi, sau khi đọc „**Chuyện tình nơi sơn tự**“ xong sáng hôm sau đến chùa thật sớm và thưa với tôi rằng: „Bạch Thầy, khoan cho đăng cái chuyện tình ấy đã“.

Tôi hỏi lý do, người đệ tử ấy trả lời: „E rằng thiên hạ sẽ bắt đầu dị nghị về những nhân vật trong cốt truyện, không tốt“. Tôi mỉm cười và trả lời: Bồ Tát chỉ sợ gây thêm nhân, còn chúng sanh lại hay sợ quả. Chúng sanh cứ mãi gây nhân, nhưng chưa bao giờ chịu nghĩ đến kết quả của nó. Ngược lại, Bồ Tát phải đốn đo bất cứ việc gì, trước khi hành động nên chẳng bao giờ sợ cái quả. Tại sao quý Người đã tạo tác những nghiệp bất thiện thì đương nhiên phải nhận lãnh cái kết quả ấy, chứ còn chạy chối đi đâu được nữa“. Khi nghe trả lời như thế, người Phật tử này yên lặng ra về đăm chiêu!

Những ngày sau đó, tôi tiếp tục viết những mẩu chuyện kể tiếp về một người mang tên Ngọc, một nhân vật trong „*Chuyện tình nơi sơn tự*“ đã được dựng nên. Người đệ tử ấy đọc thấy hay và hỏi là câu chuyện ấy còn tiếp tục xảy ra làm sao nữa? Tôi chưa biết trả lời sao, nhưng trong tâm tôi mong sao cho câu chuyện này viết sớm xong, nhất là phải hoàn thành trước mùa an cư kiết hạ của năm nay.

Câu chuyện mang tên „*Tình đời nghĩa đạo*“ cũng có vẻ cải lương thật. Nhưng đó là hai bộ mặt thật của một cuộc đời và Đạo giáo. Những nhân vật trong cốt truyện cũng có thể là những nhân vật đang sống trong hiện tại, ở cận kề tôi. Cũng có thể là những bậc đàn anh, đàn chị đã góp mặt với cuộc đời và Đạo Pháp trong quá khứ. Những nhân vật này cũng có thể được lặp lại trong tương lai! Đây là một câu chuyện có thật, nhưng cũng có thể chỉ là giả tưởng. Ngược lại, nó được giả lập, nhưng cũng có thể là một câu chuyện ở chính ngay trong cuộc đời này.

Tôi cũng thầm cảm ơn người đệ tử nhiệt tâm với Đạo. Đó là Thị Chon Ngô Ngọc Diệp đã giúp tôi hoàn thành tác phẩm này, từ tâm tư cho đến tình cảm, và nhất là những nhân vật trong truyện đã được dựng nên. Nếu chẳng may vì vô tình có sự trùng hợp hoặc chạm đến tự ái của một người nào đó có hoàn cảnh tương tự với các nhân vật trong cốt truyện, tôi xin nhận sự sơ suất ngoài ý

muốn này. Vì trong một câu chuyện, không thể nào xây dựng những nhân vật toàn những người thánh thiện mà phải có kẻ ác người hiền, kẻ lành người dữ, cốt chuyện mới sôi nổi, và cũng nói lên được cái „**Tình Đời Nghĩa Đạo**“ ấy nhiều hơn.

Kẻ viết „chuyện tình bất đắc dĩ“ này là một nhà tu, mong rằng, nếu có những lời bóng bẩy trong truyện cũng xin quý độc giả đừng gán ghép cho ai cả. Vì đó cũng chính là bản tính tự nhiên của con người vậy.

Nếu câu chuyện này được đến tay độc giả, tác giả mong rằng quý vị nên bình lặng tâm tư để đọc một chuyện tình như bao nhiêu chuyện tình khác của thế gian.

Cuối cùng, xin cảm ơn tất cả những vị Đản Na Thí Chủ, hộ giáo, hộ giới đã giúp đỡ tôi có đủ thì giờ và điều kiện hoàn thành được hai tác phẩm cùng một lúc trong mùa an cư kiết hạ năm Giáp Tý, 1984 này. Xin nguyện cầu mười phương chư Phật gia hộ cho tất cả quý vị -nhất là những người đệ tử thân thương của tôi- sớm lìa được bến mê, trở về bờ giác.

Cũng nhân mùa Vu Lan báo hiếu năm nay, xin hồi hướng tất cả công đức lành đến cửu huyền thất tổ, cùng cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp được trực vãng Tây phương. Xin cầu nguyện cho thân mẫu được cao đăng Phật quốc, và đồng thời cầu cho phụ thân được thượng thọ hơn tuổi bát thập thất tuế của năm này.

Xin chấp tay nguyện cầu cho thế giới được hòa bình, nhân sinh an lạc.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát

THÍCH NHƯ ĐIỂN

Vu Lan báo hiếu

Viên Giác tự, mùa an cư năm Giáp Tý

hương thơm loài hoa dại

Gió thoảng đâu đây đưa lại mùi hương xưa ngọt ngào hiền dịu, như có lần Ngọc đã gặp nơi nào trong quá khứ làm chàng liên tưởng đến quãng đời ấu thơ, đã dệt thành bao mộng đẹp tuyệt trần.

Ngày ấy lâu rồi, cách đây mấy mươi năm về trước nơi vườn nhà của ngoại, Ngọc cùng các anh em của cô cậu nô đùa cười chơi thỏa thích dưới bóng trăng, trên bờ ao. Khi trời thanh cảnh vắng, Ngọc cùng chúng bạn trèo lên cây trứng cá ở đầu hè nhà ngoại để nghịch phá, rồi lao mình vào ao bắt cá lòng tong. Thịnh thoảng bọn trẻ lại ngao ngao rong chơi trong xóm nhỏ để đánh đu, đánh đáo với bạn bè.

Tuổi thơ sao hiền dịu quá, như một loài hoa dại trắng tinh, nhưng tỏa ra những hương thơm tinh khiết, tô điểm cho đời một ít gấm hoa. Dầu vô tình hay cố ý, loài hoa chỉ mang nhiệm vụ tỏa hương thơm để người đời hay ngoại vật thưởng thức; và cuộc đời cũng thế, đời chỉ có giá trị khi mình thanh cao và thánh thiện như những loài hoa dại kia.

Quê hương Ngọc ngày xưa đẹp lắm, có cánh đồng cò bay thẳng cánh, có lũy tre làng bao bọc khắp cư dân. Dưới những mái nhà tranh, cứ mỗi độ chiều về khói lam cuộn tròn thành những vầng mây bạc nhả vào không gian những hình thù kỳ dị. Nơi đó có người mẹ hiền đang thổi cơm để đợi chồng con đi làm hoặc đi học về. Dưới ánh trăng thanh, mâm cơm được bày ra la liệt trên

mặt đất. Không thịnh soạn khách sáo như ở thị thành mà thức ăn toàn là những món của ruộng vườn, nào khoai, ngô, dưa, đậu... Thịnh thoảng lại có thêm vài đĩa chấm cho thêm đậm đà. Mùi gạo mới hòa lẫn với mùi mắm, mùi chanh khiến cho dịch vị của mọi người một cảm giác ngon lành, mặc dù chưa cầm đũa thưởng thức những hương vị ấy. Những bữa cơm thanh đạm như thế mà ngon chi lạ. Cho đến bây giờ, mỗi lần nhắc đến quê xưa, Ngọc như thấy mới thoáng hiện đâu đây rồi chợt biến. Khung cảnh hiền hòa ấy chỉ có thể xảy ra nơi thôn quê - nơi những cánh hoa đồng thường tỏa hương thơm bát ngát- nơi thị thành chẳng bao giờ có được cái không khí thi vị trong mát, hồn nhiên ấy. Đây là một gia đình kiểu mẫu mà có lẽ mọi gia đình nông dân Việt Nam đều như thế cả.

Ngọc sống nơi quê hương hiền dịu ấy với Ngoại và Mẹ, còn Ba vì bận đi lính đàng xa, nên ít khi nào có thì giờ về thăm quê hương cũ. Trong tình thương yêu của ngoại, Ngọc đã lớn lên nơi đó, hòa lẫn với hương thơm của các loài hoa đồng, tạo cho Ngọc cuộc đời có nhiều tình thương và kỷ niệm. Nhưng rồi chiến tranh đã cướp mất tất cả những gì mà gia đình Ngọc đang có, cũng như bao nhiêu gia đình khác của người Việt Nam lúc bấy giờ. Cây đa đầu làng giờ đây không còn có khả năng vươn cành che bóng mát tỏa rộng một góc đầu đình nữa mà đã co quắp lại bởi lửa của bom đạn, và chiến tranh tạo nên một hình thù quái gở. Dòng sông xanh vẫn chảy, nước vẫn lững lờ trôi, nhưng có mang theo đầy máu và nước mắt của dân lành. Cây trướng cá bên bờ ao trong nhà ngoại cũng không còn đứng yên được để mỗi mùa đơm hoa kết trái cho Ngọc và lũ bạn có thể tự do leo trèo hái quả!

Ngoại vẫn thường hay kể chuyện đời xưa, chuyện Tấm Cám, chuyện Quan Âm Thị Kính, chuyện Thạch Sanh Lý Thông... cho lũ cháu nghe. Đứa nào cũng thích thú chăm chú lắng nghe, có đứa vượt râu ngoại, đứa đấm tay, đấm chân cho ngoại và vùi ngoại phải kể cho nhiều cho lũ chúng có cơ hội tinh nghịch, cũng như để thưởng thức tài kể chuyện đời xưa của ngoại. Bây giờ cảnh ấy cũng không còn nữa, ngoại đã ra người thiên cổ sau mấy tuần đau

yếu. Ngôi nhà xưa trở nên trống vắng và bỏ ngõ cho mấy lớp nhện giăng. Bà ngoại vì không thể nào ở yên nơi quê hương mà chiến tranh đang tiếp diễn từng ngày một nên đã cùng gia đình Ngọc dời về nơi thị trấn phố phường hầu bảo đảm được cuộc sống hơn. Tại đây Ngọc cũng được dưỡng nuôi bởi tình thương của mẹ và nhất là của bà ngoại. Bà ngoại đã thay mẹ chăm sóc cho các cháu như người mẹ thứ hai trong gia đình Ngọc.

Khi về đến thị thành, Ngọc không có không gian rộng để thả diều, bắt bướm với lũ bạn, cũng như không có được một hình ảnh thân yêu nào gợi cảm như ở chốn hoa đồng. Tại đây, suốt ngày, cứ bị giam hãm trong bốn bức tường như chôn chặt cuộc đời niên thiếu và tuổi hoa niên trong một tòa lâu đài không bao giờ mở cửa. Ở thị thành, tình thương của người chung quanh như không có mà chỉ thấy nơi đây toàn là sự đỗi chác và mặc cả, không như nơi thôn dã. Nơi đồng nội, tuy người dân nghèo nàn, nhưng nội tâm rất mộc mạc phong phú và tình thương yêu đồng loại rộng lớn như yêu chính cả bản thân mình. Vì thế, Ngọc ao ước được thoát ly khỏi cảnh sống tù hãm này. May cho chàng là năm ấy ba của Ngọc được đổi về một tỉnh lẻ của miền Trung, chàng theo ba ra đó tiếp tục việc học hành.

Ở đây cũng có dòng sông xanh phát nguồn từ dãy Trường Sơn bên mạn Bắc, chảy dọc theo xóm làng mang phù sa đến các làng mạc hai bên sông và cuối cùng mang ra biển cả. Nơi này không phải là nơi chôn nhau cắt rốn của chàng thiếu niên mang tên Ngọc, nhưng lứa tuổi hoa niên đầy kỷ niệm của chàng chính là đây, chứ không phải ở chốn thị thành ồn náo. Lúc còn ở với ngoại tại quê lần trước cũng vui, nhưng vì lúc đó Ngọc còn nhỏ chưa thường thức được hết những cái đẹp của thiên nhiên. Bây giờ chàng đã thực hiện được giấc mộng sống gần thiên nhiên và vui với cỏ cây của vùng đất khô cằn sỏi đá ấy. Nhớ những buổi trưa hè nắng chang chang, Ngọc cùng với nhiều người bạn đi tắm sông, đôi khi còn mạo hiểm bơi ra gần tới cửa biển. Ở giữa cái bao la của trời đất ấy, con người mới cảm thấy mình thực sự được

tự do và sống gần với đất trời hơn là thời gian trước, chàng đã sống gò bó trong bốn bức tường của chốn thành thị. Cũng vì thích sống gần với thiên nhiên và vui với cỏ cây, Ngọc đã xin phép Ba Má để gia nhập vào Hướng Đạo. Chàng nghĩ đơn giản rằng, đi Hướng Đạo để học được nhiều tính tốt và hợp với sự sinh hoạt của mình nên quyết định đi. Cũng chính đời sống Hướng Đạo đã rèn luyện cho chàng bỏ được tính tự mãn và háo thắng. Có lẽ mọi người ở lứa tuổi thanh niên đều như thế cả, chứ chẳng riêng gì chàng. Tuổi nhỏ, dáng đẹp trai, con nhà quyền quý, lại có thêm học giỏi là những điều kiện dễ tạo cho con người kiêu sa, tự đắc và ngạo mạn. Nhưng cũng chính những kỷ luật thép của Hướng Đạo đã tôi luyện có được một tâm hồn cứng rắn, không quy lụy trước khổ đau, không thối chí trước bất cứ một sự thử thách nào, nên chàng mới sống được một cuộc sống có ý nghĩa cho đến ngày hôm nay. Và cũng chính nhờ Hướng Đạo mà ngày nay chàng mới có nhiều khả năng cùng một lúc được như thế. Chàng chưa từng biết mệt mỏi và chưa hề thối thác bất cứ một vấn đề gì, nên những bạn đồng đội đã gán cho chàng tên là Nai Đằm Đằm.

Gia đình Ngọc theo đạo Phật, nhưng lúc bấy giờ chưa ai biết đạo Phật là gì. Hễ thấy ông bà, cha mẹ đốt nhang lễ Phật, tin theo Phật và chính cha mẹ Ngọc đã dạy cho chàng làm theo, Ngọc đã vâng làm theo nên tạm gọi là đạo Phật. Đứng ra Ngọc phải được đi sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử để được có cơ hội học hỏi giáo lý, và từ đó mới có thể hiểu đạo Phật một cách sâu rộng hơn, để được xưng danh là một Phật tử. Nhưng chàng đã không có cơ duyên đến với đạo Phật ở vào lứa tuổi hoa niên ấy mà chỉ có duyên với Hướng Đạo.

Một hôm nọ, các đội Hướng Đạo tự chia làm hai nhóm. Nhóm thứ nhất thuộc về Phật tử; còn nhóm thứ hai thuộc về Thiên Chúa giáo. Chàng cũng chưa hẳn là một Phật tử, vì có biết được câu kinh tiếng kệ nào đâu, nhưng không thể là Thiên Chúa được, và Ngọc đã xin gia nhập vào bên đội Hướng Đạo Phật tử. Đêm hôm đó, cả đội đều nghe anh Thiểu trưởng tụng kinh và hướng dẫn cho

các đoàn sinh. Trong lúc tụng bài kinh Ngọc chỉ nghe qua có một lần mà vẫn còn nhớ nằm lòng mãi cho đến ngày nay.

Đệ tử kính lạy
 Đức Phật Thích Ca
 Phật A Di Đà
 Thập phương chư Phật
 Vô lượng Phật pháp
 Cùng Thánh Hiền Tăng
 Đệ tử lâu đời lâu kiếp
 Nghiệp chướng nặng nề
 Tham giận kiêu căng
 Si mê lâm lạc
 Ngày nay nhờ Phật
 Biết sự lỗi lầm
 Thành tâm sám hối
 Thề tránh điều dữ
 Nguyện làm việc lành
 Ngừa trông ơn Phật
 Từ Bi gia hộ
 Thân không tật bệnh
 Tâm không phiền não
 Hằng ngày an vui tu tập
 Phép Phật nhiệm màu
 Để mau ra khỏi luân hồi
 Minh tâm kiến tánh
 Trí tuệ sáng suốt
 Thành thông tự tại
 Đặng cứu độ các bậc tôn trưởng
 Cha mẹ, anh em,
 thân bằng, quyến thuộc,
 cùng tất cả chúng sanh;
 đều trọn thành Phật đạo.

Có lẽ đây là một nhân duyên để sau này chàng gần gũi đạo pháp. Chàng tử Phật đã ăn sâu vào trong tiềm thức của chàng thiếu niên ấy. Đến bây giờ, khi có dịp tụng đọc lại bài kinh ấy chàng như đã thuộc nằm lòng và đọc ngân nga một cách dễ dàng và gọi lại nhiều kỷ niệm của thuở ấu thơ, lúc chàng còn sinh hoạt với Hương Đạo. Cũng vì quá hăng say với lý tưởng cứu người; một hôm có hỏa hoạn, chàng lo đi cứu lửa với bạn bè mà quên hẳn về với gia đình để Ba Má phải đợi cơm và chẳng biết chàng đi đâu mà kiếm. Trong cơn thịnh nộ đó, Ba chàng đã đốt hết áo quần Hương Đạo cho bỏ ghét, cũng như để cảnh cáo và trừng trị một đứa con hư. Ngọc khóc suốt suốt suốt cả mấy tuần lễ. Khóc vì không phải tiếc bộ đồ mà tiếc vì lý tưởng của mình đã bị tan vỡ, vì cơn thịnh nộ của Ba. Qua mấy trận đòn như tử không làm chàng đau về thể xác mà việc không tiếp tục sinh hoạt với Hương Đạo khiến tâm tư chàng đau buốt não lòng.

Những ngày sau đó, chàng vòì Mẹ phải may cho được bộ đồ khác. Mẹ chiều ý sẵn cho, nhưng sợ, chàng đâu có dám công khai mặc trước mặt Ba. Cái uy của người cha trong gia đình Việt Nam tuyệt đối là thế! Từ đó, chàng cứ cất giấu bộ đồ mãi trong rương không cho Ba thấy và nhất là giấu kín trong lòng mình một nỗi khao khát muốn sinh hoạt lại với Hương Đạo. Nhưng chàng chưa có cơ hội nào để bộc lộ. Nhân ngày Tết, chàng lập kế mời những người bạn đến nhà chơi. Những người này mặc đồng phục Hương Đạo đến thăm, chàng nhẹ nhàng vào rương lấy ra bộ đồ Hương Đạo mới tinh còn thẳng nếp gấp mặc vào và chạy đến đứng chung để chụp hình với các bạn khác. Kể từ đó chàng tự nhiên được thừa nhận sinh hoạt lại mà không bị sự cấm đoán của Ba. Có lẽ hôm đó là ngày Tết, Ba không làm dữ như mọi ngày, và vì có chúng bạn đồng đạo nên Ba cũng nể vì; và cho chàng tự do theo đuổi lý tưởng ấy. Và lại, cái giận của Ba ngày trước, cho đến bây giờ cũng đã nguôi ngoai rồi, không còn rục rủa nữa, nên Ngọc đã được toại ý. Chàng thiếu niên ấy sung sướng mặc lại bộ đồng phục Hương Đạo vào mình như cảm thấy danh dự đã được đền bù một cách xứng đáng.

Lứa tuổi mười lăm của một chàng thiếu niên mới lớn, ôm nhiều mộng đẹp, và bao giờ cũng mong chiếm đoạt cho được những gì tinh hoa nhất của vũ trụ vào cõi lòng mới thôi. Thuở đó chàng chưa biết yêu, nhưng con tim đã cảm thấy như bị thúc đẩy bởi một chút tình trần. Chàng quan niệm yêu đương là trao mắt gởi tình và một người nào đó có một cử chỉ lẳng lơ với mình là có thể yêu nhau rồi. Chàng thiếu niên Ngọc quan niệm tình yêu đầu đời của lứa tuổi hoa niên đơn giản chỉ có thế, và chàng cũng đã yêu một người con gái mà như chưa bao giờ được yêu. Một hành động vô tình đụng chạm giữa xác thịt và tay chân, chàng cảm thấy như đã bị vướng vào vòng tội lỗi; nhưng rất sung sướng, vì cảm thấy có một cái gì mới lạ giữa hai sự thể khác nhau của cuộc đời.

Có thể nói rằng cuộc đời hoa niên của Ngọc đẹp nhất là lúc này và có lẽ chẳng bao giờ trong đời chàng sẽ được tái tạo lại lần thứ hai như thế nữa.

Sau đó vì lý do quân ngũ, ba Ngọc phải thuyên chuyển về một đô thị, chàng cũng phải về theo để sống với sự bộn chồn lo nghĩ và cũng kể từ đó Ngọc đã chôn vùi đời niên thiếu vào dĩ vãng, như cánh hoa đại ngoài đồng đã bị vùi lấp bởi gió sương. Khi về sống nơi đây, chàng đã trưởng thành từ thể xác đến tinh thần, từ con tim cho đến hành động. Ngọc không còn bỡ ngỡ trước ngưỡng cửa của cuộc đời nữa. Bây giờ chính những nàng con gái lớn tuổi hơn chàng chừng bốn năm tuổi đã dạy chàng thật sành đời trong sự ái ân, trong tình chăn gối. Ngọc đã lặn hụp trong biển yêu đương, nay cô này, mai cô khác, không một ai có thể ngăn cản được chàng. Vì Ba thường đi công vụ miền xa, trong khi đó mẹ chàng vẫn biết con mình như thế, nhưng vì cung chiều con, nên đã để con mặc sức tung hoành. Ngoài giờ học, Ngọc lân la nơi quán cà phê, trong rạp hát hay ở đầu ghènh sông, cuối chợ để to nhỏ chuyện trò với tình nhân và học đòi theo thói hư tật xấu. Thuở đó chàng chẳng tự trách mà cứ nghĩ rằng, đó là một định luật hiển nhiên của cuộc đời, có sinh ra phải có yêu đương, cũng

như phải già và phải chết. Giả như lúc đó chàng hiểu được Phật Pháp như bây giờ thì cuộc đời của chàng trong quá khứ không đáng cay, và những bài học về tình yêu, có lẽ cũng đã chuyển sang một mệnh đề khác. Nhưng có biết đâu chừng, nếu không có những thất bại về tình trường của những ngày xa xưa ấy, làm sao bây giờ chàng có thể hồi tâm trở về với Đạo một cách nhanh chóng như thế.

Tất cả đều do định nghiệp cả. Mỗi người sinh ra đều do một nghiệp lực chi phối -Con người chỉ là một sinh vật thực hiện những gì sẵn có như đã trở thành một định luật. Sau này, khi hiểu được Phật pháp, chàng mới biết nghiệp lực cũng có thể hoán chuyển được, chứ thưở bấy giờ đâu có ai hướng dẫn mà chàng có thể biết được.

Ở trường, Ngọc vẫn dẫn đầu lớp ít bị rầy la, mỗi khi cha chàng có dịp kiểm soát bài vở. Cũng vì sự ỷ lại vào sức học của mình, nên sự hoang chơi vô độ mỗi ngày một gia tăng, chính chàng cũng không thể nào kiềm chế nổi tâm của mình được. Vì thế, các thói hư tật xấu hiện bày nhiều hơn trước.

Mặc dù ngày đi du học gần kề, nhưng chàng vẫn la cà hết nơi này đến chốn nọ và tán tỉnh hết người tình này lại trở sang người tình khác. Ba chàng hơi nóng tính nên chẳng chịu được thói hư tật xấu của con, đã đánh không biết bao nhiêu trận đòn mà Ngọc vẫn cứ chứng nào tật ấy. Còn mẹ chàng, một bà mẹ như bao nhiêu bà mẹ khác, biết rằng con hư như vậy, nhưng vẫn cố che đậy tội lỗi cho con, để từ đó mới mọc thêm ra nhiều ung nhọt khác.

Với tuổi mười bảy, chàng đã đậu Tú Tài II, nên tâm tính háo thắng và lòng kiêu căng tự đắc ngự trị đầy dẫy nơi chàng. Do đó chẳng có việc gì làm chàng ngao ngán, chàng phải thực hiện cho bằng được mọi ước muốn mới thôi. Cũng nhờ vào sự thông minh lúc nào cũng dẫn đầu lớp, cộng thêm vào cái dáng vẻ đẹp trai, lúc nào chàng cũng được nhiều cô nhân tình để ý. Ngọc thường tự ví

mình như một chất mật và những người đàn bà là những con ong. Lẽ ra chàng phải ví chàng là những con ong mới đúng, nhưng ở đây thì ngược hẳn lại. Vì Ngọc quan niệm rằng, những gì mình chạy đi tìm kiếm lại thường hay xảy ra ngoài tầm tay mà chỉ có những gì mình không mong cầu, nó lại cầu cạnh mình, nên sự lý luận trên, chàng cảm thấy hữu lý lắm.

Có lần chàng mang một chiếc lồng đèn kéo quân đem tặng cho một người yêu nhân lễ Trung Thu năm nọ, nhưng nàng không chịu nhận. Có lẽ nàng đã có người yêu khác, hoặc giả nàng thấy Ngọc chẳng xứng đáng với nàng và cuối cùng chiếc lồng đèn kia được đem trả lại cho chủ của nó. Ngọc ôm chiếc lồng đèn vào lòng như ôm một nhân tình trong mộng tưởng. Chàng vẫn còn treo chiếc lồng đèn ở đó và mãi cho đến ngày nay, cứ mỗi lần nhớ đến chiếc lồng đèn, lòng chàng lại liên tưởng đến người xưa, như bao nhiêu người đàn bà khác đã qua lại trong đời chàng. Kỷ niệm nào rồi cũng lùi về trong dĩ vãng, và thời gian nào rồi để bỏ mình lại sau lưng để tiến thêm lên một giai đoạn khác. Ngọc cũng thế, tuổi ấu thơ với đầy hoa và mộng của đời chàng đã ra đi, và nhường lại cho chàng một cuộc đời thanh niên với nhiều hứa hẹn trong việc học hành nơi xứ lạ.

Chàng đã thật sự xa thành phố mang nhiều kỷ niệm ấy, xa luôn cả học đường, với tình yêu và tình thương của gia đình, cũng như của bè bạn. Chàng đã đến đây để xây dựng một tương lai mà tương lai ấy của chàng có liên hệ mật thiết với ngôi chùa Đại Giác và Sư phụ trụ trì trong những năm tháng chàng có mặt tại xứ người.

nhân duyên đạo pháp

Ngọc cũng không ngờ rằng ngày nay mình đã trở thành một Phật tử. Không phải một sự tình cờ mà cũng chẳng phải là một sự ngẫu nhiên. Có lẽ trong chàng đã đầy đủ nhân duyên, nên hoa giác ngộ đã đến thời kỳ nảy chồi, đâm lộc.

Đạo ấy, khi chàng thanh niên hào hoa phong nhã mang tên Ngọc đặt chân đến xứ này. Mục đích của chàng chỉ lo trau dồi kinh sử để một mai tốt nghiệp thành tài trở về lại quê hương phục vụ. Nhưng một biến cố quan trọng của đất nước đã làm cho chàng phải tạm dừng chân. Ở nơi đây suốt mười mấy năm trường, nhưng cũng chưa có lối thoát. Chàng thao thức cho quê hương đất nước và mong mỗi quê hương mình phải chính do bàn tay của người mình xây dựng và tự quyết định lấy vận mạng của dân tộc mình và không một ai có quyền can thiệp vào nội bộ của dân tộc ấy. Vì quan niệm ấy và vì đang theo đuổi một lý tưởng, nên Ngọc cảm thấy yên lòng, dầu sống trong bất cứ một hoàn cảnh hay trong khoảng thời gian nào của cuộc đời.

Đột nhiên một người Tăng sĩ mặc áo nâu sồng xuất hiện ở chốn này. Vị Tăng sĩ ấy cũng cùng lý tưởng như chàng sau mấy lần hội ngộ, nên chàng đâm ra ưa thích về đường lối ấy - Dân Tộc và Đạo Pháp là một, chứ không hai. Kể từ những ngày tháng ấy, chàng có nhân duyên được gần Thầy và sau này chàng đã quy y theo Thầy. Chàng tôn người làm Sư phụ.

Cũng giống như bao nhiêu người Việt Nam khác, tự cho mình là Phật giáo, nhưng chẳng hiểu đạo Phật. Ngọc cảm thấy thiếu thốn và có ý mong cầu, học hỏi đạo giác ngộ. Sự liên hệ giữa đời chàng với đạo Phật là một sự tình cờ, nhưng cũng là một sự ngẫu nhiên. Kể từ khi chàng làm quen với đạo Phật, như thấy có cái gì thích thú khó diễn tả. Thuở ấy còn là một sinh viên và có rất nhiều thì giờ, Ngọc hay đến chùa tập ngôi Thiên, nghe giảng pháp và gặp gỡ bạn bè, thân hữu trong các lần lễ Phật. Đúng ra Sư phụ Ngọc cũng không có ý định đến truyền đạo tại xứ này. Nhưng có lẽ đây đều do nhân duyên cả, nên thầy trò lại gặp nhau. Nếu hiểu được Phật Pháp, việc trên chẳng có gì cho ta làm lạ, vì bất cứ một chuyện gì xảy ra trong hiện tại cũng đều có liên hệ trong quá khứ và là cái nhân cho cả vị lai.

Ngày xưa, ngôi chùa Đại Giác là một mái tranh, chỉ có vồn vện một tôn tượng đức Thế Tôn là uy nghi hơn cả. Cái bàn thờ ba tòng chỉ đủ chứa đựng một số phẩm vật đơn sơ: Hai bình bông, hai đĩa quả tử và đặc biệt hơn cả, có lẽ mấy pho kinh bằng chữ Hán, cùng với một số kinh sách chữ Việt khác. Pháp bảo của chùa Đại Giác ngày xưa chỉ có thế, rồi Phật tử ngày càng đến lễ bái càng đông. Tiếng đồn càng ngày càng lan rộng, các lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan không thể nào tổ chức nơi điện Phật nhỏ bé này được nữa mà phải thuê mượn những halls (rạp) bên ngoài để cử hành đại lễ.

Ngày Sư phụ mới về đây, kẻ bàn ra, người tán vào, vô số là những ý kiến, nhưng Thầy vẫn thản nhiên và coi như không có bất cứ một chuyện gì xảy đến cả và cũng chẳng bao giờ Người để lộ niềm vui hay nỗi buồn trên gương mặt hiền từ đức độ ấy. Người vẫn thường khuyên Ngọc rằng “nên làm việc nhiều hơn là nên nói. Lâu nay có biết bao nhiêu kẻ đã nói nhiều, nhưng đã làm được gì đâu”. Kể từ đó, Ngọc đã học được cái phương châm này trong việc hành đạo. Điều đó cũng rất đúng với giáo lý của đạo

Phật; kẻ nào “năng thuyết bất năng hành”; kẻ ấy chẳng hiểu gì giáo lý của Đức Như Lai cả. Thế rồi một hôm Sư phụ hỏi Ngọc:

- Con đã quy y và thọ giới chưa?

- Thế nào là quy y và thọ giới? Kính mong Sư phụ chỉ dẫn.

Có lẽ Sư phụ thấy nhân duyên cũng đã đến lúc, nên muốn độ người đệ tử đầu đời này và đó cũng là người đệ tử đầu tiên của Thầy, sau khi hạ sơn hành đạo. Lúc bấy giờ Sư phụ chỉ nghĩ đơn giản có một điều là người này tuy tánh tình chưa được cứng chạc, nhưng sẽ là chơn tánh trong tương lai, và với hạnh nguyện hy sinh vì kẻ khác ấy, biết đâu là hạnh nguyện của một Bồ Tát tại gia. Khi làm việc chẳng bao giờ kể công và than thở, mặc dù công việc có nặng nhọc đến đâu đi chẳng nữa, nên Người đã thâm nhận Ngọc là người đệ tử tại gia đầu tiên.

Quy là trở về, y là nương tựa. Người đời nương tựa với vợ con, cha mẹ không có gì chắc chắn, nên phải về nương tựa với ba ngôi Tam Bảo để được an toàn hơn. Tam Bảo là ba ngôi báu của Đạo Phật. Đó là: Phật, Pháp và Tăng. Phật là bậc đã giác ngộ hoàn toàn, thoát ly sanh tử luân hồi. Pháp là những lời giáo huấn của đức Phật; còn Tăng là những vị xuất gia cắt ái ly thân theo dấu chân Phật để tu hành đạo giải thoát. Sau khi thọ Tam Quy cũng chưa đủ, người Phật tử còn phải trì năm giới nữa.

Kính bạch Sư phụ, năm giới là những gì ạ?

Đó là năm điều răn cấm của người Phật tử tại gia cũng như xuất gia. Giới như chiếc thuyền đưa hành giả sang sông. Giới là một hàng rào có công năng ngăn trừ các tội lỗi do tâm tạo tác. Giới như một loại thuốc hay chữa bệnh ngặt nghèo.

Giới thứ nhất: Không được sát sanh

Giới thứ hai: Không được trộm cắp

Giới thứ ba: Không được tà dâm
 Giới thứ tư: Không được nói dối
 Giới thứ năm: Không được uống rượu

Nếu người nào giữ trọn được năm giới này là đời đời qua lại chốn nhân thiên và tạo được cái nhân giải thoát trong mai hậu.

Nhưng bạch Sư phụ, nếu con giữ không hết được cả năm giới thì sao?

Thật ra, đức Phật không có ép buộc ai phải tuân giữ những điều cấm giới của Ngài một cách phi lý, bất công. Ngài cũng giống một vị lương y biết căn bệnh cho thuốc. Nếu người nào muốn uống thuốc để trị cho mau lành bệnh là công việc của bệnh nhân chứ không phải của thầy thuốc, và việc giữ giới cũng chỉ có thế. Nếu giữ trọn giới đức, phạm hạnh gia tăng. Nếu không giữ được thì lúc thọ giới nên phát nguyện là con sẽ cố gắng giữ được giới đó.

Trong ba giới đầu thuộc về thân: sát, đạo, dâm còn có thể cố gắng giữ được, nhưng giới thứ tư và thứ năm thuộc về khẩu, Ngọc khó có thể giữ được. Vì thuở ấy, chàng hay tự dối mình và dối người, cũng như nghiện rượu - không một con rượu nào có thể qua tay chàng được.

Sau khi nghe rõ từng giới, cùng sự lợi ích và việc tai hại của nó, Ngọc đã xin phép Sư phụ với hai người khác quy y Tam Bảo. Ngay trong lúc quy y và sau khi quy y đã có nhiều người cười chửi chửi và xúm lại bên chàng hỏi thăm về giới thứ năm Ngọc nói những gì. Chàng im lặng hay nói “Mô Phật, con giữ được” hoặc trả lời “Mô Phật, con sẽ cố gắng giữ”. Chàng chỉ cười đáp lễ họ. Người bàn tới kẻ bàn lui, nhất là những người bạn cùng học với chàng bảo rằng: Nếu Ngọc quy y và đi tu thì chắc trên quả đất này mọi người đều phải tu hết. Chàng cũng chỉ mỉm cười đáp lễ. Bây giờ chàng biết phải trả lời với bạn bè ra sao, khi chưa làm

được việc gì qua hành động và để cho thời gian sẽ trả lời. Đó cũng là lối trả lời hay nhất vậy. Ngày đó chàng chỉ mới phát tâm quy y thôi và bây giờ những người xưa gặp lại chàng chẳng ai còn cười chàng nữa mà ai cũng đều thán phục và nói rằng “phép Phật quả thật nhiệm mầu, đã đưa dẫn một tâm hồn thoát tục”. Chỉ chừng đó thôi cũng đủ an ủi chàng trong các công việc Phật sự rồi. Sau thời gian quy y, mọi người chung quanh để ý nhiều đến sự hoạt động của Ngọc. Đối với chàng, chàng vẫn cứ hăng say như chẳng có gì xảy ra cả. Cố gắng sửa đổi tư cách và tập bỏ từ những thói hư tật xấu, chàng tự thấy mình cũng là người hữu dụng không đến nỗi hư đốn, như bạn bè vẫn thường lầm tưởng.

Học một thời gian nữa ra trường, và đến lúc ra trường vẫn tìm chưa được việc làm. Đây cũng là cơ hội để Ngọc gần gũi với ba ngôi Tam Bảo nhiều hơn. Cứ mỗi buổi sáng chàng đến chùa để nghe kinh thì đúng hơn là cùng Sư phụ tụng kinh như bây giờ. Vì ngày ấy thần chú Thủ Lăng Nghiêm như là một loại ngôn ngữ lạ, không thể lọt vào tai được chữ nào cả. Nhưng nghe âm điệu hay hay, chàng đắm ra ưa thích. Và đây là cơ hội để Thầy trò gần nhau. Và Ngọc cũng có được cơ hội học hỏi về giáo lý.

Thời gian cứ lặng lẽ trôi, và tâm tư chàng cũng theo nhịp thời gian mà biến đổi. Bây giờ chàng đã quyết định lập gia đình để không còn lòng bông trôi nổi như xưa, ví như con thuyền nan chưa có định hướng. Đám cưới của Ngọc cũng là đám cưới đầu tiên được cử hành tại chùa Đại Giác. Lễ cưới tuy đơn sơ, nhưng mang nhiều ý nghĩa. Dưới hình bóng trang nghiêm hiền hòa của Đức Từ Phụ, Ngọc và vợ cúi đầu chấp tay để nghe những lời giáo huấn về đạo vợ chồng do Sư phụ giảng dạy. Những câu kinh, tiếng kệ, những bài giáo lý ấy tuy ngắn gọn, nhưng mỗi lần một ít đã gieo vào lòng chàng như giọt nước nhỏ vào ly, nước đầy lúc nào cũng chẳng hay biết. Đúng như lời Phật dạy chẳng sai chút nào “Ngọc Ma Ni tuy thể tánh nó nhỏ nhẹ, nhưng gieo vào nước đục, nước đục sẽ thành trong. Câu niệm Phật gieo vào tâm loạn động, tâm loạn động ấy, trở thành tâm Phật”. Những lời vàng

ngọc ấy đã ăn sâu vào tận đáy lòng chàng. Cũng bắt đầu từ đó, chàng có rất nhiều cảm tình với đạo Phật. Ngọc đã hy sinh thì giờ của mình để phụng sự Phật pháp hay đúng hơn là phụng sự cho lý tưởng của chính mình. Chàng cố gắng làm sao thực hiện được việc “vui sau cái vui của kẻ khác, và chịu khổ trước cái khổ của mọi người” là đủ rồi. Ngày xưa chàng đi Hương Đạo cũng đã tập được nhiều đức tính ấy thì bây giờ việc đóng góp và xây dựng cho đạo pháp, chàng thấy rất thích hợp với khả năng và hoàn cảnh.

Suốt bao nhiêu năm tháng trôi qua như thế chẳng có gì thay đổi cả, nếu có chẳng là sự hiểu Đạo của Ngọc càng ngày càng gia tăng. Sư phụ bây giờ hay vắng chùa nhiều hơn thuở trước để chăm lo một số công việc Phật sự các nơi khác. Nhiều khi Ngọc phải thay thế Sư phụ trong các buổi lễ để hướng dẫn mọi người cùng tụng và đọc. Nhưng lần đầu giữ vai trò chủ chốt, Ngọc trông có vẻ ngượng giọng làm sao! Vì tụng kinh không phải là đọc, cũng chẳng phải là ca hay ngâm mà phải tụng và niệm. Nếu một bài ca có đầy đủ nhạc lý chắc Ngọc không cảm thấy khó khăn mấy. Còn ở đây, câu kinh tiếng kệ buộc người học Phật phải thâm tương chao qua nhiều năm mới có thể hòa giọng được. Nhưng cái gì rồi cũng sẽ quen đi với thời gian. Ngọc nghĩ thế nên chẳng ngại ngùng gì khi bắt đầu một chuyện lạ. Mặc ai cứ cười, có thể là chế giễu, nhưng cũng có thể người ta thấy hơi lạ đời và cũng chẳng có sao!

Ngày xưa khi chàng quy y Tam Bảo cũng thế thôi, đã có biết bao nhiêu người chế giễu. Nhưng những kẻ ấy bây giờ chàng đã bỏ họ xa lại phía sau lưng rồi.

Nhiều người thấy Ngọc làm việc hăng say cũng tỏ ý thương thầm, và tự nhủ với lòng mình là tại sao không làm được như chàng, trong số cũng có người sinh tâm đố kỵ. Nhưng đó là chuyện thường tình của thế gian đó ai tránh khỏi. Người nào càng nổi bật chừng nào, lại càng có nhiều người ghét bỏ và ganh tị. Ở trong Đạo cũng vậy mà thôi. Nhưng ta nói năng như chánh pháp

và hành động như chánh pháp thì việc gì phải sanh tâm ân hận. Chỉ có những người làm sai chánh pháp mới tự hận với chính họ thì đúng hơn. Đừng sợ ai hơn mình mà hãy sợ rằng chính mình không làm chủ được mình mới là điều đáng nói mà thôi. Nghĩ như vậy, Ngọc cứ an tâm làm việc và chẳng sợ tiếng thị phi mà cũng chẳng sợ ai ganh tị với mình. Ở chànng bây giờ có hai điều đáng bỏ là nói dối với chính mình cũng như với người bên cạnh. Điều này Ngọc cố gắng bỏ trước tiên, rồi sau mới tới rượu chè. Thuyền bây giờ đã có bến rồi, chànng không sợ đi lang bạt như ngày xưa nữa. Nhung niềm vui ở đây chẳng có gì ý vị, ngoại trừ mấy chai bia hoặc mấy ly rượu chất để tiêu sầu. Chànng sẽ cố tự kiềm chế lấy mình và phải cố gắng trừ bỏ. Rồi một hôm bệnh gan lại hoành hành thân thể, buộc chànng phải vào nằm bệnh viện, nguyên nhân chỉ vì uống rượu quá nhiều. Ngọc đau khổ lắm và cũng chính lúc này Ngọc đã hiểu được trạng thái khổ đau của thân thể qua pháp Tứ Diệu Đế của Phật giáo về khổ, tập, diệt, đạo. Thời gian nằm điều trị tại bệnh viện cũng chính là thời gian để Ngọc nghiền ngẫm lời Phật dạy. Chànng thấy cuộc đời là vô thường thật, chẳng có gì là vĩnh cửu cả. Nhiều người lầm tưởng rằng cái thân này là bền chắc, nhưng thực ra, nó chỉ là một sự giả hợp mà thành. Thân thể được cấu thành bởi bốn chất: đất, nước, lửa và gió. Khi thân này không còn hơi thở nữa thì cái xác thân tứ đại của cát bụi lại trả về với cát bụi. Có gì đâu là vĩnh cửu, trường tồn, ngoại trừ phép Phật.

Trong khi nằm tại bệnh viện, Ngọc cũng có đọc Bát Chánh Đạo, Thập nhị Nhân duyên và kinh Đại Bát Nhân Giác, nhưng lúc ấy cũng chỉ hiểu lờ mờ thôi. Tình cờ một hôm -Sư phụ sau khi đi ngoại quốc trở về, có đến thăm chànng và hôm đó- Sư phụ trao cho Ngọc một quyển sách bìa xanh nền chữ đen in nổi, mang tựa đề là "**Lá Thư Tĩnh Độ**". Nguyên tác bằng chữ Hán của Ngài Ấn Quang đại sư người Trung Hoa trước thuật. Liên Du tức Thượng Tọa Thích Thiện Tâm dịch sang tiếng Việt. Mặc dù còn mang nhiều danh từ Hán Việt, nhưng câu văn rất trôi chảy, khiến người đọc dễ hấp thụ và chấp nhận ngay từ tư tưởng cho đến lối hành

văn. Lối văn trong sáng nhẹ nhàng, nhưng không kém phần cao thượng của lời văn thoát tục. Đọc đến đâu hiểu đến đó, và sau khi hết bệnh Ngọc vẫn tiếp tục hành trì pháp môn niệm Phật mỗi ngày, đều nhờ nguyên nhân có duyên được đọc quyển Lá Thư Tịnh Độ này vậy. Có lẽ lúc đó, sách hợp với căn cơ và bệnh khổ của chàng nên mau thâm nhập, chứ có biết bao nhiêu người cũng đã đọc qua quyển ấy rồi, nhưng trong một hoàn cảnh khác, họ có thâm nhập được gì đâu! Ngay cả chàng đi nữa, nếu không bị cái rủi về bệnh hoạn lúc này, làm sao có cái may đọc được quyển sách ấy và thâm nhập Phật lý một cách lạ lùng như thế? Nếu ở trong một hoàn cảnh khác, chắc chàng cũng đọc qua như bao người khác và như thế cũng có nghĩa rằng sẽ không lưu lại được gì trong chàng một ấn tượng nào cả.

Ngọc biết rằng con vô thường sẽ đến viếng mình bất cứ lúc nào, nên chàng càng cố công để niệm Phật và cũng sau cơn bệnh ấy; một phần do lời khuyên của Bác sĩ cũng có và một phần nhờ ý thức được sự tai hại của việc uống rượu nhiều, nên chàng đã cố gắng từ từ bỏ rượu. Giới thứ năm của người Phật tử tại gia lúc quy y chàng chưa trả lời dứt khoát được, thì đây là cơ hội để mình tự giáo nghiệm với chính mình. Uống rượu không phải sát hại, cũng chẳng phải trộm cắp, song trong kinh Phật dạy, người uống rượu dễ gây nên mười điều tội lỗi sau đây:

- Thứ nhất: Tâm tán loạn, của cải rơi mất.
- Thứ hai : Thân hay sanh tật bệnh.
- Thứ ba : Tăng trưởng lòng giết hại.
- Thứ tư : Tâm sân hận bùng bốc, ưa tranh sự tranh đấu.
- Thứ năm: Trí tuệ dần kém.
- Thứ sáu : Phúc đức tiêu mòn.
- Thứ bảy : Sự nghiệp chẳng thành.
- Thứ tám: Thêm nhiều sự buồn khổ.
- Thứ chín: Làm khổ nhục cha mẹ, vợ con.
- Thứ mười: Thân hoại mạng chung, đọa vào địa ngục chịu khổ, đời đời ngu tối.

Người không uống rượu được những điều lợi ích ngược lại với những điều trên và trí tuệ bao giờ cũng được sáng suốt. Vì trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai chư Phật thành đạo vô thường chánh đẳng chánh giác đều nhờ vào trí tuệ cả. Nếu không giữ giới mà chỉ chuyên uống rượu, chẳng khác nào mình tự đốt cháy Phật tánh của mình. Cũng vì ý thức được vấn đề ấy, Ngọc đã bỏ được rượu. Lúc bỏ được rượu, bạn bè cũng có cơ chế giễu chàng, nhưng chàng cứ để mặc.

Có người bảo: Ngọc đã bỏ rượu rồi, vậy bao giờ bỏ vợ đây?

Câu hỏi nào rồi cũng chỉ có giá trị ở từng thời điểm của nó, nên Ngọc ít trả lời trực tiếp mà chỉ cười trừ khi có người hỏi. Biết đâu một ngày nào đó mình bỏ được vợ thì sao! Vì chàng vẫn thường thấy trong các câu chuyện cổ tích Phật giáo kể lại rằng, có nhiều vị Bồ Tát, vì cầu đạo vô thượng Bồ Đề đã bỏ thí cả vợ lẫn con, rồi đến cả thân thể của mình nữa mới có thể đạt được ước nguyện. Ở đây mình mới bỏ rượu cũng chưa xứng đáng chút nào với ơn sâu cầu pháp của các vị Bồ Tát, hy sinh vì chúng sanh ấy.

Sau khi xuất viện, Ngọc thường siêng năng đi chùa lễ Phật và tìm hiểu kinh sách nhiều hơn. Và cũng bắt đầu từ đây chàng đã mê đạo giác ngộ hơn mê tình nhân ở vào lứa tuổi thanh niên thuở trước. Chàng hăng say hoạt động trong mọi công tác của chùa, từ việc xã hội cho đến việc tu niệm. Cũng chính trong khoảng thời gian này, chàng đã làm quen được với Thu, một người bạn đạo. Nhưng dần dần tình thương ấy đã lái chàng sang một ngã quanh khác của cuộc đời. Cũng chẳng biết tại sao tâm chàng lại có thể rung động trước một người đàn bà đã lập gia đình với mấy đứa con, và cũng chẳng biết làm sao, cái tình thương ấy lại dễ dàng biến thành một thứ tình yêu vụng trộm như vậy? Chàng tự hỏi với chính lòng mình, nhưng câu trả lời chẳng bao giờ đáp trúng được. Lẽ ra chàng phải biết giới luật của người Phật tử không cho phép làm điều đó, khi đã thành lập gia đình rồi. Nhưng những giáo điều

ấy lúc này đối với chàng không mạnh hơn lửa yêu đương đang nồng cháy trong tim.

Đầu tiên chàng chỉ thương hai mẹ con nàng không có ai chăm sóc, nên lo giúp đỡ giấy tờ và chuyện học hành cho cô ta. Ngược lại, cô ta cũng hay đi chùa lễ Phật và làm công quả. Hai người ban đầu chỉ quen biết nhau có thế và dần dần đã biến đổi từ lúc nào, chính chàng cũng không biết được nữa.

Khi xưa lúc rảnh rỗi, Ngọc hay đi chùa. Bây giờ chàng dành thì giờ đó để hẹn hò với nàng và nói dối với vợ con là đi công chuyện hăng hoặc lo công việc cần thiết cho chùa. Ngọc không biết rằng vợ ở nhà trông chờ chồng không biết bao nhiêu ngày tháng, thế mà chàng đã lạnh nhạt bỏ kệ. Ngọc cũng không nghĩ rằng, con mình đang cần sự săn sóc của cha hơn là của kẻ khác. Thế mà Ngọc lại đi nâng niu con của kẻ khác hơn lo lắng cho con mình. Nếu vợ có trách, chàng có đủ lý do để thối thác hoặc la rầy vợ, giận mắng con, chỉ vì cái tự ái của chàng chưa bỏ được. Chàng chỉ mong thực hiện giấc mộng riêng, còn vợ con mặc kệ. Vì chàng nghĩ rằng đã có đầy đủ tất cả. Có tiền hàng tháng chàng mang về, có người chồng bên cạnh, thỉnh thoảng vẫn chăm sóc nàng, và chàng nghĩ như thế cũng đủ rồi. Chàng chẳng bao giờ nghĩ rằng tiền bạc sẽ không bao giờ đảm bảo được đời sống hạnh phúc của một cặp vợ chồng mà phải có tình thương chân thật của người chồng đối với vợ, cũng như vợ đối với chồng nữa. Và như thế trong ngoài mới ấm êm được.

Mỗi tuần chàng đến nhà nàng ít nhất cũng một vài lần, còn chuyện hẹn hò ở đầu đường góc chợ là chuyện khác. Đức Phật chẳng dạy rằng, lòng tham của con người không có đáy, nên chứa bao nhiêu cũng chẳng vừa cả, vì đã có vợ nhà rồi, lại còn sanh lòng lang chạ với người đàn bà khác. Ca dao Việt Nam đã chẳng có câu:

*“Sông bao nhiêu nước cũng vừa,
Trai bao nhiêu vợ cũng chưa vừa lòng”*

Người đàn ông nào cũng phụ tình cả, và lòng dạ người đàn bà nào cũng khó lường được. Ngoài miệng họ nói không thương, không yêu, nhưng trong lòng thực sự đã chết ngắc chết ngơ khi có dịp gân gũ, tiếp xúc.

*Dò sông dò biển dễ dò,
Nào ai láy thước mà đo lòng người...*

Máy ai biết được chữ “ngờ”, vì đã có nhiều cặp vợ chồng thê non hẹn biển với nhau, nhưng đã có máy ai giữ vẹn được đúng lời thề? Ở đây cũng thế, hai người đã có gia đình và đã có con cái đang hoàng, nhưng vẫn sinh tâm lang chạ. Gia đình chàng ghét bỏ, bạn bè khinh bỉ về những hành động bỉ ổi của chàng -ngoài mặt nói toàn những lời đạo đức, nhưng trong tâm lại hành động trái ngược. Kể từ những ngày tháng ấy, ai gặp Ngọc cũng đều mỉm cười. Người ta cười cho tình đời nghĩa đạo bạc thếch như vôi và khó ai còn có thể tin được ở chàng lúc này nữa cả.

Thình thoảng Ngọc chạy lên Su phụ để cầu cứu, nhưng Su phụ làm sao có thể dung thứ được cho người mang đầy những tình cảm lằng nhằng này. Đã vậy Ngọc còn ra sức biện minh lý này, lẽ nọ với cha mẹ cốt để che đậy một khoảng trống khó lấp đầy. Nhưng làm sao chàng có thể qua mặt được người lớn và che đậy miệng thế gian. Đã gọi thế gian thì không bao giờ tin được. Tuy nhiên, thế gian nhiều khi cũng cần phải lưu tâm, chứ đâu phải lúc nào cũng như lúc nào.

Một bên bị Thầy quở, một bên cha mẹ la rầy, và ngoài ra bạn bè còn khinh bỉ, nhưng chàng đã lờ phóng lao rồi đánh phải lao theo, chứ còn biết sao hơn bây giờ! Nhiều lúc chàng giận cha, dỗi mẹ và giận luôn cả Su phụ nữa. Chàng cũng có cảm nghĩ là không đi chùa nữa, và cũng chẳng muốn giữ một trách nhiệm gì cả, có lẽ

đỡ tai tiếng hơn. Nhưng Ngọc quên một điều là đừng bao giờ trách kẻ khác nói xấu hoặc đàm tiếu về mình mà nên tự trách mình đã làm gì lỗi lầm để kẻ khác nhìn mình thiếu thiện cảm như thế ấy.

Xưa nay đã có nhiều người định nghĩa hai chữ tình nhưng chưa có một định nghĩa nào được đầy đủ cả. Nó rộng rãi bao la như thiên địa và cũng thật nhỏ hẹp như chỉ đủ để gói trọn trong một quả tim. Bởi thế, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu đã than rằng:

Cái tình là cái chi chi
 Dẫn chi chi, cũng chi chi với tình
 Đa tình là dở
 Đã mắc vào đó gỡ cho ra;
 Khéo quấy người một cái tình ma.
 Trói buộc kẻ hào hoa biết mấy
 Đã gọi người nằm thiên cổ dậy.
 Lại đưa hồn lúc ngủ canh đi
 Nực cười thay lúc phân kỳ...

Cái tình là thế đó, cột vào thì mắc, còn rời ra thì chẳng đành. Chính nó đã trói buộc kẻ hào hoa, rồi cũng chính nó đã gọi người chết ngàn năm có thể ngồi dậy được. Ôi! Con người cứ lang thang trong sáu nẻo luân hồi. Ôi! Nhân sinh, túy sinh, tử mộng! Loài người cứ quay cuồng như thế chẳng biết bao giờ mới hết khổ sở đọa đày.

Ai cũng dòn chàng vào thế bí, và Ngọc tỏ ra thái độ bất cần, ngay cả những lời khuyên hữu ích của Sư phụ. Còn nàng cũng vậy thôi, trước mắt kẻ khác nàng vẫn nói không yêu thương chàng, nhưng trong thực tế, họ đã say đắm nhau nhiều lắm.

Có lẽ cũng vì thương Ngọc là người đệ tử đầu, và cũng vì chàng là người có nhiều đức tính tốt, chứ không phải toàn là tính xấu, nên Sư phụ cố làm sao dàn xếp cho vấn đề được ổn thỏa.

Nhưng việc này cũng chưa đầu vào đầu cả. Thành linh nhân một hôm có một việc không may đã xảy đến cho cả ba người. Nàng nghĩ rằng Sư phụ đã không đồng ý sự yêu thương giữa chàng và nàng, nên tỏ ý cản ngăn và tìm đủ mọi cách để ly gián giữa hai người. Còn chàng, bên Đồi bên Đạo, chẳng biết nên chọn bên nào cho phải lẽ, trọn vẹn. Chàng vẫn thương và kính Sư phụ như đạo nào. Ngược lại, Sư phụ đối với chàng cũng thế. Nhưng làm sao sức mạnh tinh thần có thể cân nặng hơn được biển yêu thương trong lúc này. Đó là lúc mà Ngọc cảm thấy thật khó xử phân. Với Sư phụ, người đã gạt bỏ danh lợi và chuyện thế trần từ mấy mươi năm nay. Bỗng nhiên chốn Thiên Môn bị náo loạn, không phải lửa của chiến tranh, hận thù mà là lửa của tình đời mang vào cửa Đạo, nên cảm thấy lòng nao nao khi nghĩ về người đệ tử đáng thương ấy. Dưới mắt Sư phụ, tâm con người cũng giống như ly nước đục. Lúc trần cấu ô nhiễm khởi lên bụi bặm đều nổi lên trên. Khi tâm tư thanh tịnh tự nhiên nó lắng đọng xuống. Người chỉ quan niệm có thể thôi, vẫn muốn giúp và cứu người đệ tử ra khỏi vòng cương tỏa của việc tình cảm trái ngang này. Vì Sư phụ biết rằng, một mai đây Ngọc sẽ ăn năn hối cải về tội lỗi xưa của mình.

Trên thực tế hai người không nghĩ đến những chuyện xa xôi hơn, nhưng mấy ai làm chủ được tiếng gọi của con tim mình, khi lửa yêu đương đang bùng cháy.

Bỗng nhiên có một bà dùng phép Phật trị bệnh và nói lại tiền kiếp của chàng, cũng như của nàng để khuyên tấn hai người trở lại cuộc đời tu niệm và Bà khuyên không nên tiếp tục chuyện xưa nữa. Ngọc tin điều đó hơn tin giáo lý của đạo Phật. Vì lúc bấy giờ bà ấy đã nói trúng tâm lý của chàng mà Sư phụ hay ba má chàng không thể nào giúp chàng được. Thế rồi, từ đó hai người bám víu vào sức mạnh vô hình đó để đuổi theo một lý tưởng khác. Khi Sư phụ nghe được những điều này, Người chỉ mỉm cười, vì biết rằng đệ tử của mình đang bị ma sắc dục lôi cuốn.

Chàng nguyện ăn chay trong ba tháng mười ngày để rửa sạch nghiệp xưa và nâng cũng thể. Đây cũng là một việc tốt đáng khuyến khích, nhưng đó chỉ là phương tiện ở giai đoạn đầu, không nên dùng việc này như một mục đích cứu cánh của đạo Phật. Vì trong giáo pháp của Đức Phật chưa bao giờ cho phép đệ tử Ngài làm những điều như thế. Sư phụ cũng tỏ ra buồn thật, chứ làm sao vui được khi thấy người đệ tử chẳng tuân lời, ngược lại đôi khi còn cãi bướng nữa. Sư phụ cũng khổ tâm chứ, vui sao được khi biết rằng mình đã ấp ủ dưỡng nuôi một con chim đầu đàn, khi đã vỗ cánh bay mà lại không bay tới nơi định hướng, lại bay về một chân trời khác. Nơi đó không có hoa hương giải thoát mà chỉ có trái đắng của tình đời. Sự buồn, vui và lo lắng của Sư phụ cũng chỉ vì Ngọc và dành cho Ngọc. Mục đích duy nhất của Người là mong Ngọc trở lại con đường tu hành chơn chánh theo giáo lý của đức Phật, và đừng bao giờ nổi trôi trong cuộc đời mộng ảo này nữa. Cũng chính nhờ Bà già ấy đã khuyên chàng và nàng đến tạ lỗi với ân sư để còn tiếp tục tiến bước trên con đường đạo hạnh, và hai người đã thực hiện việc ấy trong thời gian sau đó.

Ba má chàng lo lắng lắm. Có nhiều lúc mẹ chàng muốn giữ chàng bên cạnh, nhưng ai có thể giữ Ngọc cho bằng chính chàng tự giữ lấy mình? Ai thương Ngọc bằng chính tự Ngọc thương lấy bản thân mình? Chàng đã trưởng thành rồi, đâu còn nhỏ dại gì mà cha mẹ phải khổ công nhọc sức.

Thời gian cứ lặng lẽ trôi, và câu chuyện gây cần kia đã biến đổi đi được phần nào. Không phải vì người ta quên mất với sự trở trêu của tình đời mà vì mọi người đều cảm nhận được rằng, phép Phật thật quả đã có một vài tác dụng nhiệm mầu đối với tâm tư của hai người. Bấy lâu nay bị tình đời hắt hủi, Ngọc trở về với người vợ thân thương của mình để tìm lại một chút không khí sinh hoạt của gia đình. Chàng cảm thấy thoải mái, và những thành kiến cũng như quan niệm cũ của chàng đối với vợ cũng có phần thay đổi đôi chút.

Các con của Ngọc ngoan hiền. Chúng tỏ vẻ vui mừng nhiều hơn dạo trước, vì biết rằng ngày nay ba chúng không còn bỏ mẹ bơ vơ một mình trong những đêm trường cô quạnh nữa. Nhất là chúng như cảm thấy đỡ xấu hổ với bạn bè, khi nhắc đến tên người cha không mấy ai ưa thích.

Hôm sau đi làm về, Ngọc đi thẳng lên chùa muốn gặp Sư phụ. Người hỏi thăm việc này việc nọ có liên quan đến đời sống tinh thần và tình cảm của chàng. Từ đấy Ngọc đã trình bày cho Sư phụ nghe hết tất cả sự thật về những sự việc đã xảy ra trong suốt thời gian qua.

Tiếng chuông công phu chiều đã điểm hồi liên tục, Ngọc cáo từ Sư phụ ra về. Trên đường về, lòng chàng rộn lên một niềm vui khó tả, vui không phải vì hồn thiêng khiến chàng ngây ngất mà chính cảnh Thiên Môn đã ban cho chàng tâm hồn lâng lâng thanh thoát nhẹ nhàng.

chuyện tình nơi sơn tự

Những tia nắng yếu ớt của mùa xuân đang dội chiếu vào ngôi Phật điện. Ngọc khe khẽ mở cách cửa bên ngoài, rồi nhẹ nhàng bước vào bên trong đốt nhang lễ Phật. Ngọc quỳ thật lâu như thế, cứ để cho tâm tư mình thối thức. Chàng cúi xuống đứng lên không biết bao nhiêu lần. Chàng chỉ khấn thầm trong miệng, như chỉ để đủ cho chính mình nghe và các bậc giác ngộ cảm ứng thôi.

Hôm nay Sư phụ thấy đệ tử có nhiều thay đổi, nên cố dò xem. Sư phụ bước đến gần người đệ tử thân thương ấy, đoạn lấy tay mình đặt lên vai Ngọc. Chàng thoáng động tâm, vì lòng tư duy đang bị cắt đứt. Chàng sụp lạy dưới chân Thầy và ngẩng mặt nhìn lên.

Nam Mô A Di Đà Phật, kính bạch Thầy: Con đã làm cho Thầy lo nghĩ về con lâu nay nhiều quá. Hôm nay con mang tâm này đến đây xin sám hối với chư Phật, chư vị Bồ Tát và Thầy, kính mong Thầy chứng minh.

- Thầy nghĩ rằng: Nhân sinh có nhiều oan trái, và nghiệp duyên cứ ràng buộc chồng chất lên nhau, nên cứ mãi đau khổ. Chính vì thế mà Thầy cũng muốn cứu con ra khỏi con đường khổ, nhưng không biết con có biết hay chăng?

Kính bạch Thầy, con thương Thầy và kính Thầy như cha mẹ hoặc còn hơn thế nữa. Con đã biết lỗi của con, vì con luôn nghĩ rằng, Thầy vẫn còn thương con, chứ không nỡ đánh rơi một người đệ tử. Đôi khi chuyện của thế gian, con cũng không muốn làm bận tâm Thầy. Nhưng ngoài Thầy ra, con không có ai để thổ lộ tâm sự được cả. Hôm nay, con có một vài điều muốn bộc bạch cùng Thầy.

- Được, con cứ việc nói.

- Với sự suy nghĩ có giới hạn của người thế gian làm sao mà hiểu cho hết được. Lâu nay con đã sống trong mọi dị nghị, và trực diện với chính mình. Từ đó những lời dạy của chư Phật, của Thầy Tổ trở về nơi tâm tư của con từng giây từng phút. Hoa sen ngoi lên từ bùn, nhưng đâu phải vì bùn mà làm vẫn đục được ý nghĩa của hoa thoát tục đâu.

- Thầy biết con muốn nói gì. Nhưng con có biết rằng thế gian mấy ai hiểu được điều đó, và ngay cả chính con, Thầy nghĩ rằng, đôi khi con vẫn còn lầm lẫn nữa. Mượn giả làm chân, lấy chân làm giả là lẽ thường tình. Con có biết rằng con đã bước lên một bước và con đã lùi lại mấy bước không? Con có biết sự hạnh phúc hay sự đau khổ giày vò tâm tư con đều có liên hệ đến Thầy và đến gia đình của con bao nhiêu không?

- Bạch Thầy, con hiểu lắm, Thầy đã thương con và nhận con làm đệ tử -cũng nhờ đó con biết được phép Phật nhiệm màu-nhưng đây oan trái này đâu phải do chính con tự trối mà có lẽ do nghiệp duyên của kiếp trước con đã gây nên.

- Con nên biết rằng, con người sinh ra vì nghiệp lực, nhưng chính ta có thể hoá cái được nghiệp ác thành thiện nghiệp kia mà! Chứ đâu phải đổ thừa cho nghiệp lực để con người cứ buông trôi theo dòng đời vô độ.

- Kính bạch Thầy, con không ngoan cố, không ngụy biện, không hiểu đạo một cách mù mờ. Theo con nghĩ, vấn đề là mình có hành được những gì theo sự hiểu biết hay không. Khi con hành động, người khác làm sao hiểu biết được. Vì mỗi người đều có căn cơ khác nhau. Dẫu biết rằng mọi khổ đau của những người thân vì con, đều xuất phát từ sự lo lắng dành cho con. Thầy đôi khi vẫn thường nói, anh em hãy sống nhiều cho và vì sự thị phi, hãy trở về sống với chính mình trước đã. Bạch Thầy, con quan niệm cũng vậy. Con lo tròn được cho chính con, tức là đã lo cho mọi người rồi vậy. Con tự thấp sáng ngọn đèn của con lên trước, trước khi giúp người ta thấp đèn của họ. Con luôn đề phòng gió bão từ bốn phương sẽ dập tắt ngọn lửa.

- Con nói thế, nhưng Thầy tin rằng tâm tư con chưa phải thế.

- Nếu Thầy chưa tin con, xin Thầy hiểu cho con điều này: Lòng thương của con dành cho mọi người nhiều lắm nhưng vòng tay con chỉ có giới hạn, cũng như khả năng và hoàn cảnh sống thu hẹp của con. Trái tim con bừng sáng, mắt con nguội lạnh như tro tàn. Đó là một câu con đã có duyên đọc được ở đâu đó, và cũng đã giúp cho con vượt qua được những phút khủng hoảng tâm linh, suýt nữa đã đưa con vào địa ngục. Ở lúc đó, con mới hiểu được câu nói trên với tận cùng ý nghĩa của nó.

- Nếu nhìn vào pháp Phật là thế đó, nhưng thế gian pháp đâu phải như vậy con! Vì bên con, còn cha mẹ, vợ và con thơ dại của con nữa. Và bên kia cũng chẳng kém gì. Ngôn ngữ, lễ giáo, đạo đức, luân lý... chắc rằng không ai cho phép con làm một chuyện trái ý nghịch lòng nữa. Chính con, Thầy nghĩ rằng, con cũng chẳng vui gì khi mọi người chung quanh đều lo nghĩ về con và lo lắng cho con. Thầy thấy biết bao nhiêu chuyện tình của thế gian lâu nay đã vượt ra ngoài vòng lễ giáo. Người ta có thể hy sinh cha mẹ, anh em, bè bạn, Thầy Tổ để theo tiếng gọi của con tim. Kết cuộc rồi họ sẽ biết, nhưng quá phũ phàng con ơi! Ở đây, con là

người học Phật, là đệ tử của Thầy. Thầy mong rằng Ngọc không vì sự thôn thức riêng tư của tâm mình mà gây ra đau khổ.

- Con nghĩ rằng, tất cả cuộc sống chỉ là phương tiện để đưa con người ra khỏi vũng bùn lầy. Thực hành mọi phương tiện là một cuộc cách mạng lớn. Vì thế, con nhìn vào phép Phật để thực hành. Mỗi một cuộc cách mạng là một lần khủng hoảng tâm tư. Ở đó, nếu tâm nhu nhược hoặc sai lầm thì mọi phương tiện đều sai. Thầy đã dạy con rằng, tất cả đều phát xuất từ tâm mình. Thầy đã đoán biết tâm con rồi, con chắc không có gì để thưa với Thầy nhiều nữa.

- Thầy vẫn biết thế, nhưng sao Thầy thấy không yên. Người nào đứng ngoài vòng tròn mới thấy được vòng tròn ấy thật sự tròn hay méo, chứ đứng bên trong làm sao thấy được rõ hết hơi con. Cũng như việc làm của con gần đây, con bảo rằng đúng, nhưng nhiều người thấy nó sai. Con nên cố gắng bình lặng tâm để suy xét lại thử điều đó đúng sai như thế nào. Tất cả trách nhiệm đều về con. Thầy và cha mẹ cũng chỉ là những người thấy được điều đáng làm và điều nên tránh. Còn thực hành hay không lại tùy thuộc nơi con, chứ chẳng ai có thể ngăn cản con được, ngoại trừ chính con.

Ngọc cúi đầu yên lặng trong giây lâu, như để nuốt trứng những lời của Sư phụ vào tim vào óc, vào lồng vào huyết quản của mình để nhận chân ra đâu là sự thật. Nhiều lúc chàng vẫn biết sự thật là như thế, và nên làm như thế, nhưng tiếng vọng của con tim; lúc đầu có thể chỉ là thương, chứ chưa yêu, và tình thương mãnh liệt hơn vũ bão, nặng hơn cán cân, và nhiều khi còn mạnh hơn cả những lời giáo huấn.

Sư phụ vẫn điềm nhiên như không một chút thoáng động nào hiện lên trên nét mặt hiền từ trong sáng ấy. Người lại tiếp tục những ý tưởng đã bỏ dở từ trước.

- Thầy thương con là một người đệ tử, một cánh chim đầu đàn của bao nhiêu cánh chim khác. Nếu con lầm lẫn thì mọi con chim bay theo sau cũng sẽ lạc đường. Con biết chứ! Ngoài tình sư đệ ra, Thầy trò mình còn hiểu nhau bằng nhiều thứ tình khác nữa: tình bằng hữu hoặc bạn đạo. Nếu Thầy không thương con, chắc Thầy cũng chẳng nhọc công tốn sức làm gì để cho tâm tư Thầy nhiều khi cũng bị khuấy động bởi chuyện thế gian.

- Chính con, con cũng không muốn thế, con không muốn chuyện của thế gian làm ô uế cửa Thiên. Nhưng chung quanh con toàn là những băng giá của đêm đông, con biết nương tựa vào ai để đưa đường chỉ lối...

Một ngày đẹp trời khác, Thu cũng đã đến nơi sơn tự lễ Phật và gặp Thầy. Nàng cũng là một Phật tử rất sùng đạo. Nhiều lúc lý trí cũng thắng được tình cảm, nhưng lắm khi tình cảm cũng chi phối lý trí của cô ta rất nhiều. Cô ta sống trong một gia đình có giáo dục, nề nếp gia phong, đã có chồng, có mấy đứa con. Cũng như Ngọc, hai người đều cùng một hoàn cảnh và một niềm tin. Nhưng định mệnh đã trớ trêu làm cho Ngọc và Thu cứ phải gần gũi nhau để mang đến nhiều đổ vỡ. Hôm nay Thu đến chùa cũng chỉ để cầu nguyện cho tâm mình vui đi bao nỗi buồn phiền. Nàng yêu, thương, mến, quý Ngọc tha thiết, rất muốn gần nhau để dìu nhau đi trên con đường chân-thiện-mỹ. Nhưng nhiều khi Ngọc táo bạo hơn, đi xa hơn thực tế, nàng đã cản ngăn. Chính nàng đã sanh lòng hối hận, vì có đạo đức và luân lý buộc ràng, Thu đâm ra đau khổ. Sư phụ biết điều đó nên nhẹ giọng hỏi rằng:

- Theo cô nghĩ, ai đã gây ra việc này?

- Có lẽ cả hai chúng con đều có tội và đều vì nghiệp duyên của chúng con ngày trước cả. Quả chúng con đã vụng đường tu nên hôm nay mới ra nông nỗi này. Tâm con đã chẳng an mà còn làm cho bao nhiêu người khác phải lo lắng nữa. Quả con đã có tội. Kính mong Thầy thứ lỗi cho con.

- Nếu cô đã biết ăn năn sám hối thì hãy chừa những gì đã đi vượt ra ngoài vòng lễ giáo. Nếu cô sám hối hôm nay chỉ để vui đi một chút nổi lòng, rồi ngày mai hay một cô lại tái phạm nữa, thì việc sám hối hôm nay cũng chả có lợi ích gì.

- Kính bạch Thầy, con đã hiểu điều đó.

Bên ngoài hai người vẫn nói với cha mẹ, bè bạn và Thầy Tổ là tình bạn. Nhưng thật ra họ đã đau khổ với nhau rất nhiều. Trong thực tế, họ cũng dìu nhau đi trên đường đạo, nhưng tiếng gọi của con tim mạnh hơn lý trí, nên mới sinh ra nông nổi này. Có nhiều lúc Thu tâm sự với Ngọc: Em thật sự thương và yêu anh, nhưng đã bị gia đình cản ngăn. Em chẳng được một sự tự do nào cả. Có nhiều lúc nghe cha mẹ mắng chửi riết rồi cũng quen đi. Nhiều lúc em muốn bỏ đi để được giải thoát, nhưng em nghĩ cần phải sống, phải ăn, phải ngủ để quên đi bao nỗi đáng cay của nhân thế và rồi lại thôi. Em tin rằng, anh cũng bị ngăn cản như thế. Không biết mọi người chung quanh mình đã ghét gông hay tại chúng mình không tự tạo cho mình một sự tự do nào nhi? Chúng mình đã lớn rồi chứ đâu phải trẻ nít gì, nhưng sao những lời giáo huấn vẫn là một sự ngăn cản của đời ta!

Ngọc chắc hẳn đã yêu nàng nhiều lắm và đôi khi còn muốn tiến xa hơn nữa, lo lắng cho nàng và con cái nàng nhiều hơn nữa. Nhưng gia đình và giới luật của người Phật tử tại gia không cho phép, nhất là khi đã lập gia đình rồi không được lang chạ với vợ hay chồng của người khác. Điều đó có lẽ đã làm Ngọc thức tỉnh. Và cũng chính nhờ ngọn đèn tình tấn thấp sáng trong tâm hồn của hai người, nên dần dà biến thứ tình yêu vị kỷ đó thành một thứ tình cao thượng hơn. Chắc rằng nàng đã khóc nhiều đêm và chàng cũng lo lắng không ít cho con chim lồng của mình đã gãy cánh. Nhưng bên nào cũng đều có trách nhiệm cả. Họ đã bảo nhau đừng nên diễn tiến cuộc hành trình này nữa mà nên trở lại con đường đạo đức.

Thu vẫn còn quý đầy và hình ảnh Ngọc vẫn hiện ra đó. Còn Ngọc thương và yêu Thu thật nhiều và tha thiết. Thu thật ra, không yêu Ngọc mà chỉ thương hại nhiều hơn là tình yêu đúng nghĩa. Nhưng vì nhiều thứ tình khác trộn lẫn vào nhau nên mới ra nông nổi! Chàng vẫn còn sẵn sóc nàng, nhưng Thu như lơ đãng và muốn khoác lên mình một màu áo giải thoát và nàng chưa biết đến bao giờ mới thực hiện được. Còn Ngọc, có lẽ chàng cũng muốn thế, vì đau khổ quá ê chề, nhưng ngày đó chưa biết bao giờ đến, hay phải còn chờ thời gian thay đổi nữa!

Thu đánh lễ Tam Bảo ba lạy rồi lui ra. Nàng cũng chưa tìm thấy trong tâm hồn có sự an ổn nào. Vì vẫn cảm thấy rằng mình là người bị đeo đuổi. Ngọc có thể bây giờ vì tình thương hơn là yêu. Thương cho mẹ con nàng cô đơn lẻ bóng, nên cứ bám sát lấy nàng, chứ không như tình yêu đạo trước nữa. Nhưng sao trong lời Thầy dạy vẫn thấy cay đắng tràn đầy. Vẫn biết đời là “Túy sinh, tử mộng” ấy. Nhưng tâm nàng hôm nay còn gì nữa. Hình bóng của Ngọc chẳng? Chắc là không còn ngự trị trong lòng nàng nữa. Vì nhiều lúc nàng chỉ thấy tội nghiệp cho Ngọc mà thôi. Một người con trai khá đẹp, lạnh lẽ, nhưng trái tim đã tan vỡ nhiều mảnh. Ngày nay Ngọc cố gắng chấp vá lại để làm một chuyện cao thượng hơn, và có còn nguyên vẹn không?

Sư phụ trở về phòng ngồi trầm ngâm suy nghĩ cho tình đời lẽ đạo. Đời là thế đó, đầy phong ba bão táp và Đạo là con đường chênh vênh ngược hướng như đang thử thách với lòng trần. Khi người ta yêu và thương nhau người ta thường hay thể thốt hiển dăng trọn vẹn cho nhau, nhưng mấy ai đã giữ được lời thề. Còn khi người ta đã tin vào một điều gì, dĩ nhiên người ta phải bỏ đi cái vị kỹ mới tìm cái thánh thiện cho tha nhân được. Một khi lòng vị kỹ, tính cố chấp còn, thì niềm tin và tình yêu ấy vẫn còn giới hạn. Chỉ khi nào trái tim phải lớn hơn hòn núi Tu Di, mới mong thực hiện việc đem đạo vào đời được. Người mang tâm đời phụng sự cho đạo cũng chẳng khác nào người mang vung nhỏ úp vào nồi

lớn. Có điều người ta quên rằng mang tâm đạo phụng sự cho đời thì Đạo mới được tự tại và đời cũng được ảnh hưởng lây.

Đức Phật vẫn ngự trị trong thiên thu vạn kỷ trong và giữa chúng ta, như hoa Ưu Đàm Bát La ngàn năm vẫn tỏa ngát hương thơm dịu vợi trong chốn lục quần. Ngài vẫn mỉm cười để thấy vật đổi sao dời của thế gian và vẫn ngự trị trên muôn loài.

Ánh sáng vẫn còn tỏa rộng trong ngôi Phật điện. Sư phụ trở lại liêu phòng an nghỉ. Nắm vắt tay lên trán, Thầy khẽ thốt lên mấy câu: Cuộc đời là vô thường, thế gian giả hợp mà ai cũng tưởng rằng chơn. Quả thật đời ta là một cái gì không có lối thoát. Mong rằng chơn như vẫn hiện hữu đâu đây để cứu người ra khỏi chốn trần lao tục lụy...

tình sư đệ

Trời xanh trong vắt, thoáng điểm vài vệt mây hồng. Gió hây hây thổi, cảnh vật chung quanh ngôi chùa Đại Giác vẫn như xưa. Vườn chùa có cả cây ăn trái, có quả cúng Phật và đôi khi còn có những loại hoa mẫu đơn cũng đơm bông nở rộ.

Chú Hạnh Tâm hôm nay chăm sóc kỹ vườn chùa để chùa có thêm được một vài thứ cần dùng và khỏi phải lên phố chợ mua sắm, cũng để đỡ tốn thì giờ và một phần hao tốn của đàn na thí chủ. Vả lại, bà Diệu Huệ ở nhà trừ vẫn thường hay khuyên chú nên cố gắng trồng tía thêm được để đỡ lo cho Sư phụ. Bà hứa sẽ cho chú quà, khi nào công việc có kết quả tốt. Do đó chú chăm chỉ và siêng năng lắm. Lâu lâu Sư phụ thấy chú chăm chỉ làm việc quên cả việc học hành Sư phụ cũng không vui, nhưng thấy chú vẫn khỏe mạnh và lo mọi công việc trong chùa: từ việc đèn nhang trên chánh điện, cho đến việc tưới nước trồng cây ngoài vườn, Sư phụ cũng tạm hài lòng.

Hôm nay chú đang tưới cây bên ngoài hàng ba chùa, miệng chú cứ lẩm nhẩm ôn đi ôn lại mấy bài thần chú. Nhiều lúc chú cũng thấy bực mình, vì thần chú gì khó học quá. Nhưng vì sợ oai Sư phụ, chú vẫn phải cố gắng. Bỗng đâu đằng xa kia ở tuốt tận cổng tam quan, bóng dáng Ngọc đang vội vã tiến về hướng chú đang tưới cây. Ngọc ngã mũ ra chào:

- A Di Đà Phật, chào chú Hạnh Tâm. Sao hôm nay trông chú có vẻ siêng quá nhỉ? Để Ngọc làm thế cho chú nhé!

Chú Hạnh Tâm đáp lễ lại Ngọc một cách vui vẻ, và buộc miệng nói rằng: Cám ơn Ngọc lắm, nhưng anh biết không, ai tu này chứng chứ không ai khác tu giùm cho ai để ai được chứng đâu, nên không có chuyện bảo để làm giùm.

- À ra là thế đấy! Chú đã thuộc Tâm kinh rồi và hiểu ra lẽ Bát Nhã sâu sắc đấy chứ?

- Thần chú Lăng Nghiêm học chưa có xong mà Bát Nhã cái gì?

- Vậy thì chú và Ngọc học thi nhé! Ai thuộc trước sẽ được Sư phụ thưởng, chú có đồng ý không?

- Hôm nay Sư phụ có ở nhà không chú?

- Sư phụ ở chùa chứ đâu có ở nhà hồi mô. Chú Hạnh Tâm trả lời thế và có ý gần thành từng tiếng một cốt để Ngọc nghe cho kỹ.

Ngọc là kỹ sư, và là đệ tử cư sĩ đầu tiên của Sư phụ. Thịnh thoảng chú Hạnh Tâm vẫn nghe Sư phụ nhắc nhiều về người này. Hôm nay nhân duyên lại đến để được gặp mặt. Quả thực Sư phụ đem lời khen tặng người này cũng đâu có sai. Ngọc có vóc dáng thư sinh, nhưng rất xóc vác trong mọi công việc. Dễ thường một ông kỹ sư đi tưới nước cây cảnh vườn chùa! Một điều chú Hạnh Tâm lấy làm lạ là thấy Ngọc dạo sau này thường hay đi chùa nhiều hơn. Nhưng mỗi lần đến chùa, sau khi lễ Phật xong, Ngọc thường hay vào hầu thăm Sư phụ và rồi lo công việc làm ăn, nên chú Hạnh Tâm không có cơ hội chuyện trò. Biết đâu hôm nay là dịp may hiếm có để mình hỏi chuyện. Chú vẫn tiếp tục tưới cây, nhưng đột nhiên phải bỏ dở ống nước xuống làm cho nước bắn tung tóe lên khắp cùng người Ngọc, chú kê miệng vào kê gần tai Ngọc nói thì thậm gì đó không thành tiếng, rồi hai người dẫn nhau vào nhà bếp nói chuyện với nhau.

Chú hạnh Tâm bắt đầu câu chuyện: Anh có biết tại sao Sư phụ cho anh pháp danh đó không?

- Theo Ngọc nghĩ, chắc Sư phụ đã hiểu hết tâm can của Ngọc khi lần đầu tiên mới diện kiến Người, cách đây hơn bảy năm về trước. Thời gian đó, đối với Ngọc, việc đến chùa có thể chỉ vì một sự cần thiết nào đó thôi. Nhưng Sư phụ lại nghĩ khác. Có lẽ vì thế, Sư phụ cho pháp danh như vậy chẳng? Ngày chưa gặp Sư phụ, Ngọc này cũng tung hoành ngang dọc chứ đâu có chịu thua kém ai, nhưng có lẽ phép Phật nhiệm mầu nên đã thức tỉnh tâm mình và khiến mình quay về với nẻo đạo. Cái pháp danh mà Sư phụ cho tôi ngày nay hay pháp tự Sư phụ đã đặt cho chú đó, chắc cũng mang đầy đủ ý nghĩa không ngoài hai chữ Phật tánh và Chơn Như chứ gì?

Thời gian có trôi đi và lòng người có thay đổi, nhưng tôi nghĩ rằng chắc Sư phụ không lầm đâu, khi cho pháp danh và pháp tự cho chúng ta, có phải không chú Hạnh Tâm?

- Tôi mặc dù là đệ tử xuất gia đầu của Sư phụ, nhưng quy y sau anh, vậy anh hãy kể cho Hạnh Tâm nghe về ngôi chùa này, về anh và cũng như về Sư phụ vào thuở ban đầu ấy ra sao?

Thời gian... Ngọc ngập ngừng. Thời gian hơn bảy năm trôi qua, chắc cũng chả có gì phải đáng nói, so với một kiếp nhân sinh hay so với A Tăng kỳ kiếp để được thoát ly sanh tử luân hồi. Nhưng hôm nay vì chú gạn hỏi nên tôi mới nói để chú làm tin. Chắc Sư phụ sẽ nói, nhưng tôi nghĩ rằng, Sư phụ ít hay đề cập về mình, nhân hôm nay vì sự đề nghị của chú, tôi buộc lòng kể ra đây:

Hồi mà nhân tâm của xứ này còn nhiều điên đảo vọng tưởng, và khi mà đạo đức cũng như luân lý chỉ là những gì xa với thực tế, thì Sư phụ xuất hiện vừa đúng lúc. Người đến với chiếc đầu tròn áo vuông, nay đây mai đó để chiêu cảm người hiền. Không

phải Thầy lo cho dân cho nước mà lo cho đạo cho đời. Đi đến đâu người cũng giảng giải hai chữ Từ Bi và Lợi Tha của Đạo Phật. Những người tin tưởng, khen, nghe theo cũng có, và lắm kẻ phi báng Tam Bảo cũng không phải là không. Dù vậy, Sư phụ vẫn không buồn lòng nản chí, Người vẫn đó đây vân du hóa độ. Kể thương lưu trí thức cũng có, hàng hạ tiện bình dân Sư phụ cũng chỉ một lòng. Tôi có lẽ lúc đó, vì cảm mến đức hạnh của Sư phụ nên đã xin phép làm lễ quy y. Đó là lễ quy y đầu tiên của chùa Đại Giác, và cũng là lễ quan trọng đầu tiên trong cuộc đời học Phật của tôi. Ngôi chùa này mới đầu cũng chẳng phải như bây giờ đâu chú Hạnh Tâm. Buổi ban sơ chùa chỉ là mái tranh vách lá, thầy trò chúng tôi phải quyên góp của Đàn Na Tín Thí khắp nơi để có tiền lo việc nhang khói, cũng như lo tu sửa ngôi Phật điện. Công sức thì nhiều, nhưng kết quả chẳng bao nhiêu. Vì thuở bấy giờ ít người có tín tâm đối với Đạo. Nói đúng hơn Phật tánh sẵn có, nhưng lòng người chưa đến thôi chẳng? Nhưng Sư phụ vẫn kiên gan bền chí và phấn đấu tới cùng, dầu cho bao chông gai thử thách, Thầy vẫn một lòng cương quyết. Nhiều lúc Người cũng phải đi làm để có thể nuôi sống duy trì ngôi Phật điện này nữa. Tôi nhìn thấy cảnh ấy mà thương, nhưng lúc đó tôi mới ra trường và chưa có việc làm -tay trắng vẫn hoàn trắng tay- dù có ý muốn giúp Thầy, vẫn không thực hiện được.

Có những bữa tụng kinh cùng Người và lắm khi Thầy trò cũng tâm sự nữa. Như chú biết đó. Tuổi Sư phụ chỉ hơn tôi có hai hoặc ba gì đó. Nhưng trong tình Đạo, tôi phải giữ đạo nghĩa Thầy trò; còn nếu như ở ngoài đời tôi xem Thầy như bạn. Vì thế, nên cả Thầy lẫn trò dễ thông cảm với nhau nên nói chữ tâm sự chắc rằng cũng không lấy gì ngoa ngôn cho lắm, phải không chú? Rồi thời gian cứ lặng lẽ trôi qua, chùa Đại Giác vẫn được xây dựng và phát triển. Bóng mát của Người như che rợp cả trời Tây, nên thiện nam, tín nữ về chùa càng ngày càng đông lắm và bây giờ như chú thấy đó. Ngôi Đại Giác từ nay không phải là ngôi Đại Giác ngày xưa, khi còn mái tranh vách lá nữa. Nhưng càng nghĩ đến đó, tôi

càng thương Thầy và cảm niệm ân đức Tam Bảo đã hộ trì cho Thầy được như ngày hôm nay.

Chú Hạnh Tâm ngồi nghe say mê Ngọc kể, như chính mình đang lạc vào trong chốn thâm cung nào đó. Bỗng chú như nhớ ra một điều gì, lại tiếp tục hỏi Ngọc: Tôi nghe Sư phụ vẫn thường dạy câu này, không biết có đúng không anh Ngọc?

“Đi lính sợ ải, làm sãi sợ Lăng Nghiêm”. Nhưng sao anh học tài thế! Có thể nào chỉ cho tôi cách học với. Sư phụ nói rằng: Anh mặc dầu còn là cư sĩ chưa khoác áo nâu sòng mà học kinh Lăng Nghiêm chỉ trong vòng ba tháng đã thuộc lòng và nghe nói đạo đó Sư phụ có thưởng cho anh nữa phải không?

- Lại cũng chú. Hôm nay nếu tôi trả lời tất cả những câu hỏi của chú, chắc phải tới khuya mới về nhà được. Nhưng tôi cũng nể tình, nên kể tiếp cho chú nghe đây: Tôi học kinh Lăng Nghiêm chẳng phải vì có phần thưởng khuyến khích mới học mà vì đạo đó tôi đang bị nhiều thứ nghiệp chướng vây bủa. Tôi cố học để giúp có thêm nghị lực phấn đấu trong chánh niệm mà thôi. Không ngờ sự nhiệt tâm ấy và cũng nhờ vào tha lực của chư Phật. Buổi học kinh Lăng Nghiêm do Sư phụ chủ xướng, tôi đã không quên sót một chữ nào. Thật ra hứ vía! Phần thưởng đương nhiên là nhiều lắm. Nhưng niềm vui của tôi không phải vì phần thưởng mà vì thấy Sư phụ có vẻ hài lòng về người đệ tử của mình.

Có lần thọ Bát Quan Trai đầu tiên, tôi vì bận việc gia đình không thọ được. Nhìn nét mặt của Sư phụ, tôi biết Người đang trách mình không tinh tấn. Do đó, tôi hay lần tránh mỗi khi nhìn thấy Sư phụ không được vui. Và bây giờ, mỗi buổi sáng trước khi đi làm, tôi đều đến chùa để đi công phu với chú và Sư phụ, hầu có cơ hội thông đạt nhiều hơn trong đời sống tâm linh.

Ngọc đang trả lời ngon trớn. Bỗng đánh thót lên một câu dứt quãng: Ấy chết, tôi chưa lễ Phật và cũng chưa chào Sư phụ mà

mãi lo nói chuyện với chú. Chú thông cảm, để khi khác chúng ta sẽ nói chuyện nhiều hơn.

Chú Hạnh Tâm và bà Diệu Huệ đi vào nhà trù sửa soạn cơm cúng Phật; còn Ngọc khe khẽ bước lại trước cửa phòng Sư phụ đưa tay lên gõ nhẹ vào cánh cửa 3 tiếng. Sư phụ bảo: Cứ vào. Chàng lặng lẽ cúi đầu chấp tay ngang ngực xá Sư phụ một xá và thưa:

- Kính bạch Thầy: Con đến chùa từ sớm đến giờ, nhưng mãi nói chuyện với chú Hạnh Tâm, nên quên chưa vào chào Sư phụ. Kính xin Sư phụ miễn chấp cho con.

- Thầy đã biết rồi. Nhưng hôm nay sao con không đi làm mà về chùa sớm thế?

- Con có công việc của hãng đi ngang qua chùa, luôn tiện con ghé thăm chùa và thăm Sư phụ một thể.

- Đạo này Thầy thấy con tinh tấn, Thầy cũng mừng, nhưng không biết giờ “Hoàng Đạo” bao giờ mới đến với con, khi mà dòng đời còn nhiều giông bão ấy! Thầy vẫn lo, vì tuổi đã lớn, nhưng tương lai của Đạo Pháp chưa có mầm non nổi bước; còn công việc Phật sự lại đầy gian nguy thử thách như thế kia! Ngày đêm Thầy vẫn thường nghĩ mà thương cho quê hương và đạo pháp đang bị ma vương hiện về quấy phá, và giờ đây đang bị vùi sâu trong thâm tâm, đục vọng che phủ kín đời sống tinh thần của người dân Việt. Trong khi đó, ở những nơi chốn bình yên như nơi này, chả mấy ai lưu tâm đến việc hoằng dương chánh pháp để phát huy “Thánh chủng” của đấng Từ Tôn.

- Kính bạch Thầy, con nghĩ rằng một ngày nào đó không xa, ao sen của chùa Đại Giác sẽ trở lên muôn cánh để nhân thế được nhờ và hương sen cũng sẽ tỏa ngát đến những người con Phật. Họ

sẽ trở về với Đạo và chắc rằng sẽ có người nối gót Thầy. Thầy đừng quá bi quan về vấn đề đó.

- Thầy cũng nghĩ như con và vẫn tin “ngày mai trời lại sáng”. Nhưng ngày mai ấy người ta có quyền hy vọng và đôi khi cũng thất vọng như thường, phải vậy không con?

- Thầy vẫn dạy con: Các pháp đều giả lập. Vậy cứ để dòng đời bất động như như hay hơn là có ý mong cầu.

- Vô vi Diệu pháp là thế, nhưng các pháp hữu vi trong thế gian này, mấy ai liễu ngộ được?

- Kính bạch Thầy, gần đây con thấy thích tu và ghê tởm tội lỗi, nhất là sau khi có đọc qua các kinh Viên Giác, Kim Cang, Duy Ma Cật, Lương Hoàng Sám, Thủy Sám, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa v.v... con cảm thấy mình như hạt bụi và cũng muốn được như là hạt cát của sông Hằng để được tắm gội ơn đức của Như Lai.

- Thầy tin rằng con đã liễu ngộ được ít nhiều phép Phật nhiệm màu, và Thầy mong rằng với tâm đạo sẵn có, cũng như học lực và sự siêng năng chịu khó của con sẽ là những chất liệu cần thiết mang con đến một chân trời giải thoát. Vì lẽ, quê hương đất nước đang cần đến những bàn tay mở rộng để xây dựng như của con. Con người khi mê lại cho là tỉnh; còn khi tỉnh lại hay muốn mê. Khi trở về với Đạo là phải vượt lên trên cả hai trạng thái đó. Không mê cũng như không tỉnh. Ấy mới là tỉnh vậy. Một khi đã tỉnh thật sự rồi thì không còn bị đọa lạc vào cái mê tầm thường như của thế gian nữa.

Ngọc vẫn lặng yên ngồi nhìn kim đồng hồ xoay chiều phía trước mặt. Chàng đảo mắt nhìn lên những chồng sách, pho kinh được bày biện một cách khá ngăn nắp trong gian phòng khách này. Trong số, có những kinh chàng đã đọc, nhưng cũng có lắm quyển thì chưa, như kinh Hoa Nghiêm, Bát Nhã... chẳng hạn, đều

là những bộ kinh Đại Thừa vô giá. Chàng ước gì có thì giờ sẽ trì tụng hoặc đọc qua để tìm hiểu thêm ý thú của kinh qua những lời dạy của chư Phật. Sư phụ vẫn còn ngồi đấy như muốn nhấn nhủ chàng một điều gì, nhưng lại quay sang phía khác và nói một mình:

- Không biết lâu nay đã hơn bảy năm rồi, ta đã giúp con được gì? Và bảy năm sau nữa việc gì sẽ đến, khi mà lòng người vẫn còn nhiều thay đổi?

- Nếu không có Thầy, chắc con không có cơ hội gần gũi với Đạo. Chính nhờ Thầy mà con mới là con của Thầy - một người đệ tử - một người con đúng nghĩa theo tinh thần của Đạo. Con hy vọng rằng dầu thời gian có dài đến bao nhiêu đi nữa và không gian có xa đến vô tận, con vẫn là đệ tử của Thầy, cũng như “dầu phải chịu muôn ngàn gian khổ, con dốc lòng vì Đạo hy sinh” để đền đáp công ơn của cha mẹ, Thầy Tổ đã huấn dục con nên người. Cánh hoa sen ấy chắc chắn sẽ có ngày nở trong ao thất bảo của vườn chùa Đại Giác, xin Thầy cứ an tâm.

Ngọc cúi đầu chào Sư phụ, chàng lặng lẽ bước ra khỏi thư phòng và tiến về phía chánh điện. Trước bàn thờ đức Quán Thế Âm, Ngọc quỳ thật lâu như nguyện ước một điều gì. Bỗng đâu chú Hạnh Tâm từ đằng xa chạy đến làm thoáng động ý nghĩ của chàng và kéo chàng trở về với thực tại. Chú Hạnh Tâm buộc miệng:

- Nè, bao giờ anh Ngọc xuất gia đây! Vào chùa tu cho em có bạn với mà! Anh không nghe người ta nói “ăn cơm có canh, tu hành có bạn” đó sao? Ở đây em chả có bạn nào ngoài cỏ với cây cả. Sư phụ thì cao xa; còn đức Phật lại hiền hòa và cao thượng quá. Em muốn có anh vào đây làm chú tiểu quét lá... sân chùa với em nha!

- Tôi vẫn không đi xuất gia ngày một đây à?

- Anh đùa đấy chứ. Xuất gia sao không cầu đạo gì cả vậy?

- “Cầu đạo” là sao?

- Là “cạo đầu” ấy mà! Anh chẳng biết gì cả mà bảo xuất gia cái gì?

Chứ không phải xuất gia là ra khỏi, gia là nhà. Như vậy mỗi ngày tôi vẫn đi và về hai bên, không phải xuất gia sao! Ngọc có ý phá chú Hạnh Tâm như vậy cho có cớ để chú trở tài biện thuyết.

- Xuất gia là xuất tam giới chi gia kia mà!

- Chú lại xô chữ với tôi nữa. Tôi có hiểu ắt giáp gì đâu. Chú thử giảng nghĩa tôi xem.

- Đây nè, xuất gia là nói cho đủ nghĩa phải như thế này:

Xuất thế tục gia

Xuất phiền não gia

Xuất tam giới gia

Xuất thế tục gia là ra khỏi nhà thế tục, tức ra khỏi cái gia đình anh đó. Xuất phiền não gia là phải ra khỏi cái tham-sân-si của cuộc đời; còn Xuất tam giới gia là phải ra khỏi ba cõi: dục giới, sắc giới và vô sắc giới đó mà. Sư phụ chẳng dạy chúng mình là gì!

- Thế chú đã xuất ra được mấy nhà rồi?

Chú Hạnh Tâm yên lặng hồi lâu không trả lời. Bỗng có tiếng khánh vang lên ở Trai đường báo hiệu giờ ngọ trai đã đến, chú để Ngọc ở đó một mình và trở lại trai đường hầu cơm Sư phụ.

Bóng chiều ngã dần theo những luồng cây trồng dọc đường vào ngôi Phật điện. Ngọc lui thủi “hồi gia” mang về theo trong lòng biết bao nhiêu suy nghĩ. Một mối đạo tình, một lòng tri ngộ,

một thâm ân, một tình sư đệ trong chôn Thiền Môn, một ngôi chùa, một hồi chuông thoát tục... Chàng bước đi, nhưng vẫn theo dõi tâm tư mình như hơi thở chàng quán sủi tức vào mỗi buổi sáng ở chùa Đại Giác, trước thời công phu khuya vậy.

Chú Hạnh Tâm vẫn nuôi hy vọng là sẽ có người tâm sự trong lúc học kinh quá mệt hoặc trong lúc làm việc chùa quá nhiều. Còn Sư phụ thật khó diễn tả. Chẳng biết Sư phụ nghĩ gì. Nhưng chắc rằng Người muốn thấy tất cả hoa sen trong vườn chùa Đại Giác cùng nở một lần để mọi người còn có cơ hội thưởng thức hương sen, cùng vui với nhau để đi vào Đạo giải thoát và ước mong sao ai ai cũng sạch nghiệp trần ai để ai cũng như ai đều mau chứng quả Niết Bàn trên bước đường tu hành giải thoát.

Ngày hai buổi công phu sáng, tối, tiếng chuông triệu mộ và tiếng mõ điều hòa của chùa Đại Giác đã mang lại cho những người chung quanh một sinh khí thanh thoát nhẹ nhàng, như nụ cười hiền hòa của đức Từ Phụ Thích Ca.

Nguyện cầu cho tâm thức nở hoa giác ngộ, ai ai cũng hướng về ngôi Đại Giác, tình Sư đệ được hiển lộ từ đây và trên không dệt bằng những đóa tường vân bằng hương giới, hương định, hương huệ, chứ không còn là những đóa hoa phù vân mộng ảo nữa.

nghĩa trọng tình thâm

Kể từ khi gặp chú Hạnh Tâm ở chùa Đại Giác về, tâm tư Ngọc cứ khắc khoải mãi, chẳng biết vì lý do gì. Nhưng chàng biết chắc chắn một điều là có một cái gì đó làm xáo trộn tâm hồn mình. Nhiều lúc Ngọc tự nghĩ: Lâu nay mình sống với gia đình, với vợ con và với tất cả những tiện nghi hiện có nơi đây, nhưng sao vẫn thấy chưa đủ. Nhiều lúc vẫn thấy tâm mình cứ lảng xãng mãi. Ngược lại, lúc vào chùa, nhất là sau khi những giờ phút làm việc mệt nhọc tại hăng, cảm thấy tâm hồn thoải mái, dễ chịu lạ thường. Nhiều khi ngồi làm việc trong hăng, nơi văn phòng của một kỹ sư, nhưng tâm tư của chàng luôn hướng về chùa Đại Giác. Nơi đó có hình ảnh của đức Phật đang ngự trị trong lòng chàng. Hình ảnh của Sư phụ hiền từ đức độ; của chú Hạnh Tâm hồn nhiên thoải mái đang lứa tuổi thanh xuân. Lúc tụng kinh, cũng như lúc niệm Phật hoặc khi đọc thầm những bài thần chú khó nhất, lúc đi xem những người cai thợ làm việc, Ngọc cảm thấy thư thái làm sao. Và cũng chính vì cái dễ chịu đó, chàng ước mơ đến một ngày nào... một ngày không xa, chàng Ngọc kỹ sư này sẽ có một sự đổi đời khác lạ hơn những cái tầm thường hiện có trong tầm tay.

Nhiều lúc Ngọc tự mỉm cười và tự nhủ thầm rằng: Trong cặp hồ sơ đi làm của một kỹ sư, lẽ ra phải gồm toàn là những đồ án và thiết kế của hăng giao cho mới phải, đằng này ngược lại, trong cái cặp dày cộm mà chàng thường mang đến hăng mỗi ngày ấy chứa

toàn là kinh sách Phật hoặc những bài tán tụng và những câu thần chú tại chùa. Nếu có ai vô tình hoặc cố ý mở cặp ấy ra chắc họ sẽ ngạc nhiên không ít. Có nhiều lúc Ngọc chán cái địa vị hiện tại và muốn làm một cuộc cách mạng bản thân nho nhỏ. Chàng nghĩ rằng, sau khi học hành thành tài, lại lo xây dựng nếp sống gia đình rồi sinh con đẻ cái và ngày hai buổi phải đi làm việc để nuôi vợ nuôi con. Ngày còn đi học phải lo trả nợ sách đèn; còn bây giờ tới lúc đi làm cũng phải trả nợ phu thê, phụ tử. Để đến cuối tuần lại đưa vợ con đi mua sắm đồ đạc v.v... và cứ như thế hết tuần này qua tuần khác, tháng này qua năm nọ, chẳng mấy chốc thời gian dễ luống trôi qua một cách vô ích mà ta vẫn chưa gặt hái được một cái gì có ý nghĩa là đã thấy già rồi! Vì nghĩ thế chàng định bỏ sở làm để xuất gia học đạo, nhưng cũng có khi tự cảm thấy tâm tư đang giầy vò cắn rứt bởi vợ dại, con thơ. Tâm trạng Ngọc lúc đó rối bời hợp với câu ca dao:

*Lên chùa thấy Phật muốn tu
Về nhà thấy mẹ công phu chưa đến.*

Mẹ cha chàng đang ở xa, nhưng trong hiện tại, vợ con là những người gần gũi nhất, chàng phải có bổn phận lo cho chúng ăn học nên người. Khi những ý nghĩ ấy vừa xảy đến với mình, Ngọc lại ngưng ngay ý định đi tìm sự giải thoát. Nhưng cũng có nhiều lúc chàng nghĩ rằng mình phải trốn nhà ra đi, như Thái Tử Tất Đạt Đa khi xưa chắc là sẽ thành công, nhưng cuối cùng rồi cũng không được. Vì ngày xưa địa vị của Thái Tử Tất Đạt Đa khác. Nếu Ngài có đi xa cung thành chẳng nữa, vợ con Ngài còn có được sự đùm bọc của hoàng gia, không hề sợ đói lạnh. Còn đây, chàng cảm thấy nao nao khi bỏ lại sau lưng mình một người vợ hiền với hai đứa con thơ không có người chăm sóc. Nghĩ tới đó, Ngọc chưa yên tâm được. Xã hội cũng có thể lo cho vợ con chàng đầy đủ, nhưng làm sao cho bằng được do chính chàng tự lo. Suy đi nghĩ lại như vậy, Ngọc chưa dứt khoát tư tưởng được.

Bây giờ Ngọc có một ít cố gắng hơn. Chàng đã quyết định ăn chay trường. Mặc dù công việc ở sở rất bề bộn và bổn phận của gia đình không phải nhỏ, nhưng Ngọc tự lý luận rằng, khi tâm hồn được thoải mái thì biết chắc là không bệnh hoạn, dù có ăn chay trường đi nữa. Do đó, chàng quyết định chọn việc ăn chay trường để thử thách với chính mình có thành thật với mình không. Lúc đầu, vợ chàng thấy tội nghiệp cho chàng ốm o gầy mòn thân thể, nhưng chàng không muốn ai thương hại chàng về vấn đề ấy cả. Vì ai chỉ thương hại chàng về thể xác là người đó chưa hiểu được chàng.

Rồi năm ấy nhân mùa an cư của Sư phụ, cũng như của chư Tăng, Ngọc vẫn thường hay lui tới chùa thọ Bát Quan Trai hoặc giúp những công việc thường nhật cho Sư phụ, vì trong mùa an cư Sư phụ không có thì giờ để thực hiện. Cứ mỗi buổi sáng trước khi đi vào sở làm, Ngọc đều ghé lại chùa lúc 5 giờ để cùng Sư phụ và mọi người trong chùa tọa thiền, và rồi sau đó tụng kinh, đi kinh hành nhiều Phật và dùng điểm tâm buổi sáng, rồi chàng mới tiếp tục đi làm. Nếu buổi chiều nào rảnh, Ngọc cũng lại ghé về chùa để chăm nom một vài công việc. Bây giờ suốt cả ngày, tâm tư Ngọc luôn để ý tới kinh kệ, cũng như thực hành những phép môn và làm việc chùa. Ngọc đang là một cư sĩ Phật tử, nhưng tâm chàng đã hướng trọn về đời sống của một người Tăng sĩ. Những thì giờ còn lại, chàng dành cho con, cho vợ và cho sự học tập kinh điển để tự trau dồi thân cũng như tâm và chờ giờ hoàng đạo. Giờ hoàng đạo sẽ điểm khi nào Ngọc chưa biết, cũng có thể ngay bây giờ, ngày mai, ngày một hay một năm sau hoặc trong vòng năm mười năm nữa. Nó sẽ đến bất cứ lúc nào, nên Ngọc phải chuẩn bị sẵn trước, để khỏi ngỡ ngàng khi một quyết định quan trọng sẽ đến với mình.

Rồi một hôm tâm tư của Ngọc tự nhiên lắng đọng một cách lạ thường, chàng đã quyết định nghỉ việc và ở nhà để chuẩn bị một vài công việc cần thiết trước khi quyết định dứt khoát một chuyện quan trọng cho đời mình. Ngọc viết để lại ba bức thư - một cho

cha mẹ, một cho người vợ hiền, và một cánh thư khác cho hai người em cùng một số bạn bè quen thuộc. Khi đặt bút viết cho cha mẹ, Ngọc cảm thấy khó diễn tả hết tâm tư của mình. Vì cha mẹ chàng lâu nay xa cách, bây giờ mới có cơ hội ngộ mà chàng lại phải chia ly, nên chẳng biết phải viết gì cho ổn, trong khi tâm tư chàng đang băn khoăn nghĩ ngợi. Nhưng cuối cùng rồi Ngọc cũng bắt đầu viết:

Kính thưa Ba Má,

Lời đầu thư, con kính chúc Ba Má được sống lâu trăm tuổi để chăm sóc cho chúng con về tinh thần cũng như vật chất.

Con biết Ba Má sẽ buồn khi đọc được thư này, biết rằng con sắp sửa đoạn tuyệt ái ân và ly gia tìm đạo. Nhưng con chẳng còn phương pháp nào khác hơn có thể giúp cho đời sống tâm linh của con được giải thoát, chỉ ngoại trừ pháp Phật. Kính xin Ba Má mở lượng hải hà mà thương cho con trẻ như những tháng ngày xưa, khi Ba Má còn ẵm bồng con lúc chưa khôn lớn. Con biết công ơn khó nhọc dưỡng nuôi con của Ba Má lắm, nhưng biết làm sao hơn, một khi con chim đã biết bay, nó phải tự đi kiếm mồi để nuôi dưỡng bản thân nó; chim non không thể chần chờ sự nuôi dưỡng của cha mẹ nó, như lúc đang còn cánh mỏng, chân mềm nữa. Con biết rằng Má sẽ khổ tâm lắm, khi hay tin con xuất gia học đạo. Con vẫn biết rằng làm như thế chẳng khác nào đem dầu sôi lửa bỏng châm vào thịt da của Má, nhưng con mong rằng Ba Má hãy chịu đau khổ một ít về thể xác trong hiện tại để tương lai Ba Má được hãnh diện về tinh thần nhiều hơn. Vì con tự biết rằng, dầu con có còn ở lại suốt đời với Má, chắc gì con đã lo cho Ba Má được, trái lại nhiều khi còn làm khổ cho Ba Má là đằng khác. Kính xin Ba Má tha lỗi cho con về sự quyết định đường đột này.

Ngày xưa con chưa biết đạo là gì, và con cũng chẳng có cơ duyên đi chùa để học hỏi giáo lý giải thoát của đạo Phật, nhưng con đã học được rất nhiều ở Ba về đức tánh cương trực, nhẫn nại

và cố gắng. Con cũng học được ở Má đức tánh rộng lượng đối với kẻ khác, cũng như sự điều hiền đối với mọi người. Con tin rằng, đó cũng là một cái đạo đã dạy cho con cách sống trong cuộc đời này, trước khi con thâm nhập được Phật lý của đạo Phật.

Con còn nhớ ngày nào đó, Ba vì muốn cho con học giỏi hơn người, nên đã ép con một ngày phải học bao nhiêu giờ sinh ngữ nhất định, nhưng con đâu có thực hiện theo nổi. Nhiều lúc con phải trốn Ba cho khỏi những trận đòn như tử. Nhưng cũng chính nhờ sự dạy dỗ nghiêm khắc đó của Ba mà sau này con đã hơn người thật sự. Bù vào đó, con lại có một vài thói hư tật xấu. Thiết tưởng rằng con viết lên những lời hối lỗi hôm nay về chuyện ngày xưa, chắc cũng còn kịp chứ chưa đến nỗi trễ. Kính mong Ba Má nhận nơi con lòng thành tha thiết ấy. Con biết rằng, con đã có khả năng học tập hơn người, nhất là những môn về sinh ngữ, con lúc nào cũng dẫn đầu cả lớp, nhưng khi về nhà con vẫn xin phép Ba để đi học thêm sinh ngữ. Lý do thứ nhất là để làm vừa lòng Ba, còn lý do thứ hai là để có thêm tiền cho con tiêu vặt, nhưng thật ra con con chưa bao giờ đến trường nào cả. Số tiền đó, con đã để dành và mời mọc những cô bạn gái đi ăn kem, xem chiếu bóng hoặc để giải trí với bạn bè. Khi con viết lên những dòng này, con cảm thấy hối hận lắm. Nhưng con kính mong Ba Má cứ bình thản đón nhận như những việc gì đã xảy ra một cách tự nhiên trong đời vạy thôi. Rồi còn không biết bao nhiêu chuyện đổ vỡ về tình duyên như hết đàn diều với cô này, lại cặp bồ với cô khác. Má chắc biết hết điều này, nhưng con nghĩ rằng, Má chẳng nói với Ba con điều đó đâu, vì lúc nào Má vẫn thương con.

Ba chẳng bao giờ cho tụi con những đồng tiền nguyên tờ 100 đồng hay 50 đồng, trong khi đó, Má và Ngoại vẫn biết con cháu mình hư, nhưng lúc nào cũng nuông chiều. Con trọng đức hiếu sinh của Ba và thương cái lòng từ của Má, cũng như Ngoại thuở nào. Bây giờ con lớn khôn rồi, mới thấy được việc hư đốn trước kia, nhưng cũng chưa đến nỗi nào, vì còn có thì giờ cho con tạ tội

với Ba Má. Kính mong Ba Má hiểu và tha thứ cho con. Con biết Ba Má đã khổ công với con rất nhiều, nhất là cái ngày cho con ra ngoại quốc tu nghiệp ấy. Mục đích chẳng có gì hơn là làm rạng danh cho dòng họ. Con ra đi lúc mười tám tuổi, ngoài hành trang của một người bạch diện thư sinh nơi đất khách quê người, con chẳng có lấy một người thân thuộc, thế mà con đã sống và tự lập được cho đến ngày nay là nhờ vào cái ơn của Ba và cái đức của Má.

Bây giờ con sống nơi đây có đầy đủ cả, nhưng con cảm thấy tinh thần thiếu thốn rất nhiều. Do đó, con quyết định làm một cuộc thoát ly gia đình cho cuộc đời còn lại của con có được một lối thoát, cũng như cho gia đình có được một đứa con biết lo cho Đạo. Con biết Má rất buồn, nhưng Má thương con hãy cho con được toại nguyện. Con sẽ cầu nguyện cho Ba Má được vạn sự an lành trong lúc tuổi về già. Con mong rằng Ba Má luôn hướng tâm về ngôi Tam Bảo để cho cuộc sống tâm linh được hưởng thượng nhiều hơn.

Kính lạy Ba Má hai lạy để tỏ lòng thành đối với ơn sanh thành dưỡng dục cao dày của Ba Má.

Kính thư,
Con

Ngọc viết bức thư xong thở dài, ra chiều thiếu ngủ. Chàng cúi đầu xuống như để trấn an với lòng mình sau một vài giây biến động tâm tư. Ngọc đưa mắt nhìn ngọn đèn Néon mờ ảo, rồi nhìn lên những chồng sách cũ, từ cái bàn giấy, căn phòng ấm cúng trên lầu thượng đã giữ lại trong chàng biết bao nhiêu kỷ niệm. Bây giờ chàng phải ra đi, đoạn tuyệt với bao nỗi nhớ thương diệu vợi. Nhưng cuộc đời còn có thể đoạn được, huống nữa là những kỷ niệm nhỏ nhoi, nên chàng cương quyết để đi đến đích.

Trở lại phòng ngủ của hai con, Ngọc nhìn chúng như để thúc giục mình là giờ đã điếm, không còn chần chừ và vương vấn bởi bất cứ một lý do nào nữa. Ngọc rất cảm động, vì thương cho hai trẻ không cha. Nhớ những lúc chúng chấp tay niệm Phật thấy mà thương, với những ngón tay búp măng xinh xắn, hai môi cùng miệng của chúng uốn tròn theo câu niệm Phật, trông thật đẹp. Chàng tự lấy làm mãn nguyện là đã dạy con nghe theo lời mình. Rồi chàng đi về phía phòng ngủ của vợ mà nơi đó đã ôm ấp biết bao nhiêu mộng đẹp lúc hai người mới xây tổ uyên ương. Nàng và chàng chắc không ai bao giờ nghĩ đến chuyện giữa đường gãy gánh như ngày nay.

Nhưng Ngọc như thâm nhủ rằng, mình phải cố gắng lên, không thể quy lụy trước một tình cảm con con được. Chàng đi về phía bàn giấy, đặt bút viết cho nàng:

Em yêu quý,

Em có biết chẳng tìm anh đã thao thức bao canh không phải vì tiếng gọi của con tìm đối với tình trường mộng ảo mà là tiếng lòng của kẻ ra đi tìm chân lý, muốn gởi gắm người vợ hiền ở lại chăm sóc gia đình và dưỡng nuôi đàn con dại.

Em biết không, anh vẫn biết làm như thế này là lỗi đạo vợ chồng, nhưng biết làm sao hơn khi bên cạnh anh chẳng có ai hiểu được anh, còn đối với riêng anh, anh không muốn bị trói buộc lại với cuộc đời sinh tử, tử sinh này nữa. Ngày xưa, đôi ta sánh vai nhau mỗi khi tan học về hay cùng dạo chơi bên bờ Trúc Bạch, lòng anh đã rộn lên một niềm vui khó tả là chúng mình đã yêu nhau thật sự và đã chiếm trọn tình cảm của nhau. Giờ đây anh không thể cùng em chung sống trong cuộc đời này để vui với trăng cùng gió được mà anh phải theo tiếng gọi của con tìm để đi về một hướng cao thượng hơn hầu tìm ra con đường giải thoát. Anh mong em ở lại với đời, đầy đủ nghị lực của một người Mẹ, người vợ để thay anh chăm sóc hai con. Anh nghĩ rằng, anh còn

thiếu bốn phận rất nhiều đối với em và với con. Nhưng tuổi trẻ của anh cũng khó lo cho hoàn toàn đầy đủ được. Bây giờ em hãy can đảm lên để sống với đời, cũng như cố gắng giúp anh trong hoàn cảnh khó xử như thế này.

Nhớ lại ngày nào, anh cùng em thề ước là sẽ sống chung trọn đời để xây dựng hạnh phúc cho nhau. Nhưng giờ đây cái hạnh phúc đó đối với anh, như một giọt sương mai trên đầu ngọn cỏ. Anh cảm thấy thật mong manh làm sao, khi ánh dương rọi chiếu. Do đó, anh phải quyết đi tìm một chân hạnh phúc vĩnh cửu hơn. Đó là Đạo mâu giải thoát. Hạnh phúc đó không những chỉ cứu anh thôi mà còn có thể cứu em, con cái của chúng ta và cả dòng họ của ta nữa cũng được đến bên kia bờ giác ngộ. Như vậy còn gì sung sướng bằng, nên để anh được ra đi trong tự do muôn thuở và cũng đừng tìm đến anh làm gì khi đại nguyện chưa đạt thành.

Cũng những ngày nào đó nơi câu lạc bộ, hay chón phòng trà, anh đã gặp em như gặp bao nhiêu người đàn bà khác đã qua lại trong đời anh. Nhưng anh cảm nhận được ở em một cái gì dễ mến, rồi tìm anh tự nhiên rung động và rồi lại tìm đến em. Một đạo nào anh đã bỏ em ra đi và tưởng rằng chúng mình sẽ không bao giờ gặp lại nữa. Nhưng định mệnh đã an bày cho một kẻ lang thang phiêu bạt như anh. Trong khi công danh chưa đạt được thì nợ tình có lẽ cũng còn vương vấn đâu đây. Thật sự lúc đó anh đã thất vọng vì tình, đau khổ vì yêu và chẳng có nơi nương nhờ qua bao cơn bạo bệnh từ thể xác cho đến tâm hồn sau những giờ phút hoan lạc. Anh phải trở lại với em để mong tìm một điểm tựa. Thế rồi từ đó đến nay anh bên cạnh em để xây dựng cho nhau nếp sống gia đình có được đầy đủ tất cả. Suốt trong bao nhiêu năm chung đụng sống gần nhau, mến tánh tốt của nhau cũng có mà nhiều lúc ghét bỏ nhau về tánh xấu của nhau cũng chẳng phải là không. Anh đã lừa dối em trong tình yêu, mặc dù anh biết em yêu anh tha thiết. Trong khi có em bên cạnh, nhưng lúc chưa hiểu đạo lý, anh cảm thấy chưa được thỏa mãn và đầy đủ những đòi hỏi về tình yêu và nhục dục. Anh vẫn kiếm tìm và đã dối em như bao

nhiều người đàn ông thiếu đứng đắn khác lừa dối vợ nhà. Anh nghĩ rằng em biết điều đó, nhưng em đã rộng lòng tha thứ cho kẻ lãng bạt như anh. Nhưng anh vẫn cảm thấy chẳng yên tâm và cũng chẳng được thỏa mãn chút nào, rồi anh đâm ra đau khổ. Lúc đó anh lại trở về bên em và chính em đã làm cho tâm hồn anh trở nên ấm lại và đỡ trống vắng cô đơn. Chính em là một chất liệu dưỡng sinh trong cuộc sống hằng ngày của anh. Nếu không có em, đời anh chẳng có một giá trị gì cả. Anh rất cảm ơn em điều đó và cho anh đặt môi lên má hôn em lần cuối để làm lễ tạ từ giữa tình chồng vợ bấy lâu. Đời anh trong quá khứ nếu thiếu em - một người vợ hiền- cả thân, khẩu, ý chẳng bao giờ tạo nghiệp. Trong khi đó anh lại lãng bạt ngàn phương. Anh cũng thầm cảm ơn em đã giúp anh hiểu thêm cuộc đời ngoài cái bộ mặt tâm thường hằng ngày như vui chơi, ăn uống, nghỉ ngơi... còn có những tâm hồn cao thượng như em. Một người đàn bà lúc nào cũng chỉ vì chồng con và hy sinh cho kẻ khác.

Giờ đây anh sẽ ra đi và để lại sau lưng biết bao nhiêu bóng hình thân mến. Khi nào em có nhớ tới anh, em hãy chấp tay nguyện cầu cho anh sớm thành ước nguyện và hãy dành những tình cảm này cho các con của chúng ta để chúng đỡ tủi thân, khi anh không còn hiện diện nơi căn nhà đầy kỷ niệm này nữa. Và nếu có nhớ tới những kỷ niệm xưa, em hãy trở lại nơi chúng ta gặp gỡ ban đầu cách đây mấy mươi năm về trước để hồi tưởng lại một bóng hình dấu ái, và em hãy thả bộ với các con nơi bờ hồ Trúc Bạch hay trong vườn Tao Ngộ gọi lại cho chúng nghe chuyện ngày xưa, ba má của chúng đã yêu nhau tha thiết như thế nào. Thế rồi ngày tháng trôi đi cũng làm cho thời gian và không gian có thể thay đổi.

Có những buổi chiều mưa phùn rơi lả tả ướt lạnh cả hai bờ vai, anh dìu em đi trong mơ như cố đạt đến một chân trời thơ mộng mà nơi đó chỉ có toàn tình yêu và trái ngọt. Anh sung sướng đi bên cạnh em và rất hạnh diện với mọi người là mình có một

người tình số một mà trong thế gian thiên hạ chưa ai bao giờ có được.

Còn gì nữa cho em đây, còn rất nhiều chứ. Nhưng anh làm sao kể ra cho hết được nỗi lòng của kẻ sắp chia ly đối với một người còn ở lại. Anh chỉ mong sao có thể vượt lên được mọi chuyện thường tình của thế gian và anh không hy vọng có ngày tái hợp cùng em, vì anh sẽ khoác lên mình một màu áo giải thoát. Nhưng anh hy vọng sự chia ly này không phải là sự biệt ly trong vạn dặm. Anh sẽ về thăm lại em, thăm ngôi nhà xưa, thăm ngôi trường cũ, cũng như thăm con, sau khi đã chứng nghiệm được đạo mẫu, như Thái tử Tất Đạt Đa đã trở lại cung thành Ca Tỳ La Vệ thăm phụ vương, công chúa Du Da Đà La, La Hầu La, cùng hoàng thân quốc thích. Em cứ hy vọng vào một ngày mai. Vì ngày ấy trời lại sáng. Em không nên u buồn ủ dột trong lúc anh ra đi mà hãy nên mạnh dạn lên để có thể thay anh trong cương vị làm chồng để dạy dỗ các con của chúng ta cho trở nên người tốt.

Gió buốt lạnh tâm can ngấm sâu vào trong từng thớ thịt và chính con tim anh cũng rung động, nhưng biết làm sao hơn bên Đồi bên Đạo, trong khi anh chỉ có quyền chọn một. Cầu nguyện cho em có đầy đủ nghị lực để phấn đấu với đời và cầu cho tất cả muôn loài thoát qua cơn đại nạn.

Thương em thật nhiều

Người yêu năm cũ.

Dưới bức thư chỉ có ký tên như thế, Ngọc xếp lá thư thành bốn cho vào phong bì rồi cẩn thận dán lại đem để trên bàn giấy. Chàng nghĩ một lát để còn viết thêm một lá thư khác cho các em và những người bạn thân nữa. Đến đây Ngọc đã lấy lại bình tĩnh và viết tiếp:

Ngày.... Tháng.... Năm....

Minh và Thiện, hai em thương mến,

Khi xa nhau, chúng ta mong được gần nhau và những tương có thể ở hoài bên nhau. Nhưng cuộc đời thường ít xảy ra đúng những gì như con người mong muốn. Vì đời có hợp, ắt có tan. Trăng có lúc tròn, khi khuyết, cũng như người còn lại, kẻ phải biệt ly là thế đấy các em ạ. Nếu trời chỉ nắng hạn không mưa, cây cối làm sao chịu được sự hạn hán. Ngược lại, nếu chỉ có mưa không có nắng, làm sao loài người có thể chịu nổi phải không em? Biết như vậy rồi, các em tạm vui khuây để nhìn một người anh ra đi về một phương trời khác hướng. Ở đó sẽ ngăn đôi giữa Đời và Đạo. Tình gia đình, nghĩa đệ huynh với tình yêu thương rộng rãi của Đạo đối với đời. Lẽ ra, anh phải ở lại với đời để giúp đỡ các em trên đường học vấn. Nhưng anh thấy như thế vẫn chưa đủ bốn phận người anh cả trong gia đình. Bốn phận đó chỉ nằm trong một phạm vi nhỏ hẹp, và chỉ chứa đựng được sự yêu thương vị kỷ, nên anh muốn thoát ra ngoài để tìm đến một tình thương cao rộng hơn, như đức Phật hoặc các bậc xuất gia ly thân cắt ái đã từng. Các em ở lại nhớ làm hài lòng Ba Má, và nhất là khi Ba Má lúc tuổi về già. Có các em bên cạnh Ba Má đỡ đi sự trống vắng phần nào và cũng là phần thưởng duy nhất cho gia đình, là chính các em hay ngay cả anh nữa, đều phải cố gắng học hành cho giỏi, hầu làm rạng danh cho dòng họ nhà mình là Ba Má vui rồi. Riêng anh, anh cũng không đủ tiền nuôi dưỡng được Ba Má, và chắc hẳn các em cũng thế. Khi các em có gia đình rồi, là lúc Ba Má chẳng nhờ vả được gì, đôi khi trái lại còn bó khổ nữa cũng chưa chừng. Cách phụng dưỡng hay nhất là làm sao để Ba Má vừa lòng về sự học hành, cũng như đức hạnh của những đứa con biết lo bốn phận là đủ rồi.

Trong kinh Phật cũng có dạy rằng, dầu người con có hiếu khi cha mẹ về già, công cha mẹ trên hai vai đi quanh cả hòn núi Tu Di hoặc lúc cha mẹ đói khổ tự róc thịt mình cho cha mẹ dùng, cũng không thể nào đền đáp hết được công ơn sanh thành dưỡng

dục của cha mẹ. Chỉ có một điều là phải cố gắng khuyên cha mẹ nên tin tưởng vào ngôi Tam Bảo, phát tâm ăn chay, niệm Phật, tụng kinh, và phải cố gắng làm những việc phúc đức lợi lạc quần sanh. Có như thế mới trả được phần nào trong muôn một công ơn sanh thành dưỡng dục như trời bể của cha mẹ. Vì thế, anh mong các em ở gần Ba Má hãy chăm sóc Ba Má về tinh thần, nhất là lòng tin đối với Phật-Pháp-Tăng thì phước đức ấy nhiều lắm. Công đức này sẽ trường cửu từ đời nọ qua đời kia, chứ không phải chỉ một đời trong hiện tại đâu.

Những gì tốt đẹp nhất, anh xin trao lại cho các em. Khi nào nghỉ hè, các em lên ngôi chùa Đại Giác để gặp anh. Nơi đó, anh em chúng ta sẽ đàm đạo nhiều hơn. Còn đây là một số thư từ, anh muốn các em trao lại cho những người bạn quen thân của anh. Mong các em trao giúp hộ.

Thương các em nhiều.

Sau khi viết xong ba lá thư cho gia đình, và thư cho bạn bè, Ngọc cảm thấy thoải mái trong lòng, tưởng chừng như mình đã làm được một điều gì trọng đại đã đến thời kỳ kết thúc. Ngọc nằm xuống nghỉ, miệng thì thầm đọc bài sám “Quy Mạng”, mắt vẫn lim dim chưa muốn ngủ:

Quy mạng mười phương vô thượng giác,
 Pháp mầu vi diệu đã tuyên dương.
 Thánh Tăng tứ quả tam thừa độ,
 Hiện hiện tay vàng nguyệt xốt thương.
 Ngược dòng chân tánh từ lâu,
 Chúng con trôi nổi trên đầu sông mê.
 Biết đâu là chốn đường về,
 Bập bênh sóng gió không hề đoái lui.
 Nguyên nhân hữu lậu gây rồi,
 Bao nhiêu nghiệp chướng lâu đời tạo ra,
 Biết đâu nẻo chánh đường tà,

Oan khiên nghiệp chứng thật là nặng sâu.
 Nay con khẩn thiết cúi đầu,
 Phoi bày sám hối, cần cầu hồng ân.
 Chí thành cầu đấng năng nhân,
 Từ bi cứu vớt trăm luân mọi loài.
 Nguyên cùng thiện hữu ra khơi,
 Cùng lên bờ giác lia nơi nào phiền.
 Kiếp này xin nguyện xây thêm,
 Cao tòa phước đức vững bền đạo tâm.
 Chờ mong đạo nghiệp vun trồng,
 Từ Bi cứu độ nở mầm tốt tươi.
 Kiếp sau xin được làm người,
 Sanh ra gặp pháp sống đời chân tu.
 Dắt dìu nhờ bậc minh sư,
 Nương vào chánh tín, hạnh Từ xuất gia.
 Lục căn, tam nghiệp thuần hòa,
 Không vương tục lụy theo đà thế nhân.
 Một lòng tấn đạo nghiêm thân,
 Giữ gìn phạm hạnh nghiệp trần lánh xa.
 Oai nghi phong độ chói lò,à,
 Lòng từ hộ mạng trước là vị sanh.
 Lại thêm đầy đủ duyên lành,
 Bao nhiêu tai nạn biến thành hư không.
 Bồ Đề nguyện kết một lòng,
 Đài sen Bát Nhã chơn không hiện tiền.
 Nhờ công tu tập tinh chuyên,
 Đại Thừa liễu ngộ chứng truyền chơn tâm.
 Thoát ngoài kiếp hải trăm luân,
 Hoảng khai lục độ hạnh môn cứu người.
 Pháp tràng dựng khắp nơi nơi,
 Lưới nghi phá hết trong ngoài sạch không.
 Tà ma hàng phục đến cùng,
 Truyền đăng Phật pháp nối dòng vô chung.
 Vãng làm Phật sự mười phương,
 Không vì lao nhọc nản đường tinh chuyên.

Bao nhiêu diệu pháp thâm huyền,
 Thấy đều thông đạt siêu nhiên độ mình.
 Rồi đem độ khắp chúng sanh,
 Chúng nên Phật quả hoàn thành pháp thân.
 Tùy cơ ứng biến cõi trần,
 Phân thân vô số độ dần chúng sanh.
 Nước từ rưới khắp nhân thiên,
 Mệnh mông bể hận lời nguyên độ tha.
 Khắp hòa thế giới gần xa,
 Diển dương diệu pháp trước là hiện thân.
 Những nơi khổ thú trầm luân,
 hào quang chiếu diệu hiện thân tốt lành.
 Chỉ cần thấy dạng nghe danh,
 Muôn loài thoát khỏi ngục hình đờn đau.
 Phát lời nguyện ước cao siêu
 Muôn ngàn khổ địa thấy đều tiêu tan.
 Bao nhiêu nghiệp trái hàm oan,
 Bao nhiêu đau khổ trong hàng súc sanh.
 Bao nhiêu thân lực oai linh,
 Sương tan, núi biếc bình minh rạng ngời.
 Thuốc thang cứu cấp cho đời,
 Áo cơm cứu giúp cho người bần dân.
 Bao nhiêu lợi ích hưng sùng,
 An vui thực hiện trong vòng trầm luân.
 Bao nhiêu quyền thuộc thân oan,
 Cũng nguyên vượt biển trần gian nổi chìm.
 Xa lìa ái nhiễm triền miên,
 Đoạn trừ những nỗi trược phiền chơn tâm.
 Vun trồng đạo nghiệp thiện nhân,
 Cùng bao loài khác pháp thân hướng về.
 Hư không dù có chuyển dời,
 Nguyện con muôn kiếp chẳng hề lung lay.
 Nguyện cầu vạn pháp xưa nay,
 Hoàn thành trí nghiệp đến nơi Bồ Đề...

Bài kệ Ngọc đã đọc xong từ lúc nào chẳng hay biết, nhưng trong bài chỉ có câu “sương tan, núi biếc bình minh rạng ngời” là chàng thích nhất, vì đã đánh thức được tâm lý của chàng trong lúc này. Ngọc cảm thấy cuộc đời như đang bị đám mây mù che phủ. Người tu hành sau khi liễu đạo thấy núi xanh sáng tỏ qua ánh sáng của thái dương, nên chàng thấy trong lòng thoải mái lắm. Chàng cứ nhảm đi nhảm lại câu ấy mãi. Đêm nay chàng không sao ngủ được và liên tục qua nhiều đêm như thế suốt tháng năm qua, chứ không phải có một đêm như đêm nay. Vợ chàng thấy canh đã khuya, nhưng ánh đèn Néon còn sáng tỏa ngoài bàn giấy, nàng choàng ngồi dậy đi đến bên chàng tâm sự.

- Không biết lâu nay em có làm gì để anh buồn không mà trông lúc nào gương mặt của anh cũng có vẻ ủ dột, đăm chiêu lắm thế?

- Không, anh thương em không hết, làm sao lại buồn cho được. Nếu có buồn chẳng là buồn cho chính anh thì đúng hơn.

- Nếu em có thể giúp gì được chàng cho đỡ cơn sầu muộn, mong chàng cứ nói sự thật để em giúp chàng vượt qua những khó khăn đang gặp phải.

- Em đã giúp anh quá nhiều trong quá khứ cũng như trong hiện tại, anh thầm cảm ơn em. Anh mong rằng em vẫn còn tiếp tục giúp anh nhiều hơn nữa trong tương lai.

Chàng cứ ấp ủ mãi chưa muốn tỏ lộ quyết định đột ngột của mình cho vợ biết. Còn nàng cứ giục chàng nói sự thật, nhưng Ngọc chẳng biết phải bắt đầu như thế nào đây. Nếu bắt đầu nói những câu nói yêu đương hoặc những cử chỉ tình ái, chàng không gặp khó khăn gì. Nhưng ở đây phải bắt đầu bằng một sự việc quan trọng cho cuộc đời trong những tháng ngày còn lại, chàng mãi đắn đo suy nghĩ, và chưa biết phải nói ra làm sao thì nàng lại khơi mào cho Ngọc:

- Lâu nay em nghĩ rằng có ngày chàng sẽ xa em để xuất gia tầm đạo. Mặc dù chưa lần nào chàng nói thật cho em biết ý định ấy, nhưng em đoán được qua cử chỉ và hành động của anh. Nếu chỉ nhìn trong tình chồng nghĩa vợ thì ai lại chẳng thương nhau, khi một trong hai người phải ly biệt... Nhưng nếu chúng ta ở gần bên nhau mà “đồng sàng dị mộng”, chắc cũng chẳng ích lợi gì mà chỉ gây thêm đau khổ cho nhau thôi. Nếu chàng đi theo tiếng gọi của con tim với người bạn trăm năm khác, thì thiếp khuyên chàng nên ở lại đây để tiếp tục lo tròn bổn phận. Khi đứng ở núi này ta trông núi nọ đẹp hơn, và có nhiều kỳ hoa dị thảo; nhưng khi đến nơi rồi núi nào lại chẳng gặp ghềnh, khúc khuỷu, cũng chẳng có gì khác lạ cả. Ở đâu cũng là trách nhiệm và bổn phận làm người thôi. Người biết thực hành bổn phận là người chu toàn trách nhiệm đối với gia đình. Nhưng chàng ra đi vì lý tưởng độ đời, cũng như cứu mình và tha nhân ra khỏi vòng luân hồi sanh tử, em còn gì vui hơn nữa để chàng được tự tại thông dong. Em đâu muốn giữ chàng lại làm gì nơi chốn thế lương lạnh lẽo này! Chàng có quyền chọn lựa và em sẽ thay chàng chăm sóc các con cho nên người tốt. Dầu sao đi nữa những giọt máu của chàng vẫn còn lưu lại nơi đây, em mong chàng luôn nghĩ đến con là đủ rồi. Em nhìn con em cũng sẽ đủ vui, khi nghĩ đến chàng cho dù chúng ta có muôn trùng cách trở.

Ngọc trong lòng như đã mở được nước cờ, chàng không ngờ vợ lại là một người cao thượng đến thế! Biết yêu thương chồng con và nhất là biết ý thức trách nhiệm đối với việc làm trọng đại của chồng. Chàng mừng quá và cũng không biết phải nói sao mà chỉ biết cúi hôn nhẹ lên mái tóc nàng như thầm cảm ơn thiêng liêng, ơn Phật Pháp đã giúp cho vợ chàng hiểu được chàng trong những năm tháng sống gần nhau.

Hai người tâm sự với nhau thật nhiều. Sau đó chàng trở về phòng ngủ và chàng quyết định sẽ ra đi đêm này. Tất cả hành trang chàng đã gói sẵn để đó, chỉ còn chờ giờ hoàng đạo nữa thôi. Đứng ra chàng phải ra đi giữa thanh thiên bạch nhật mới phải,

nhưng lại sợ cho chính lòng mình cũng không vững, khi nhìn thấy vợ con dõi theo hình bóng chàng, chi bằng phải chấp nhận giải pháp này là hơn. Tuy ngoài miệng vợ nói thế, nhưng biết đâu trong tim của người đàn bà lại yếu đuối, làm sao nhìn cho đành cảnh chồng ra đi mà không ngăn được những dòng lệ bi thương. Vì thế nên Ngọc quyết định ra đi trong yên lặng. Chàng vào phòng nhìn vợ con lần cuối, rồi lặng lẽ khăn gói lên đường và để lại trên bàn mấy phong thư như đã dự định.

Sáng hôm ấy, nàng thức dậy thấy không có bóng dáng của chồng đâu, nàng vẫn nghĩ rằng Ngọc đến thăm bạn bè như mọi ngày, nhất là từ khi nghỉ việc đến nay chàng vẫn hay đi như thế. Nhưng khi nhìn thấy mấy lá thư để lại trên bàn giấy nàng mới biết rằng chàng đã vĩnh viễn ra đi...

Nước mắt nàng tuôn chảy không ngừng, khi đọc đến những dòng chữ thân thương của Ngọc viết cho nàng và nhất là những kỷ niệm ngày xưa, cách đây hăng mấy mươi năm về trước lại hiện về. Những kỷ niệm bao giờ cũng đẹp tuyệt vời và không biết mình có nên tìm lại những kỷ niệm xưa để an ủi tâm hồn khi trống vắng chẳng? Có lẽ ta không nên khơi lại bao niềm đau nỗi nhớ, vì vết thương lòng chưa lành hẳn nơi tâm thức, bởi sự chia ly đành đoạn này thì đâu có lợi ích gì...

Nàng miên man suy nghĩ và gục đầu vào thành ghế, ôm mặt sát vào giường cho những giọt lệ tự do tuôn trào như không có lực gì cản ngăn được cả, cho đến khi hai đứa con của nàng đã thức dậy và đến bên nàng, đánh thức nàng trở về với thực tại. Chúng ngây thơ hỏi mẹ:

- Ba đâu rồi hở mẹ? Sao mẹ lại buồn thế?

Nghe giọng trẻ thơ hiền dịu khiến cho lòng nàng như càng thêm se thắt lại. Không biết nếu có một người mẹ nào đó bỏ con ra đi, các con hỏi ba chúng thế, ba chúng sẽ trả lời như thế nào?

Nàng lại cúi gằm mặt xuống, không trả lời những câu hỏi của con mà chỉ nói:

- Các con hãy lo dùng điếm tâm, rồi mẹ đưa các con đi học. Còn chuyện của Ba con, các con chưa thể nào hiểu được đâu, hãy chờ một dịp khác, mẹ sẽ kể cho các con nghe.

Hai đứa trẻ cứ nũng nịu đòi nàng kể, và bảo rằng chúng đã lớn để có thể chia xẻ nỗi lo âu của mẹ và cũng có thể hiểu được phần nào. Nàng vuốt tóc hai con, rồi ôm chúng vào lòng như để trấn tĩnh lòng mình cho khỏi lay động, khi các con hỏi về ba chúng.

Lúc Ngọc rời khỏi nhà, những người chung quanh chàng, trong số bạn bè cũng có, người thân thuộc cũng lăm lăm kẻ bàn ra tán vào khiến cho câu chuyện xuất gia của chàng có nhiều điểm trái ngược nhau. Có người buột miệng bảo: Cái anh chàng ba lẳng nhăng đó tu sao được mà tu, trước đây là kếp đào hoa số một ở cái xứ này ai mà chẳng biết. Bây giờ đã có vợ con rồi lại còn bày đặt chuyện tu hành. Đi tu như thế là trốn đời, trốn tránh bổn phận và trách nhiệm đối với vợ con gia đình. Sao không để lúc già khi xong bổn phận đối với gia đình hãy đi tu. Thử hỏi tu làm sao nổi khi vợ còn đẹp như thế kia và con thơ ngoan hiền như thế đó?

Có người lớn tuổi hơn lại bảo: Thứ nhất tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa. Tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ mới là chơn tu.

Từ lý luận đó, họ thấy rằng làm bổn phận đối với vợ chồng con cái, với cha với mẹ chính là tu rồi; còn chuyện lánh mình vào chùa là giai đoạn thứ ba kia mới đúng. Họ cứ nghĩ Ngọc ra đi như thế là bất hiểu với cha mẹ và lỗi đạo tào khang. Trong khi đó có một số người khác có biết chút ít về Phật pháp lại nghĩ rằng: Ngọc chọn con đường như thế là đúng, vì ở lại với đời chắc gì chàng thoát khỏi được những cảnh khổ mà trong quá khứ chàng đã cho bạn bè đánh giá được cuộc đời như thế. Biết đâu đi tu sẽ là con

đường duy nhất cứu chàng ra khỏi vòng tội lỗi, để không còn vắn vương với trần thế như trước nữa. Nhất là phái nữ không những riêng đối với Thu mà còn nhiều người khác như thế nữa.

Dần dần rồi những sự bàn tán kia cũng bay lốt vào tai Ngọc và lan rộng ra đến khắp các hang cùng ngõ hẻm qua cửa miệng của thế nhân. Chàng chỉ biết mỉm cười và tự cảm thấy thương hại cho người đời còn bị màn vô minh che lấp, nên mới đàm tiếu kẻ khác như thế!

Đối với quan niệm thứ nhất, chàng nghĩ rằng, kẻ đi tu đâu phải kẻ chán đời mà phải nói kẻ yêu đời mới đúng. Vì có yêu lý tưởng mới dám hy sinh cuộc đời riêng tư để phụng sự cho lý tưởng ấy được chứ? Còn như nói trốn đời, đời sẽ chạy theo hoài sau lưng hoặc trong tâm tưởng thì ai làm sao có thể chạy trốn được? Còn chuyện vợ con “vô oan trái bất thành phu phụ, vô tiền khiên bất thành phụ tử” và chỉ có thể thôi. Thành nghĩa vợ chồng trong đời này là chuyện trái ngang của đời kiếp trước. Bây giờ đi tu là cắt đứt chuyện trái ngang không đúng sao?

Còn tình nghĩa cha con cũng chỉ do oan khiên, nghiệp chướng kết nên thôi. Trước khi sanh vào thế giới này, ta không mong cầu mà vẫn phải cứ đến, cũng như khi lìa xa cõi đời này, ta không muốn lại vẫn phải cứ xa như thường. Như vậy, có cái gì thuộc về ta đâu để phải lo bảo hộ giữ gìn. Ở đời mấy ai quan niệm được rằng của cải chúng ta hay cố công gìn giữ chừng nào lại dễ rời khỏi tầm tay ta. Những gì ta ban bố, cho ra, người đời cho là mất, nhưng đó chính là những việc sẽ giúp ta sau này. Nếu ai cũng hiểu được nguyên tắc này, chắc không có người nào trách Ngọc sao xử bạc với vợ con nữa. Ai cũng biết rằng “con là nợ, vợ là oan gia” mà vẫn cứ khư khư chấp giữ trong lòng như nuôi ong trong tay áo. Đến khi ong chích bị tật nguyên nhưng vẫn còn đuổi đeo. Ôi! cuộc đời là thế đó.

Còn quan niệm thứ hai thuộc những người lớn tuổi, trong đó có cả cha mẹ Ngọc. Họ cho rằng chữ Hiếu đúng đầu theo quan niệm của Khổng Giáo, chứ không phải chữ Hiếu của Phật Giáo. Khổng Giáo dạy con người phải sống làm sao cho phải đạo làm người, nhất là phải sanh con đẻ cái cho nhiều để nối dõi tông đường. Nếu người đàn ông nào không sinh được con trai là người mang tội bất hiếu với song thân đã đành mà lại còn bất hiếu đối với cả một dòng họ nữa. Còn theo như Phật Giáo, nếu còn lăn quẩn trong vòng sanh ra là còn tạo thêm một sự luân hồi sanh tử; còn việc sanh con trai hay gái, cũng chẳng qua vì nghiệp lực tác thành, chứ không ai mong được như cha mẹ hằng mong muốn. Bất hiếu của đạo Phật là khi cha mẹ về già, không biết khuyên tấn cha mẹ tu hành. Còn như trường hợp sinh nhằm những đứa nghịch tử có thể giết cha, giết mẹ mới là trọng tội, chứ đâu phải không sanh con trai để nối dõi tông đường là trọng tội đâu.

Ngọc tự lý luận rằng, cái điều tu tại gia thứ nhất ấy, chính là mình tự giác ngộ bản tâm của mình, phải biết cuộc đời là khổ, gia đình là một sự ràng buộc. Thứ đến tu chợ, chợ đây có thể hiểu là tha nhân hay xã hội. Sau khi mình hiểu được mình, rồi đem sự hiểu biết đó giúp đỡ người khác cũng hiểu được như thế, và khuyên người khác trở về với nẻo thiện, ấy là nghĩa của chữ cho vậy. Còn điều thứ ba không có nghĩa là tu ở chùa dễ hơn tu ở nhà. Nếu nói tu tại chùa dễ hơn, sao thế gian vẫn có nhiều người mà chùa viện lại hiếm hoi Tăng sĩ?

Việc thứ ba ở đây ta nên hiểu là sau khi làm tròn hai công hạnh tự giác và giác tha, thì ở đây chùa chính là giác hạnh viên mãn vậy. Chỉ vì người đời hiểu sai và đánh giá lầm ý nghĩa của câu nói, rồi khur khur vào đó kết luận, nên chẳng chịu đi chùa bao giờ. Họ cứ bảo: Phật tại tâm. Đành rằng thế, mặt trời bao giờ cũng có, nhưng cũng có lúc sáng lúc tối, khi mờ khi tỏ, vì có ngày có đêm... Ở đây cũng thế, nếu không lo tu mà chỉ y cứ vào Phật tại tâm, cũng chẳng khác nào mặt trời kia bị mây mù che phủ. Điều cần yếu của người tu là làm sao vén đám mây mù kia lên để thấy

được chơn trí tuệ sáng suốt, ấy là người tu Phật. Người tu Phật quyết không ỷ lại vào mình hoặc tha nhân để tự dễ dãi trong việc tu hành. Lý luận Phật tại tâm là lối lý luận yếm thế, bi quan. Nếu bảo Phật tại tâm thì lập chùa ra để làm gì? Vì mỗi người đều sẵn có ngôi chùa trong tâm rồi? Còn nếu bảo không cần đi học cũng biết đạo như quan niệm “nhơn chi sơ, tánh bản thiện” thì trường học thừa cả sao? Như vậy cứ ở nhà lo trau dồi cái thiện ấy có phải hay hơn đến trường? Nếu ở nhà ta biết thờ cha kính mẹ cũng đã tu rồi. Vì đức Phật có dạy, kẻ nào biết kính trọng cha mẹ trong đời này, tức xem như Phật còn tại thế vậy. Nếu cha mẹ mình không kính trọng mà kính trọng người khác thì đã lỗi đạo làm con rồi. Ca dao, tục ngữ Việt Nam đã chẳng có câu: Phật trong nhà không thờ, lo thờ Thích Ca ngoài đường”, đó chính là cái nghĩa này. Nhưng cha mẹ rồi cũng bị chìm sâu trong sinh tử làm sao ở mãi lại đời với con cái giống như giáo pháp giải thoát được.

Một quan niệm sai lầm của người thế gian nữa, là xem việc tu hành chỉ dành cho những người già. Không ai ý thức được rằng, lúc trẻ không lo tu đợi đến già làm sao tu cho kịp. Trong khi người trẻ lạy Phật một trăm lạy chẳng thấy mỗi chân chồn gối, còn người già thật là vất vả khổ sở, mới cúi xuống đứng lên có mấy lần đã thấy mệt mỏi rồi. Và lại, giáo lý và kinh điển của đạo Phật rất cao siêu huyền diệu, nếu ta đem cái trí mưu của thế gian sau bao tháng năm mệt mỏi với đời, làm sao có thể hấp thụ được những cái gì cao thượng giải thoát.

Cũng đã có biết bao nhiêu người già cả, cứ lần lữa hẹn đến tuổi về hưu trí sẽ đi chùa, lễ Phật tu hành cũng chưa muộn, nhưng họ quên rằng con vô thường đến bất thành linh bất cứ lúc nào, làm sao họ có thể hẹn được?

*“Đép dưới giường lên giường vội biệt
sống ngày nay chẳng biết ngày mai
Mạng người hô háp kinh thay
Nghĩ con vĩnh biệt tuyên đài mà đau”*

Tôi lại lúc đi ngủ bước chân lên giường và để dép. Nhưng sáng ra có người còn không thể xỏ chân vào dép lại được. Vì một khi hơi thở chỉ hít vào mà không thở ra được là đã ra người thiên cổ rồi, đâu có luận già hay trẻ. Ở ngoài bãi tha ma kia đâu phải chỉ có toàn là những người già mới chết mà trong ấy có biết bao nhiêu là hình hài trẻ già, trai gái lẫn lộn với nhau. Vì thế trong kinh Phật dạy:

*“Chớ đợi tuổi già mới học đạo,
Mồ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh”.*

Đó là chưa kể có nhiều người hện già rồi mới tu, nhưng khi già rồi hết lo chuyện của con, lại đến chuyện của cháu làm sao rảnh rang được nữa mà tu hành? Việc đời lúc nào cũng dầy dầy mà chuyện đạo –con đường giải thoát- lại cấp bách như hơi thở. Ngọc nghĩ rằng, nếu kiếp này chẳng tu được, chẳng còn hện đến kiếp nào nữa cả. Vì thân người khó được, Phật pháp khó gặp. Chàng cố gắng dẹp mọi thị phi để đi vào con đường đạo. Đối với điều thị phi thứ ba của người thế gian đối với chàng trong quá khứ cũng có đôi phần đúng. Quá khứ của chàng là một vết nhơ về tình đời, khi chưa hiểu gì về đạo lý. Vết nhơ của thân thể có thể lấy nước tẩy rửa được, nhưng vết nhơ của tâm linh, nếu không nhờ Phật pháp và nhờ ân vị sư chỉ dạy, chàng chẳng biết nương tựa vào đâu. Nếu ngày xưa cứ theo vết xe cũ, chàng vui say theo dục lạc và sống trong sự hưởng thụ của dục tình mãi, rồi chàng sẽ không biết ra cái gì? Đời chàng chắc sẽ giống như một chiếc xe long đĩnh, lỏng ốc nhanh hơn thời gian dự tưởng mà người thợ đã tạo nên. Quá khứ của chàng qua đen tối như thế. Nay cô này, mai cô khác thế mà vẫn chưa vừa lòng, cứ mãi kiếm tìm. Nhưng rồi mãi mãi vẫn cứ xa với tầm tay với tới, chỉ còn người bạn đường của chàng chịu đựng với gió sương, nhưng rồi cũng phải xa lìa. Vì đời đâu có gì vĩnh cửu, ngoại trừ chân lý. Ngọc tự lý luận rằng thân thể này, ví như cái bình đựng nước. Ngày xưa bình chứa nước dơ cũng như cái thân này. Nay bình đựng nước đã súc sạch, cũng

chính nhờ cái thân này. Nếu không thân này làm sao ta có thể học đạo được. Nhưng cũng đừng lầm tưởng rằng thân và tâm của Ngọc ngày nay là thân và tâm của Ngọc ngày trước nữa. Cái tâm buông lung vô độ ngày xưa ấy, bây giờ chàng đã cột chặt nó lại rồi. Đâu có có gì để phủ nhận việc làm bây giờ để khơi lại những chuyện dĩ vãng, thuộc về thuở xa xưa. Người biết đạo là người nên tha thứ cho kẻ khác, khi kẻ khác tự biết lỗi lầm.

Vâng, chính nhờ phép Phật -chỉ có phép Phật thôi mới có thể giúp chàng thoát khỏi cơn bão tố, mộng tưởng này. Ngọc tự lý luận như thế để trấn an và cũng để thương hại cho người đời, vì không hiểu đạo mà có những lời thị phi như thế. Và cũng chính chàng ngày xưa khi mà cái tuổi xuân xanh đang độ chớm nở trong cuộc đời trai trẻ ấy, chàng thấy ai đi tu cũng tỏ ra bất mãn hay cười. Nhưng không ngờ, giọt nước cành dương lại có công năng màu nhiệm đến như thế! Nhờ vào đó đã gội sạch tâm trần cấu của chàng để chàng bây giờ đang đối diện với bao sự thử thách.

Lúc đến chùa, Ngọc trình bày mọi sự việc đã xảy ra cho Sư phụ nghe, Người chỉ khẽ gật đầu và bảo chú Hạnh Tâm đưa Ngọc về liêu an nghỉ. Bắt đầu từ hôm đó, Hạnh Tâm có thêm được một người bạn mới, một người anh đồng đạo. Thỉnh thoảng Hạnh Tâm hỏi Ngọc một đôi câu, nửa như gỡ ngàng, nửa như để thử tâm chàng.

- Thế nào là yêu anh Ngọc nhỉ?

Hạnh Tâm đưa mắt về hướng Ngọc nêu câu hỏi và chờ trả lời.

- Bộ chú không biết yêu là gì sao? Nhưng chữ yêu rộng lắm, làm sao định nghĩa cho được. Tại sao chú không hỏi tôi tình thương là gì có phải dễ trả lời hơn không?

- Lẽ ra anh phải trả lời câu đó, vì anh đã yêu và đã biết đau khổ vì yêu. Còn Hạnh Tâm này sẽ trả lời anh về tình thương mới đúng chứ!

Ngọc nể lời chú Hạnh Tâm và bắt đầu kể:

- Yêu có thể lúc đầu chỉ để ý nhau, rồi sinh ra tưởng nhớ nhau và tình yêu là vậy đó. Từ đó sinh ra thương và từ thương đến chuyện yêu đương là thường.

- Vậy đâu có khác gì Thập Nhị Nhân Duyên trong Phật giáo phải không anh? Vì có xúc -chung đụng gần nhau- nên sinh ra mến nhau và muốn thọ nhận sự chung chạ mãi với nhau. Từ sự ưa nhau đó, mới sinh ra yêu thương và vì yêu thương mới sinh ra bảo thủ. Sở dĩ bảo thủ đối tượng của mình yêu thương, vì tự cho đó là có và cứ thế tiếp diễn mãi trong vòng luân hồi sinh tử.

- Vậy chú còn hiểu rõ hơn Ngọc này rồi, đâu cần phải hỏi gì đến chuyện yêu. Chú đã biết đường nào đi và đường nào đến đích. Chú cũng đã biết chỗ nào trói buộc và chỗ nào có thể gỡ bỏ được mà! Lâu nay người đời chỉ vì lặn hụp trong sông mê bể ái mà quên đi bản tâm tự tánh của mình. Nhờ Phật giáo và cũng phải chính tự họ hiểu được Phật giáo thì được lợi lạc biết bao nhiêu, phải không chú Hạnh Tâm?

- Thôi bây giờ Hạnh Tâm hỏi anh vài câu nhé? Anh có đồng ý không?

- Chú cứ tự nhiên, tôi rất sẵn sàng.

- Biển nào rộng nhất?

- Biển Thái Bình Dương. Ngọc trả lời.

Hạnh Tâm cười sặc sụa, như tuồng đắc ý lắm và bảo: Thế mà anh cũng đòi đi tu. Anh làm sao có thể đem cái trí của thế gian đo

lường với pháp Phật được? Cái học của anh cũng chỉ có giá trị đối với ngoài đời thôi. Chứ còn đối với trong đạo chẳng có thấm nhập vào đâu cả. Đây anh nghe câu trả lời nhé: Đó là biển khổ. Nếu không khổ anh đã ở lại với đời rồi, chứ anh vào chùa làm gì. Và lại trong kinh có dạy rằng:

“Ái hà thiên xích lãng
khổ hải vạn trùng ba.
Dục thoát luân hồi khổ,
tảo cấp niệm Di Đà” ...

Sông mê biển ái rộng hằng muôn vạn dặm. Cái khổ di của con người như hàng vạn lớp sóng nhỏ. Nếu ai muốn thoát cảnh luân hồi sinh tử hãy mau mau niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà. Đó, anh thấy chưa, cái sông mê, bể ái rộng thênh thang như thế, chứ đâu có phải biển Thái Bình Dương như anh tưởng. Thái Bình Dương của anh so ra còn hẹp nhiều, so với biển khổ của đời. Vì:

Biển khổ mênh mông sóng ngập trời,
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi.
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió,
Chung cuộc rồi trong bể khổ thôi.

Ngọc la lên làm chú Hạnh Tâm hoảng hốt, như đã tìm ra được chân lý mà lâu nay chưa bao giờ chàng ngộ được. Bây giờ chàng mới thấy Phật pháp nhiệm mầu và chính những câu thơ đã rơi thẳng vào tâm tư chàng làm chàng bừng tỉnh lại sau một cơn đại mộng.

- Bây giờ tiếp tục nữa nghe anh Ngọc?

Ngọc vui vẻ đón nhận sự hăng say của chú Hạnh Tâm và đồng ý.

Hạnh Tâm xin hỏi anh:

-Sắc đẹp là gì ?

- Sao chú hỏi gì đầu toàn là những chuyện đời không. Người tu hành bộ có quyền hỏi được câu đó sao?

- Anh nghĩ thế là sai rồi. Rồi anh sẽ rõ nó không đời chút nào cả mà hoàn toàn đạo không hà. Nếu người tu hành không biết được căn nguyên của căn bệnh làm sao chữa trị được bệnh cho lành?

Ngọc nghe có lý bèn trả lời:

- Sắc đẹp là... là trời đã ban cho người đàn bà có được để trang điểm cho đời mình một khí giới ngoại diện, nhằm khuyến dụ người đàn ông say đắm và còn nhiều nữa...

- Sao anh trả lời dài dòng mà lại chẳng đúng ý của Hạnh Tâm muốn hỏi chút nào cả thế! Đây anh hãy nghe Hạnh Tâm trả lời nhé:

Sắc đẹp là con dao hai lưỡi, có thể cứu người mà cũng có thể giết người. Anh không nghe câu “Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách, sắc bất ba đào dị địch nhân” sao?

- Ngọc đã nghe câu đó, nhưng chú xô toàn chữ Nho không làm sao Ngọc hiểu hết nổi.

- Dễ ợt hà, có nghĩa là mưa không có vòng kiềm tỏa, thế mà hay giữ khách ở lại; sắc đẹp không phải là sóng gió mà làm cho lòng người ngã nghiêng.

- Ngọc rất phục tài chú, chắc phải học ở chú nhiều mới được. Nhưng chú hãy giải nốt câu còn lại là tại sao sắc đẹp lại là con dao hai lưỡi?

- Anh có biết chuyện Ngài A Nan, đệ tử đẹp trai nhất của đức Phật và nàng Ma Đăng Già không?

- Ngọc chưa biết chuyện đó, nhờ chú kể cho nghe.

- Cũng vì sắc đẹp của Ngài A Nan mà Ma Đăng Già mê đắm khổ lụy, và cũng chính vì nhận chân cái đẹp đó không vĩnh cửu với trần gian, nên Ma Đăng Già đã phát nguyện tu hành, và chứng quả A La Hán là gì?

- Lâu nay Ngọc có mắt cũng như người mù, nếu không nhờ có chú, chắc tôi suốt đời cũng chẳng bao giờ hiểu hết được thâm ý của Phật pháp.

- Cũng chưa hẳn là thế. Anh hiểu nhiều lắm, Hạnh Tâm vẫn thường nghe Sư phụ khen tặng anh hoài. Nhưng đó là sự hiểu biết của thế gian pháp; còn xuất thế gian pháp phải khác chứ anh?

Bấy giờ Ngọc và chú Hạnh Tâm không còn đối đáp với nhau nữa mà hai người đã yên lặng từ lúc nào. Chú Hạnh Tâm đang đi vào giấc ngủ, còn Ngọc vẫn nằm đó thao thức như đêm nào, trước khi chàng rời nhà ra đi và để lại sau lưng vợ hiền và con dại. Chính giờ này chàng thấy rằng việc làm của chàng là đúng và chàng chẳng hối hận gì về quá khứ của mình cả. Trong tâm tưởng gợn lên một ít đắng cay, khi nghĩ đến người yêu, gia đình và bè bạn. Nhưng dẫu sao đi nữa, ở đây đã có chú Hạnh Tâm giúp Ngọc để nguôi ngoai một ít vấn vương còn lại nơi lòng chàng.

Những câu chuyện tâm tình trao đổi giữa Ngọc và chú Hạnh Tâm cứ liên tục xảy ra như thế. Hai người càng ngày càng hiểu nhau nhiều hơn trước. Hạnh Tâm đã chỉ cho Ngọc những điều gì cần phải làm để chuẩn bị cho lễ thế phát xuất gia trong những ngày tháng tới. Hạnh Tâm rất vui, vì giờ đây đã có thêm người bạn đạo mà chú hằng mong mỏi. Một người như thế để được an ủi

hỏi han với nhau. Ở chùa nhiều khi chỉ thui thủi có một mình sao cảm thấy nó giá buốt làm sao!

Mặc dù người tu hành không được vui quá hay buồn quá, mỗi khi có chuyện gì xảy đến với mình. Nhưng đức Phật thì cao xa quá, như có lần Hạnh Tâm đã nói chuyện với Ngọc; còn Sư phụ cũng quá cách biệt, nên ít có lúc chuyện trò. Và lại, Sư phụ vẫn ở cương vị là Thầy, nếu có sai, đệ tử đâu có dễ dàng thưa đi hỏi lại được nhiều lần. Nay có Ngọc cũng là cái cớ để Hạnh Tâm thấy mình đỡ đi phần nào trông vắng đối với nội tâm bấy lâu.

Bây giờ Ngọc cảm thấy như mình đã thoát qua được nhiều thứ nạn. Chàng cảm thấy có nhiều thì giờ hơn để chuẩn bị cho cuộc đời tu học và hành đạo của mình trong những tháng ngày sắp tới. Chàng nghĩ rằng, tự do được không phải là tìm cách chạy trốn sự thật mà điều quan trọng hơn hết là làm sao cho tâm hồn được thanh thoát, mới là bổn phận của người học Phật.

Cây cỏ ở đây như xanh tươi hẳn lên, nhất là từ khi có Ngọc. Bây giờ chàng về chùa, không còn danh nghĩa một ông Kỹ sư đi tưới cây như ngày xưa nữa mà là một chú tiểu của vườn chùa Đại Giác, có bổn phận phải chăm hoa và rau quả cho chùa, cũng như cho khách thập phương, như trước đây chú Hạnh Tâm vẫn thường làm.

Cứ mỗi buổi sáng chú Hạnh Tâm bung trà cho Sư phụ, còn Ngọc lo chăm sóc vườn chùa. Công việc được chia ra đều đặn cho mỗi người. Vì thế, chẳng mấy khi ngôi chùa Đại Giác đã thay đổi đi nhiều sắc thái.

Hai mái đầu xanh -một đã gọt sạch bụi trần- còn lại một chỉ trong vòng vài ba tháng nữa cũng sẽ được phủ đi lớp bụi trần gian mà từ bấy lâu làm chàng tục lụy. Ngày ấy chắc chẳng còn xa...

thế phát xuất gia

Chánh điện chùa Đại Giác hôm nay tung bừng nhộn nhịp người ra kẻ vào lễ bái dâng hương. Các tôn tượng đức Thích Ca, Bồ Tát Quán Thế Âm và tượng ngài Thế Chí như mới hẵn ra, vẻ trang nghiêm dường như khác lạ hơn ngày thường. Mùi trầm hương quyện theo gió ban mai tạo nên một cảnh sắc không, màu nhiệm. Những chiếc lư đồng bóng loáng. Những cổ độc bình đầy hoa thơm đủ màu sắc, nào hồng, nào cúc, nào hoa mẫu đơn, cùng với những cành hoa thiên lý. Hương thơm ngào ngạt tỏa rộng trong ngôi Phật điện, khiến khách thập phương ai nấy đều sanh tâm hoan hỷ.

Chú Hạnh Tâm là người bận rộn nhiều nhất, cứ chạy lăng xăng hết phòng khách lại ra nhà trai, rồi lên chánh điện, hết trông chỗ này đến xem chỗ nọ, như có ý lo lắng lắm để công việc được chu tất hầu làm hài lòng Sư phụ, nhất là đối với người bạn đồng tu sắp đến của mình. Chú đang đứng tần ngần trước một chậu hoa mẫu đơn ngắm đi ngắm lại, cố lựa xem nên để nơi nào cho vừa ý nhất, vừa có vẻ trang nghiêm mà cũng để cho khách thập phương có

thể thưởng thức tài nghệ dâng hoa cúng Phật của chú nữa. Bỗng phía sau có tiếng động, chú quay qua nhìn chợt thấy Thiện em của Ngọc. Thiện chấp tay cúi đầu chào:

- A Di Đà Phật, kính chào chú Hạnh Tâm. Sao hôm nay trông chú có vẻ tươi tỉnh thế?

- Không vui sao được khi biết mình sắp có bạn đồng hành!

- Thiện để ý thấy chú ngắm chậu hoa mẫu đơn thật kỹ từ nãy đến giờ, không muốn khuấy động chú nên chưa dám chào. Vậy Thiện xin phép hỏi chú một câu nhé, chú bằng lòng không?

- Tiểu Tăng rất sẵn sàng. Thiện cứ việc vào đề ngay đi, cần gì phải rào trước đón sau như thế?

- Dưới mắt chú, chú thấy cái gì đẹp nhất?

Chú Hạnh Tâm toan trả lời, nhưng rồi mím môi chặt lại, như cố ý nghĩ ra một điều gì, đưa tay lên trán, đoạn bỏ tay xuống và nghĩ thầm: Sao hôm nay Thiện lại nhiều chuyện lắm thế và hỏi như thế chắc có ẩn ý gì. Nên trả lời Thiện hay là nên yên lặng? Nếu trả lời nên dựa vào thực tế hay căn cứ vào kinh điển mà kinh nào mới được chứ? Kinh Kim Cang? -Khó quá, chắc Thiện không hiểu đâu, và có thể biết đâu chính mình nhiều lúc cũng lại còn chưa hiểu nữa. Còn nếu im lặng, Thiện sẽ cho là mình bí lỗi. Do đó, chú Hạnh Tâm quyết định trả lời:

- Theo Hạnh Tâm nghĩ: Cái gì cũng đẹp hết mà cái gì cũng xấu hết. Vì các pháp xưa nay đều do giả lập mà thành và chính các pháp cũng sẽ bằng hoại. Nếu một người mang tâm hồn đẹp, thánh thiện nhìn thấy đời cái gì cũng đẹp. Còn nếu người nhìn đời bằng cặp mắt bi quan yếm thế, thì chẳng có gì đẹp cả.

Thiện nghe trong lòng cũng hả dạ. Không ngờ một chú tiểu như thế mà có khả năng đối đáp thật tài tình. Thiện yên lặng đưa mắt nhìn chú như có vẻ cảm thông và cũng có tâm từu mến.

- Còn Ba Má Thiện đâu không thấy lên chùa?

- Ba Má con sẽ đến sau. Ba Má cho con lên đây trước đánh lễ Sư phụ và giúp chú lo một vài công việc trong ngày hôm nay, chắc chú không từ chối chứ?

- Vâng như thế tốt lắm.

Hai mái đầu xanh, một Tăng một tục như thông cảm nhau và cùng chung nhau một nguyện ước. Hai người cứ mãi lo nói chuyện líu lo với nhau mà quên cả nhang đèn trên các bàn Phật và quên cả khách thập phương đang lễ bái nguyện cầu.

Sư phụ bỗng đâu xuất hiện. Người trông thật hiền từ, nhưng giọng nói rất chững chạc, mỗi khi thốt ra ai cũng nể vì. Chú Hạnh Tâm cúi đầu đợi lịnh.

- Chú đã làm xong công việc chưa?

Một con dao, một ly nước lạnh và một cành hoa thiên lý?

Thiện đưa mắt nhìn chú như ngầm bảo để làm gì. Còn chú thì bẽn lẽn không dám nhìn thẳng vào mặt Sư phụ, vì chú đã quên lũng đi rồi. Công việc này Sư phụ đã cất đặt cho chú lo từ mấy ngày trước và chú đã thực sự quên rồi. Chú Hạnh Tâm và Thiện chạy vội xuống nhà trừ sắm một khay lễ như Sư phụ mong muốn. Thiện đưa mắt nhìn chú và hỏi:

- Dao, nước và bông này dùng để làm gì hở chú?

- Thiện không biết hôm nay là ngày lễ xuất gia của anh Ngọc à?

- Thiện biết chứ, nhưng những thứ này dùng để làm gì chứ?

- Làm gì trong chốc lát nữa Thiện sẽ biết, hỏi dồn dập Hạnh Tâm quá, chắc không làm thỏa mãn Thiện được đâu. Thôi hử xả nhé!

Sư phụ hôm nay đắp y bá nạp có thêu kim tuyến, chân đi hia và mang bít tất màu trắng tinh, đầu đội mũ hiệp chuông, tay cầm một cái phát trần, trông đáng điệu Người thật oai nghi phong độ.

Ngọc mặc một bộ đồ vật hò màu nâu đã bạc sạm. Nét mặt chàng đôi khi thoáng hiện niềm vui, nhưng lắm lúc cũng gợn nỗi buồn. Chàng quỳ đó, nơi chánh điện trang nghiêm của ngôi chùa Đại Giác. Cạnh bên phía tay mặt là song thân chàng, hai em và người vợ sẽ không bao giờ gặp lại. Hai con của Ngọc hôm nay không có mặt nơi đây. Chúng đang đi học ở trường. Có lẽ vì chàng không muốn cho con chàng chứng kiến một sự chia ly nào nề, dẫu là chỉ trong khoảnh khắc, nên chàng dặn người nhà không cho chúng đến chùa dự lễ. Phía sau và hai bên tả hữu là bạn bè thân thiết và khách thập phương vân tập về đây dự lễ thế phát xuất gia của Ngọc.

Chàng quỳ đó, hai tay chấp lại thật chặt như sợ mất đi niềm tin vào giờ phút cuối này để quyết định một cái gì miên viễn nhất. Hai mắt Ngọc lim dim, tai chàng vẫn nghe tiếng cầu nguyện, niệm hương của Sư phụ phía trước, nhưng tâm tư chàng giờ đây thôn thức lạ thường. Không phải chàng tiếc rẽ gì ở quá khứ. Vì quá khứ đối với chàng không còn liên hệ gì đến hiện tại nữa. Và lại quá khứ của chàng, một quá khứ không có gì tốt đẹp, vì cũng vui cũng buồn, cũng khổ đau như bao người tục lụy khác ở trần gian và chàng quyết đoạn lìa nó. Lẽ ra hôm nay là ngày vui của chàng mới phải, nhưng bên tình, bên hiếu, bên đạo, bên đời. Hai vai chàng gánh nặng. Chàng đang suy nghĩ phải làm sao cho trọn đạo, khi đã thế phát xuất gia. Đôi khi chàng tự mỉm cười cho cái

quá khứ của mình. Ngọc tự nhủ: Khi Sư phụ mới về đây, những ai thấy mình đi chùa lễ Phật, tụng kinh, niệm Phật, ăn chay cũng bĩu môi như bảo chàng rằng: Nếu Ngọc mà tu được chắc cái xứ này sẽ chóng hòa bình. Và hôm nay mình đã thật sự tu đây, rồi đây không biết có được hòa bình chăng? Chàng đảo mắt nhìn chung quanh chánh điện, thấy có năm ba người bạn quen biết đồng học thuở trước, nên chàng mỉm cười, và đó cũng là lý do vậy. Đâu có ai biết được hung tợn dữ dằn như Đề Bà Đạt Đa và vua A Xà Thế của Ấn Độ thờ Phật còn tại thế, thế mà cuối cùng còn đầu Phật quy y, xin được Phật té độ cho, hưởng nữa một người như mình! Đối với mọi người mình cũng một thời vang bóng, tung hoành ngang dọc bốn phương, thì sao lại không quy y đầu Phật được. Vì phép Phật nhiệm màu, nếu không nhờ phép Phật, chắc Ngọc đã chết từ lâu, chết như một người chưa bao giờ được sống. Vì đời chàng trong quá khứ thật là vô vị, không có một ý nghĩa nào. Nếu có chết cho ngày trước, cái chết đó cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Ngày xưa bạn của chàng đông lắm, nào nam thanh, nữ tú đủ hạng má hồng, nhưng ngày nay hầu như họ đã xa Ngọc hết. Vì họ sợ tu sẽ phí đi cái xuân xanh và chôn chặt đời mình vào câu kinh tiếng kệ, chứ chẳng ích lợi gì. Nhưng họ đâu ngờ rằng đi tu hoặc học đạo là giữ lại cái xuân xanh đó. Cái xuân xanh sống trong chân lý mới là cái xuân miên viễn; còn cái xuân của thế tục chóng đến sẽ chóng tàn. Họ còn muốn đua đòi theo vật chất, địa vị, tiền tài và sắc đẹp. Nhưng họ không ngờ rằng chính những thứ này sẽ làm họ đọa lạc trong bể khổ.

Tài, sắc, danh, thực, thùỳ là năm món dục của người thế gian ưa thụ hưởng. Tiền muốn có cho thật nhiều, vì túi tham không bao giờ có đáy; còn sắc đẹp cũng ví như con dao hai lưỡi, có lợi đó và rồi cũng liền hại sau đó. Đối với chàng giờ đây, đang quỳ trước Phật đài trang nghiêm thanh tịnh, chàng thâm khấn nguyện:

“Tợ thanh tợ sắc như thạch thượng tài hoa,
kiến lợi kiến danh như nhĩn trung trước tiết”

Nghe âm thanh hay, thấy sắc đẹp mỹ miều, tâm chàng như hoa trôi trên đá. Thấy sự đua chen danh lợi của cuộc đời như bụi thoảng qua trước mắt. Vì chàng cũng đã có địa vị và danh vọng, tiền tài, nhưng những thứ ấy đã chẳng giải quyết được cho chàng một thao thức nào cả, ngoại trừ phép Phật. Người đời ưa ăn ngon, mặc cũng mong mặc cho đẹp; còn ngủ nghỉ cũng mong cho thỏa mãn và thân thể cầu cho thỏa mãn dục tình. Khi còn khỏe mạnh, thân thể hòa theo năm món dục, nhưng khi già rồi, mấy ai thực hiện được những giấc mộng hèn sang? Dầu cho có dùng thuốc cải tử hoàn sinh cũng không thể làm cho thân hình già trở thành trẻ được. Và mấy ai trong những bạn bè chàng lúc còn trẻ phải nghĩ đến khi già phải ra sao. Cũng như chẳng mấy ai nghĩ được lúc lâm cảnh nghèo hèn giá áo túi cơm sẽ như thế nào? Bây giờ họ đang cầu cho đủ và đòi biết bao giờ mới đủ. Nói như Nguyễn Công Trứ đã nói:

“Tri túc tiện túc đãi túc, hà thời túc
Tri nhàn tiện nhàn đãi nhàn, hà thời nhàn”

Người biết đủ là đủ, không cần phải chờ vì chẳng bao giờ đủ. Kẻ biết nhàn cứ nhàn, và đợi cho được nhàn chắc chẳng bao giờ nhàn. Nhân sinh chỉ chùng sau bảy mươi năm là cùng, chứ chẳng có một ý nghĩa gì cả. Thế mà con người cứ mãi quay cuồng trong cơn ác mộng để rồi cuối cuộc đời mình phải thở than một cách vô ích. Lúc đó vì đã quá muộn. Và vì thế mà Ngọc nhất quyết ra đi. Chính hôm nay là ngày quan trọng đánh dấu bước đường lên thánh đố.

Ngày trước khi chàng còn nằm trong bệnh viện với một cơn bệnh quá hiểm nghèo, thập tử nhất sinh. Vợ chàng lại bụng mang dạ chửa đưa con đầu lòng chưa kinh nghiệm. Chàng lo nghĩ và đau khổ nhiều lắm. Nhưng đột nhiên Sư phụ xuất hiện, mang đến cho chàng một toa thần dược hiệu nghiệm. Đó là quyển “**Lá Thư Tịnh Độ**” của Ấn Quang đại sư. Quyển sách này đã cứu Ngọc qua

khỏi cơn bệnh khổ và cũng từ đó chàng tin tưởng tu theo pháp môn niệm Phật để được vãng sanh sau khi lìa đời. Ấn Quang đại sư đã dạy rằng: “Đời mạt pháp, mười người tu Thiền; mười người tu chỉ một vài người chứng. Nếu tu theo pháp môn Tịnh Độ, mười người tu được chứng cả mười. Nếu tu cả Thiền lẫn Tịnh, chẳng khác nào con hổ có thêm móng vuốt”. Vì thế, chàng quyết tu theo pháp môn Tịnh Độ, trong việc niệm Phật hằng ngày hằng giờ. Do đó, Ngọc quên đi nỗi đau khổ về thân bệnh khỏi lúc nào chàng cũng chẳng hay biết và được bác sĩ cho xuất viện. Ngọc về nhà dưỡng sức. Kể từ đó lòng tin của chàng đối với ngôi Tam Bảo lại càng vững mạnh tinh tấn hơn. Chàng say mê kinh kệ và giáo lý của Phật đà như say men đời của những năm về trước. Chàng đoán chắc rằng, men đời khi thấm vào người sẽ làm cho ta cháng váng, nhưng men giải thoát càng ngấm vào tâm thức, chắc chắn ta sẽ cởi bỏ được những sự buộc ràng. Chàng đinh ninh tin tưởng như thế nên siêng năng đi chùa nhiều hơn và tụng kinh niệm Phật nhiều hơn. Những người bạn cùng lứa tuổi với chàng hay chế nhạo chàng, mỗi khi gặp gỡ và cho rằng: Chưa gì đã chán đời, rồi đến bao giờ đi tu? Thuở bấy giờ chàng chỉ mỉm cười và cũng không ngờ có được ngày hôm nay và đây mới chính là sự thật. Những người bạn trước đây, nếu có gặp lại chàng lúc này chắc không dám cười ngạo nữa.

Trong sự quyết định ra đi của chàng, chỉ có hai người chống đối. Không phải vợ chàng mà là em ruột, là Minh, anh của Thiện. Cũng không phải mẹ chàng mà là Ba của chàng. Minh chống lại anh, vì Minh nghĩ rằng cuộc đời đẹp thế mà anh lại nỡ ăn mình lẫn trốn trần gian? Việc Đạo có lẽ chẳng giúp ích gì cho Ngọc, vì bên tai anh mình còn tiếng vọng của hai trẻ thơ vô tội. Minh không muốn anh trở thành Tu Sĩ mà chỉ muốn ở đời như một người Cư Sĩ thuần thành để hộ đạo mà thôi.

Ba của Ngọc rất thương yêu chàng, nhưng ông không đồng ý, vì quan niệm rằng chàng chưa làm xong bổn phận đối với vợ con. Ông nghĩ rằng, ông đã làm tròn bổn phận đối với con cái, thì con

cái ông cũng phải làm xong bốn phận đối với các cháu nội của ông, và chỉ đơn giản có thể thôi. Còn Ngọc lại quan niệm khác, chàng cho rằng ở đời biết bao giờ mới làm xong được bốn phận. Đi tu cũng chẳng phải là trốn tránh bốn phận mà là thực hành những bốn phận, nên chàng đã quyết một lòng.

Mẹ chàng không chống đối, cũng không ưng thuận. Bà ngồi bất động để hai dòng lệ rung rung và đang suy nghĩ mông lung gì đó. Vì chẳng có bà mẹ nào được vui khi biết rằng con mình rời xa mái gia đình cả. Con của bà đi tu cũng có nghĩa là sẽ cắt ruột gan của mẹ ra thành từng đoạn để hiến dâng cho một mục đích xa vời. Đành rằng phép Phật nhiệm mầu thật, nhưng bà chỉ mong sự huyền nhiệm trong vòng tay và bằng chính sự hiểu biết của bà thôi. Bà không muốn con mình rời khỏi vòng cương tỏa của gia đình. Một khi con đã đi tu, dù biết rằng có được một cuộc đời phụng sự rất tốt, nhưng tình thương của hiền mẫu lại ở trong một giới hạn hẹp hòi làm sao cao thượng và bao la như tình thương của đức Phật và chư vị Bồ Tát được.

Còn Thiện lại khác, tỏ ra rất vui mừng, vì thấy có một cái gì hay hay mà Thiện không thể nào diễn tả ra được. Vả lại, Thiện nhận thấy, nếu không đi tu làm sao có thể lý luận được những câu có giá trị như chú Hạnh Tâm. Thiện còn nhỏ chưa biết gì nhiều, nhưng cũng hiểu rõ đi tu không phải là một cách chạy trốn mà còn hữu ích cho đời cho đạo nữa là khác. Nếu ai đó không tin cứ nhìn gương Sư phụ đủ rõ. Còn trường hợp anh mình ở đời chắc gì đã giúp được mẹ cha. Đôi khi còn trái lại nữa là khác. Tại sao người ta sung sướng trong đau khổ của cái vòng lẩn quẩn của gia đình mà không biết chịu lià bỏ một chút ái ân và cái tình ruột thịt trong hiện tại để mọi người được vui sướng về sau? Tại sao và tại sao con người lại ích kỷ thế? Thiện luôn suy nghĩ như vậy và tự vấn không biết có phải vì mình có cảm tình với chú Hạnh Tâm không lại ra sức bênh vực cho anh mình nhiều đến thế! Cũng có thể mình đã cảm tình với Phật giáo qua tư cách, phong độ và tánh hạnh của chú Hạnh Tâm? Thiện nêu ra và rồi cũng không biết

phải trả lời như thế nào cho thỏa đáng, nhưng cảm thấy rất thoải mái trong tâm hồn về những câu lý luận của mình.

Còn vợ chàng lại đang thổn thức thật nhiều. Nàng để cho nhịp đập của con tim tự nhiên hoạt động; không phải để thổn thức như lần đầu tiên gặp Ngọc cách đây mười mấy năm về trước mà là để lắng nghe lòng mình có còn thương yêu chồng thực sự nữa không. Nước mắt nàng rung rung và tâm tư nàng đau khổ thật nhiều. Vì nàng biết rằng kể từ nay hai ngã cách ngăn như người đầu sông Tương và kẻ cuối sông Tương. Và cũng có nghĩa hai ta sẽ không bao giờ còn gặp nhau trong tình chồng vợ nữa, nếu có chăng cũng chỉ trong giấc mộng mà thôi. Nàng không luyến tiếc quá khứ, nhưng nê lời chàng, nàng đã đồng ý để Ngọc xuất gia. Nàng cũng chưa hiểu hết trọn vẹn ý nghĩa của cuộc sống tu hành như thế nào. Nhưng vì nàng yêu thương chồng, chiều theo ý chồng, nàng đã đồng ý không suy tính. Từ đây nàng sẽ chăm lo cho hai trẻ thay thế chàng. Nàng bây giờ có nhiều bổn phận: vừa làm cha, làm mẹ và đặc biệt là kẻ tín thí - gần như bắt đực dĩ- đối với ba ngôi Tam Bảo.

Ngọc đang miên man suy nghĩ, bỗng tiếng chuông gia trì trên Phật điện cảnh tỉnh chàng thoát ra cơn mộng để kéo chàng về thực tại. Ngọc ngẩng đầu lên lắng nghe giọng của Sư phụ niệm hương lúc trầm lúc bổng, khiến tâm chàng chao đảo, như các chủng tử đã huân tập xưa nay có cơ hồi sinh lại. Niềm tin đã đến một cách chân thật và đúng lúc, Ngọc cũng muốn rằng với ý chí sắt đá ấy chàng sẽ gặt hái được những gì cao thượng giải thoát mà chàng đang mong đợi.

Sau khóa lễ cầu an qua các bài thần chú Đại Bi, tâm kinh Bát Nhã, Ngọc cảm thấy tâm tư lắng dịu một cách lạ thường. Chàng như thấy bản thể hòa đồng với sự cao thượng thanh thoát từ bi của đức Phật với cái yên lặng nhiệm mầu đang vây phủ quanh chàng.

Sư phụ tiến lại gần chàng trước mâm lễ với một cặp đèn, một bình hoa tinh khiết, một con dao cạo, một chén nước trong và một cành hoa thiên lý mà chú Hạnh Tâm đã sửa soạn một cách chu đáo từ trước. Ngọc khẽ cúi đầu và đánh lễ Sư phụ. Với giọng trong trẻo và ấm Sư phụ hỏi lại Ngọc lần cuối:

- Thế con đã nhất quyết xuất gia cầu đạo, con có còn vương vấn gì nữa không?

- Kính bạch Thầy, tâm con giờ đây chỉ còn một niệm là chọn đường tu Phật để được giải thoát và kính mong Sư phụ thể phát cho con để lời nguyện của con được trọn vẹn.

- Gia đình chắc đã đồng ý và nhất là người bạn đời trăm năm của con giữ đúng lời nguyện và để con tự do tu học, chứ không còn bó buộc con trong cuộc sống thế trần chăng?

- Kính bạch Thầy, con tin rằng như thế và con cũng mong sẽ được toại nguyện trên bước đường tu.

Sư phụ trầm ngâm không nói lời nào thêm nữa, bảo Ngọc hãy đứng lên lạy tạ bốn hướng đông, tây, nam, bắc để đền ơn quốc gia, công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ, ơn huấn dục của Thầy Tổ và ơn Đàn Na thí chủ đã giúp đỡ. Ngọc vâng lời làm theo và cảm động nhất là khi nghe Sư phụ xưng đến câu: “Đại vì sanh thành dưỡng dục phụ mẫu ân, chí tâm đánh lễ thập phương thường trú Tam Bảo”. Mẹ chàng đã khóc cho công mang nặng đẻ đau. Còn Ba chàng như không thốt được nên lời, ông đang lâm râm khẩn nguyện.

Sau khi lạy tạ tứ ân, Ngọc quỳ xuống vị trí cũ. Sư phụ đến cạnh chàng, một tay cầm con dao và tay kia bắt ấn, miệng đọc bài chú thể phát:

Thê trừu tu phát, đương nguyện chúng sanh.

Viễn ly phiền não, cứu cánh tịch diệt.

Ngọc kể từ đây râu tóc đã được cắt bỏ, như xa rời tất cả những sự phiền não của thế gian. Phiền não của thế gian bám sát khách trần cũng giống như râu và tóc, nên người tu hành cần phải xả bỏ cả hai và cầu nguyện cho tất cả mọi loài cũng như cho chính mình được đến nơi chốn giải thoát an vui. Ngọc lấy hết can đảm mím chặt môi lại, chàng quá cảm động và không muốn cho cơn thổn thức ấy tạo thành tiếng làm nhục chí của một kẻ trượng phu.

Sư phụ đưa sát con dao vào mái tóc trên đầu chàng để gọt một nhac đầu tiên, đoạn nói: Người từ vô lượng kiếp đã sâu trồng căn lành, nên nay được theo Phật xuất gia mà tu hành Bồ Đề, song hạnh ấy quyết do nhờ giới mà sanh. Giới đức huân tu, nước định lóng lạng, Bát Nhã Thánh trí nhọn đây mà phát. Do trí đây chiếu phá chủng tử, vô minh sanh tử vị lai từ đây mà dứt. Sư phụ ngưng một lát rồi cạo nhát thứ hai, vừa bảo: Nay Thiện nam tử, tóc trên đầu của người, từ kiếp vô thủy đến nay do sanh tử phiền não kết tập mà thành, không thể tự dứt trừ, chỉ nhờ Tăng mới có thể trừ được, tôi nay vì người mà cạo bỏ cho.

- Đáp: A Di Đà Phật.

Đến dao thứ ba, Sư phụ lại bảo: Người đã cạo bỏ râu tóc rồi, bởi vì có nhân lành đời trước mà được tướng đầu tròn, dần dần ra khỏi trần lao, vượt khỏi lưới ái. Y theo Phật mà ở, siêng tu ba nghiệp (thân, khẩu, ý)... Thầy bạn có dạy bảo, không được chống trái. Đối với các bậc thượng, trung, hạ tọa tâm thường tỏ ra cung kính. Chớ bàn nói việc xấu dở của người khác. Nam, nữ có phân biệt; Tăng tục có phân, không phải bậc hiền chớ làm bạn, không phải bậc Thánh chớ tôn. Như thế là đóng ba đường ác, mở muôn cửa lành, dụng tâm như vậy mới thực là đệ tử của Phật. Tóc trên đầu rơi xối xả xuống trước mặt Ngọc như cỏi bỏ được ít nhiều tục lụy. Qua ba lần Sư phụ dặn dò kỹ lưỡng chí nguyện của người

xuất gia, Ngọc tự nghĩ, đây cũng là hạnh nguyện của một Bồ Tát muốn độ chúng sanh phải phát lên những lời thệ nguyện như trên.

Sư phụ nhặt cành hoa thiên lý lên cao nhúng vào ly nước trong, rồi rảy lên đầu chàng như làm phép gột sạch bụi trần ai, Ngọc sung sướng cảm động và đánh lễ Sư phụ ba lạy. Sư phụ trao cho chàng một chiếc áo nhật bình màu nâu và dặn dò:

- Kể từ đây con sẽ là hạt nhân của dòng Thích Tử, con hãy cố gắng để trọn đường tu và chiếc áo này mang màu giải thoát, con hãy mặc vào để làm tròn hạnh nguyện của một người Tăng sĩ. Pháp danh con sẽ giữ nguyên như cũ và sau thời gian tu học được thọ giới Sa Di, Thầy sẽ cho con pháp tự. Lẽ ra con cũng được thọ giới Sa Di liền, vì con đã thuộc được kinh Lăng Nghiêm, hai thời công phu nói chung và phần giáo lý căn bản của đạo Phật, nhưng Thầy chưa muốn thế. Ở đời cái gì “dục tốc” rồi cũng sẽ “bất đạt” cả.

Mọi người trong chánh điện đều yên lặng thành kính như trong đời họ chưa bao giờ tham dự một buổi lễ trang nghiêm cảm động đến như vậy!

Ngọc mặc chiếc áo hoại sắc vào, lòng tràn đầy sung sướng và rất hãnh diện. Chàng quay sang cha mẹ làm lễ tạ từ hai đấng sanh thành dưỡng dục. Đoạn chàng xoay qua phía hiền thê, nàng cúi gằm mặt xuống và chàng cũng không dám nhìn thẳng vào mặt nàng. Giờ đây giữa Đạo và Đời hai ngã cách nhau. Cổng chùa mặc dù rộng mở, nhưng đường đời lại còn nhiều trói buộc, nàng về lại với gia đình lo cho hai con thơ dại; chàng tiếp tục hành trang... Chắc rằng một ngày nào đó nàng sẽ đưa hai con vào chùa lễ Phật và cũng để thăm chú tiểu mang tên Ngọc ngày nào. Ý định ấy của nàng không phải để khơi lại mối tình xưa mà là để cho hai con nàng nhận chân được rằng chúng vẫn có cha, nhưng cha chúng đang mong muốn làm tròn một hạnh nguyện.

Người vui mừng nhất trong buổi lễ thể phát, hẳn là chú Hạnh Tâm. Vì từ lâu nay chú hằng mong ước có một bạn đồng liêu cho đỡ vắng. Thật sự ra, người đi tu cũng chẳng được buồn, vui quá độ theo duyên cảnh bên ngoài. Nhưng mấy ai hoàn toàn thực hiện được điều đó, nhất là khi chuông chiều nhẹ rơi vào khoảng không gian tịch mịch lúc hoàng hôn buông xuống giữa ngôi chùa to lớn này, lại thêm cảnh vắng, người thưa, chỉ có hình bóng của mỗi một Thầy, một trò và một Tịnh nhân giúp việc, thử hỏi ai lại chẳng buồn; nhất là vào lứa tuổi của chú Hạnh Tâm, nên hôm nay chú vui nhiều là phải lắm! Chú hí hửng nắm tay Thiện chạy nhảy tung tăng trong vườn chùa. Hai mái đầu xanh bí bô với nhau trông ra thông cảm lắm, và hai người bắt đầu gọi chuyện.

- Thiện cảm thấy như thế nào?

- Thiện rất vui, vì đã chứng kiến được một cuộc lễ quan trọng như trong đời chưa bao giờ có dịp.

- Chỉ có chừng đó thôi sao? Chú Hạnh Tâm muốn biết rõ.

- Con đường còn lại là người tu phải tự lo lấy, chứ còn gì nữa là sao? Thiện hỏi lại chú Hạnh Tâm.

- Đã đành là như vậy, nhưng Hạnh Tâm muốn hỏi cảm nghĩ của Thiện kia mà!

Thiện dùng một giây, chú Hạnh Tâm lại tiếp:

-Thế Thiện có thích trở thành tu sĩ như anh Ngọc?

Câu hỏi độ ngọt của chú Hạnh Tâm làm Thiện bối rối không biết trả lời như thế nào. Thật ra, Thiện cũng thích đời tu hành lắm chứ; nhưng không biết cha mẹ Thiện có chịu cắt thêm một đoạn ruột nào nữa không, khi mà niềm đau của cha mẹ chưa dứt qua việc làm của anh của Thiện vừa rồi. Nhưng Thiện nghĩ thầm trong bụng thế này, chính Sư phụ cũng có hai anh em ruột đi xuất gia,

bây giờ người nào cũng được toại nguyện cả, chớ có sao đâu. Khô một nỗi mình là con út trong gia đình, nên phải lo phụng dưỡng song thân, để chờ khi nào có cơ duyên sẽ tính. Thiện đang suy nghĩ chú Hạnh Tâm giục tiếp:

- Thế nào? Thiện chưa trả lời câu hỏi của Hạnh Tâm hai lần rồi đó!

Đoạn Thiện buông nhỏ vào tai chú Hạnh Tâm những gì không biết mà hai người ra về đặc ý lắm.

Nhang khói trên Phật điện đã tàn từ lâu. Mọi người đã lần lượt ra về, kể cả Ba Má của Ngọc. Chỉ còn Thiện thấp thoáng đâu đây ở gần giàn hoa thiên lý nơi đầu cổng tam quan và đang nói nói cười cười với chú Hạnh Tâm xem chừng tương đắc lắm.

Ngọc sau khi trở về phòng để Sư phụ gọt nốt những sợi tóc xanh còn lại, chàng lau mình thật sạch và mặc bộ đồ vạt hò đã bạc màu mà Sư phụ cho từ lâu nay. Bên ngoài chàng khoác lên chiếc áo nhựt bình cũng chính do Sư phụ mới vừa trao cho trong lễ thể phát lúc nãy. Ngọc sung sướng mỉm cười. Tự dung tâm chàng thấy có chút gì không được yên tĩnh. Ngọc bước vội về phía cổng Tam Quan, chợt thấy hiền thê chàng vẫn còn tần ngần đứng đó. Chàng tự dung do dự, không biết phải bắt đầu bằng lời nào và phải gọi nàng bằng gì bây giờ mới xứng đáng với chiếc áo của một nhà tu? Chàng ngẫm nghĩ đâu ra hai câu thơ mà trước đây chàng vẫn thường ngâm:

“Cửa chùa đã đóng lại rồi,
Nàng về xây lại cuộc đời dở dang”.

Tâm tư chàng như thất lại và niềm đau như quận thấu ruột gan. Chàng định tiến lại gần nàng để nói lời giã biệt. Nhưng hai chân Ngọc như dừng lại ở bên này của cổng Tam Quan. Chỉ một con

đường mòn mà hai người thực sự như đã xa nhau trong muôn thuở và như chưa bao giờ gần nhau trong nửa bước!

Nàng càng cúi mặt xuống bao nhiêu, những giọt lệ lại càng tuôn chảy bấy nhiêu như không thể nào ngăn chặn lại được nữa. Biết nói gì đây, khi tình nàng đã dang dở. Nàng cũng không ngờ nửa đường đứt gánh tơ vương như thế này! Nàng yêu đuối lắm, nhưng chẳng còn biện pháp nào hơn. Vì lúc này dầu chàng có sống bên cạnh nàng, nhưng tâm chàng vẫn mơ về con đường giải thoát, chắc cũng không có hạnh phúc gì. Thôi đành chấp nhận sự chia ly bất đắc dĩ này để chàng yên tâm tu hành.

Nàng mong thời gian sẽ làm thay đổi và nỗi buồn kia sẽ biến thành sức mạnh để nuôi dưỡng hai con. Có chúng nàng cũng sẽ đỡ buồn hơn, vì đó là giọt máu của chàng đã để lại. Nàng cảm nhận như đó là niềm vui cuối cùng của đời mình. Nàng chấp nhận hy sinh cho chồng, cho con như bao nhiêu người đàn bà khác đã hy sinh cho gia đình của họ.

Ngọc yên lặng trong giây lâu và chẳng nói lên được lời nào. Chàng đã hết sức chế ngự tâm mình. Bên tai chàng luôn có lời cảnh sách là ngày nay chàng không phải như người của ngày xưa nữa mà đã khoác lên mình một mảnh áo nâu sồng, chàng ngần ngợ và tần ngần đứng đó như người mất hồn.

Bóng chiều đổ xuống mái cổng Tam Quan và ngã dài theo hai hàng cây dẫn vào chánh điện. Nàng thong thả ướm bước xuống đồi theo từng tiếng lá rơi trong gió chiều nơi ngàn cây nội cỏ hòa nhịp theo tiếng chuông chùa Đại Giác buông lời, như đem mùi Thiên làm tăng vẻ đẹp của thiên nhiên.

B o o n g . . . b o o n g . . . b o o n g . . .

thoát vòng tục lụy

Ngôi chùa Đại Giác nay có thêm một người mới nhập chúng tu học. Đó là Ngọc, người mới được Sư phụ làm lễ thể phát xuất gia đầu Phật. Không khí trong chùa có vẻ linh động hơn mọi khi. Vì khi trước cả một ngôi đại hùng bảo điện, hai dãy Đông và Tây đường, nhà trù, hai Tầng đường, một hậu Tổ và một Quan Âm điện mà chỉ có bóng dáng của hai Thầy trò chú Hạnh Tâm cùng với một Tịnh nhân giúp việc. Dầu cho có gây nên nhiều tiếng động cùng một lúc trong chốn Già Lam rộng rãi này, cũng không thể tạo nên một âm thanh có thể làm ta chú ý được. Bây giờ có Ngọc ở đây, dẫu sao chẳng nữa ngôi chùa cũng thêm được sinh khí phần nào. Ngọc -bây giờ là chú tiểu Ngọc- không còn là một Kỹ sư như trước nữa. Ngọc có nhiều thì giờ tụng kinh, niệm Phật và đôi khi cũng suy nghĩ mông lung về quá khứ của mình. Một quá khứ vàng thau lẫn lộn và đắm mùi tục lụy. Những niềm thao thức kia cứ thỉnh thoảng lại đánh thức bởi tiếng chuông u minh vào mỗi buổi tối hay vào những buổi sớm mai sương mờ còn

giăng phủ đầy trên giàn hoa thiên lý gần cổng Tam Quan. Giá Ngọc thất tình đi tu, chắc hẳn tiếng chuông kia sẽ khơi dậy trong lòng chàng buông xuôi theo vòng tục lụy, nhưng ở đây Ngọc với hảo tâm xuất gia. Chàng có nhiều thứ tình chứ không mất. Chàng có đầy đủ tất cả nào tình phụ tử, phu thê, huynh đệ, phu tử, bằng hữu và cả tình sư đệ nữa. Chàng đã quyết đoạn tuyệt với ái ân dân thân vào con đường giải thoát, như Thái tử Tất Đạt Đa khi xưa cũng đã có đầy đủ trong tay tất cả nào là cung vàng điện ngọc, vợ đẹp, con ngoan. Thế mà Ngài vẫn đoạn tuyệt được để xuất gia tầm đạo và tìm ra chân lý cứu khổ quần sanh. Huống nữa là... Chàng không nuôi tiếc quá khứ, vì Ngọc chỉ thích được sống an vui trong hiện tại. Nếu hiện tại tốt đẹp, đương nhiên tương lai sẽ có kết quả như ý muốn. Đó cũng là căn bản của giới Bồ Tát mà Ngọc cũng đã có lần thọ với Sư phụ trong những năm tháng về trước. Bồ Tát chỉ sợ nhân chứ không lo quả. Ngược lại, chúng sanh chỉ sợ quả chứ ít ai chịu lưu tâm về cái nhân đã, đang và sẽ gây ra. Ngọc biết như thế, nhưng hôm nay tiếng chuông chùa buông nhẹ ngân nga như len lõi vào tận đáy hồn chàng rồi tan dần vào trong không gian tĩnh mịch, như còn lại nơi tâm thức chàng mấy câu kệ mà chú Hạnh Tâm đọc lúc giống chuông:

“Nghe tiếng chuông buồn phiền nhẹ
Trí huệ trường, Bồ Đề sanh.
Lìa địa ngục, khỏi hầm lửa
Cầu nên Phật đạo các loài

Án Đà đế da ta bà ha”

Cầu Án đà ra đế da ta bà ha, lần thứ ba chú Hạnh Tâm đọc dài dài ra nghe siêu thoát và thâm não làm sao! Đoạn chú giống một dùi chuông và rồi cứ như thế tiếp tục các bài: hô chung kệ chú...

Lâu nay người đời vẫn thường nghe tiếng chuông chùa giống lên vào hai thời công phu sáng tối, nhưng chẳng mấy ai để ý tới giá trị của nó, như hôm nay Ngọc nghe được qua bài kệ hô chung này. Biết đâu điều đó lại đúng với tâm trạng chàng trong lúc này.

Khi nghe tiếng chuông Ngọc mong cho mọi phiền não đều dứt sạch, không phải để chạy trốn quá khứ mà để làm cho trí tuệ được tăng trưởng và tâm giác ngộ được phát sanh, nhằm đưa hành giả lìa khỏi cảnh khổ của địa ngục và nguyện cầu cho tất cả mọi loài được chứng đạo vô thường chánh chân.

Ngọc mơ tưởng đến một cảnh giới nào đó như xa lạ mà có lần đã đọc được trong kinh Di Đà hoặc Quán Vô Lượng Thọ. Ở đó không còn phiền não trói buộc nữa mà mọi loài đều sống an vui tự tại theo phép hóa sanh, không còn bị ngũ dục, ngũ trần làm nhiều loạn nữa.

Chú Hạnh Tâm vẫn cứ giống lên đều đều những tiếng chuông thanh thoát như thế. Thỉnh thoảng Ngọc vẫn nghe thật rõ, nhưng nhiều khi Ngọc cũng có nghĩ tới một điều gì mông lung về một nơi xa xôi diệu vợi nào đó. Bỗng giọng chú Hạnh Tâm lại thánh thót ngân vang:

Hồng chung sơ khấu, bảo kê cao ngâm,
Thượng thông thiên đường, hạ triệt địa phủ.

Nam mô U minh giáo chủ, cứu khổ bôn tôn, cứu bạt minh đồ, đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát. Đúng ra phải là như vậy. Nhưng tiếng chuông này có mục đích không những cảnh tỉnh người nghe ở cõi trần gian đầy hệ lụy mà còn thấu suốt đến cõi chư Thiên và xuyên qua các tầng địa ngục nữa. Thật là cao thượng, giải thoát thay! Gần đến tiếng chuông cuối, Ngọc vào chánh điện đốt nhang đèn cho Sư phụ hô chuông tọa Thiền, rồi sau đó còn đi công phu nữa.

Ngọc ngồi xuống ngay ngắn trước điện Phật, chàng lấy cặp kiếng cận xuống để trên thảm trước mặt, hai gọng xếp lại thành hình tam giác; ở giữa hình tam giác có điểm một chấm đen. Sau khi niệm Phật và nghe tiếng chuông khởi niệm vào Thiền, chàng bắt đầu tập trung tâm tư vào hơi thở và quán các pháp nhân duyên

giả lập mà thành rồi do giả lập mà hoại diệt. Ngọc quan sát mãi như thế cho đến khi tiếng chuông báo lượt chấm dứt mới thôi. Nhiều lúc tư tưởng chàng cũng bị đứt đoạn bởi những hình ảnh khơi lại dục tình trong quá khứ với người vợ chung thủy của chàng, cũng như của những nàng con gái đã đi qua trong đời chàng. Ngày xưa chàng thèm khát dục lạc lắm; cứ len lỏi lo đi tìm kiếm mãi, khiến cho thân thể mỗi mòn, mặc dù tuổi mới độ ba mươi. Và cuối cùng rồi sự khao khát ấy cũng chẳng bao giờ được đầy đủ cũng như không bao giờ thỏa mãn cả. Đức Phật dạy rằng: Người khát uống nước mặn vào lại càng khát nước thêm nữa. Quả thật rất đúng với những hạng người cứ chạy theo dục lạc như chàng trong những năm tháng trước đây. Người đau khổ không thể tìm vào đau khổ để giải quyết được chuyện khổ đau. Đau khổ có thể trị liệu bằng những viên thuốc an thần của tâm linh như chàng đã tìm mới có thể giúp làm vơi đi những nỗi khổ triền miên được.

Ngày xưa, lúc còn trai trẻ oanh liệt một thời, với vóc dáng đẹp trai, chàng đã có nhiều nàng con gái mê mẩn tâm thần lắm. Nhưng... những người mê chàng, chàng lại không để ý đến họ. Ngược lại, những người được Ngọc để ý lại không hề đếm xỉa gì đến chàng. Quả thật cuộc đời là cái gì không định hướng. Những kẻ thương nhau thường chẳng bao giờ được gần nhau trọn vẹn. Những kẻ ghét nhau, không mong ngày gặp gỡ, thế mà vẫn cứ phải đương đầu với nhau hoài. Quả “ái biệt ly, và oán tắng hội khổ” là thế. Đã hiểu được Phật pháp, biết rõ cuộc đời là vô thường, thế gian là giả hợp, cũng như đã có kinh nghiệm bản thân chàng không tỏ ra thèm muốn gì nữa, trái lại còn ghê tởm những gì trong quá khứ mình đã làm là khác.

Bóng của bốn người đã ngã dài theo bóng của chiếc đèn Néon trên chánh điện. Tiếng tụng kinh trầm hùng với bài thần chú Thủ Lăng Nghiêm, khi lên bổng lúc xuống trầm như cung đàn tuyệt mỹ. Tựa đề kinh Lăng Nghiêm mới nghe qua cũng thanh thoát nhẹ nhàng làm sao! Năm đệ thần chú cũng như mười bài chú khác

đã gieo vào lòng Ngọc biết bao sự giải thoát nhiệm mầu. Thần chú này cách nay mấy ngàn năm khi xưa đức Phật đã cứu ngài A Nan ra khỏi bàn tay của dâm nữ Ma Đăng Già. Giờ đây mọi người đang đọc tụng lại lời kinh xưa, như để cầu nguyện cho chính mình được thoát ra ngoài vòng tục lụy.

Sau thời khóa công phu khuya, chú Hạnh Tâm đến phòng Ngọc để tâm sự:

- Bây giờ chúng ta nên gọi nhau bằng huynh đệ cho dễ nghe anh Ngọc nhé! Anh tuổi đời lớn hơn Hạnh Tâm. Hạnh Tâm gọi anh bằng sư huynh, còn anh nên gọi Hạnh Tâm bằng tên hoặc tiểu đệ được chưa?

- Sư huynh biết không, Sư phụ vẫn thường hay nhắc về quá khứ lừng danh của sư huynh với những người giúp việc, trong đó có cả Hạnh Tâm nữa.

- Chắc Sư phụ kể những thói hư tật xấu của tôi cho mọi người nghe hết chứ gì?

- Sao sư huynh lại nghi ngờ Sư phụ dữ vậy?

Nếu người không làm được điều tốt cho ai, suốt đời Người cũng chẳng hại ai cả. Đối với người khác, Sư phụ còn đem tâm thương mến, giúp đỡ, hướng nữa sư huynh -một người đệ tử đầu đời mà Thầy xem huynh cũng gần như trong tình bằng hữu nữa.

- Thế Sư phụ đã kể những gì về tôi với mọi người mới được chứ? Hạnh Tâm có thể kể lại tôi nghe với!

- Sư phụ bảo rằng, sư huynh giỏi lắm đấy, hay siêng năng làm bất cứ một chuyện gì, nếu chùa hoặc Sư phụ cần đến. Ngày xưa khi còn là Cư sĩ, sư huynh cũng đã mang tâm như một tu sĩ thực hành đạo Bồ Tát phải không? Hễ ai muốn gì hoặc cần đến sư huynh, sư huynh cũng đều giúp cả.

- Điều đó đúng, nhưng tôi tự nghĩ: Giúp người cũng là giúp cho chính mình đây chú Hạnh Tâm à, và cứu người cũng chính là cứu mình vậy. Tôi xem đó như là một bổn phận không thể chối từ. Vì thế, tôi rất vui khi có cơ hội giúp được cho những người chung quanh.

- Nghe nói sư huynh là người chưa bao giờ biết giận ai có đúng sự thật? Ngay cả Sư phụ nữa?

- Nếu mình sai, Sư phụ la rầy phải nhận lỗi, chứ làm sao lại giận được. Có nhiều lúc Sư phụ muốn cho công việc chóng hoàn thành và mong ai cũng được như mình, nên Người hay rầy la hết mọi người chứ chẳng kể già trẻ, lớn bé, nhưng ai cũng chẳng cãi lại được nửa lời. Vì tánh của Sư phụ xưa nay vẫn vậy. Cái gì thì được, chứ thất hứa là bị ăn đòn to. Sư phụ trọng chữ tín, như trọng cả danh dự trong đời mình vậy. Có lần mới vô chùa, tôi cũng đã hứa suông một vài việc cho qua. Dĩ nhiên trước sau gì cũng làm xong, nhưng bị Sư phụ búa cho mấy búa, từ đó kinh tởn suốt đời. Đối với Sư phụ, như chú biết đó, hứa cái gì và bất cứ khi nào cũng được, nhưng vào ngày đó, giờ đó phải đúng y hệt, nếu thất hứa thì sẽ biết! Có thể bị ăn vài cú trên đầu hoặc quỳ một tuần nhang. Sư phụ không dữ, Người rất hiền từ, nhưng sờ dĩ khó tánh đều tại chúng mình gây ra phải không chú Hạnh Tâm?

Còn những người chung quanh Ngọc đây đâu có gì mà phải giận. Nếu họ nói điều phải thì mình nghe. Nếu trái, mình để việc đó ngoài tai, hơi đâu... Nếu họ có chọc tức, mình tự xem đó như là một thử thách, chứ chẳng có gì phải giận cả. Chú không nhớ những điều trong luận Bảo Vương Tam Muội à!

Thứ nhất: Nghĩ đến thân thể đừng cầu không bệnh, vì không bệnh khổ thì dục vọng sẽ sanh mà hãy lấy bệnh khổ để làm thuốc thân.

Thứ nhì: Ở đời đừng cầu không hoạn nạn, vì không hoạn nạn, thì kiêu sa dễ nổi dậy. Hãy lấy hoạn nạn làm sự giải thoát cho chính mình.

Thứ ba: Cứu xét tâm tánh đừng cầu không khúc mắc, vì không thác mắc thì trong sở học không thấu đáo mà hãy lấy khúc mắc làm thú vị.

Thứ tư: Xây dựng đạo hạnh đừng cầu không bị ma chướng, vì không bị ma chướng thì chí nguyện không kiên cường. Hãy lấy ma quân làm bạn đạo.

Thứ năm: Việc làm đừng mong dễ thành, vì việc dễ thành thì lòng dễ khinh thường kiêu ngạo. Hãy lấy sự khó khăn làm thích thú trong cuộc sống hằng ngày.

Thứ sáu: Giao tiếp đừng cầu lợi mình, vì lợi mình thì mất đạo nghĩa. Hãy lấy kẻ tệ bạc làm người giúp đỡ.

Thứ bảy: Với người đừng mong tất cả đều thuận theo ý mình, vì được thuận theo ý mình thì lòng tất kiêu căng. Nên lấy người chống đối làm nơi giao du.

Thứ tám: Thi ân thì đừng cầu đền đáp, vì cầu đền đáp là thi ân có ý mưu đồ. Hãy xin thi ân như đôi dép bỏ.

Thứ chín: Thấy lợi đừng nhúng tay vào, vì nhúng vào thì si mê phải động. Hãy lấy sự xả lợi làm vinh hoa.

Thứ mười: Oan ức không cần biện bạch, vì còn biện bạch là nhân ngã chưa xả. Hãy lấy oan ức làm cửa ngõ đạo hạnh.

Nên chấp nhận trở ngại thì được thông suốt mà mong cầu thông suốt sẽ bị trở ngại. Đức Thế Tôn thực hiện tuệ giác Bồ Đề ngay trong sự trở ngại, như bị Vương Quạt hành hung, Đề Bà

quấy phá mà Ngài đều đã giáo hóa cho thành đạo cả. Như vậy há không phải chính sự chống đối lại làm nhân thuận lợi và sự phá hoại chính là sự tác thành cho ta sao?

Ngày nay những người học đạo, trước hết không chịu dần thân vào trong mọi sự trở ngại, nên khi gặp trở ngại ập đến không thể ứng phó được mà đâm ra thối chí, nãn lòng. Chánh pháp chí thượng vì vậy mà mất hết. Thật đáng tiếc đáng hận biết ngần nào! Đó là luận Bảo Vương Tam Muội, chú đã đọc kỹ chưa?

- Thật là hay tuyệt diệu, nhưng không biết mình đã làm được những gì rồi?

- Theo tôi nghĩ, mình còn thân phàm mắt tục, nhưng biết cố gắng vẫn có thể được chú chú. Vì thế, tôi đã chẳng từ một sự khó khăn nào là vậy.

- Nhưng sư huynh có nghĩ rằng, nhiều lúc Bồ Tát chưa vững tâm, ma vương có thể đến làm nhiều hại không?

- Cái đó là lẽ đương nhiên rồi. Chú không nghe người ta thường hay nói: Phật cao nhưt xích, ma cao nhất trượng đó sao? Vì loài ma kia cũng có phép thần thông biến hóa vậy. Nếu người tu không vững tâm cũng có thể dễ làm thần thông của ma với của Phật vậy.

- Thế sư huynh đã bị làm lần nào chưa?

Ngọc như cảm thấy toàn thân rung động qua câu hỏi bất chợt của chú hạnh Tâm. Ngọc yên lặng một giây lâu, chẳng nói được lời nào. Đoạn bỏ chú Hạnh Tâm đứng đó một mình, chàng chạy vội về phòng và áp mặt xuống gối để nhớ lại chuyện năm xưa. Ngọc tự nhủ với chính mình:

Ừ nhỉ, ngày xưa mình cũng mang tâm địa Bồ Tát mong đi cứu độ quần sanh, nhưng cứu độ ai chưa thấy, đã thấy mình bị người ta cứu rồi. Nếu ngày đó mình không nhờ vào phép Phật, không nhờ sự chí thành sám hối, và không nhờ sự tận tụy khuyên răn của Sư phụ chắc mình đã không thoát được qua cơn đại mộng thập tử nhất sanh. Ngày xưa Nguyễn Trãi khuyên vua Lê Lợi như thế nào, ngày nay cũng có phần nào đúng với tâm trạng của mình lắm đấy chứ! Nguyễn Trãi nói rằng: “Dân cũng giống như nước, còn người chẵn dân cũng giống như kẻ lái thuyền. Chính nước đó chở thuyền đến nơi đến chốn bình an, và cũng chính nước sẽ lật thuyền đổ nát”. Ôi sức mạnh của nhân dân hay sức mạnh của người đối diện. Nếu đem câu ấy ứng dụng vào trong trường hợp của Đạo cũng chẳng sai gì. Phật và chúng sanh cũng thế. Bồ Tát và ma vương cũng vậy thôi. Nếu chiến thắng ma quân, Phật sẽ ngự trị trên muôn loài. Nếu người tu hành tâm buông lung quá độ, chính ma vương sẽ nhiều hại tâm Bồ Tát của mình. Ngọc ngược dòng tâm thức lui về trong quá khứ, chàng như thấy hình ảnh Thu vẫn còn hiển hiện đâu đây. Chàng nghe tiếng nói trong sáng của nàng như mới ngày nào đó. Trong tiềm thức chàng ngỡ rằng khuôn mặt nàng đã ngấn sâu đầy lệ. Đức Phật chẳng từng dạy rằng: “Nước mắt của chúng sanh nhiều hơn nước trong đại dương” đó sao? Vì con người chưa biết khổ, nên mới cầu đến giọt nước lành dương của mẹ hiền Quan Thế Âm Bồ Tát. Không biết bây giờ Thu đang làm gì và hai đứa con của nàng ra sao? Từ hình ảnh Thu, Ngọc hình dung ra hình ảnh của vợ chàng, với hai đứa con đại giờ đây đang phòng không gối chiếu.

Khung cảnh yên tịnh của ngôi chùa Đại Giác lúc ban mai làm cho tâm tư Ngọc càng chùng xuống mãi, khiến cho sự thốn thức tự tâm thức chàng càng dâng mãi lên cao ngút tận trời xanh! Chú Hạnh Tâm đã vô tình khơi lại đồng tro tàn trong dĩ vãng. Tro đã bay tứ tung vào không gian và tấp vào mặt mũi của chàng. Ngọc muốn vùi chôn những kỷ niệm vào trong dĩ vãng, nhưng không ngờ chú Hạnh Tâm lại khơi lên trở lại. Ngọc đoán chắc rằng, chú Hạnh Tâm không biết được quá khứ của mình và đây có lẽ chú

chỉ vô tình thế thôi. Lẽ đâu Su phụ lại kể cho chú nghe những điều về mình với sự thật như thế? Tuyệt nhiên là không hay đây chính là bà Diệu Huệ đã thủ thỉ với chú chuyện này trong mỗi bữa cơm trưa, chiều hoặc sáng? Câu trả lời cũng chưa biết quy về ai. Nhưng bây giờ Ngọc chỉ biết rằng chính mình đang giầy vò thốn thức.

Có những buổi chiều đi làm về trễ, chàng nói với vợ là làm thêm giờ hoặc đến nhà bạn, nhưng thật ra, chàng đã cặp bồ với Thu vào nơi các quán cà-phê hoặc dẫn ra ngoài đồng vắng để chuyện trò. Câu chuyện ban đầu sự thương hại giúp đỡ trong lối xã giao, nhưng dần dần lại biến ra một thứ tình gì, chính chàng cũng không biết được nữa. Người bị mất mát nhiều nhất có lẽ là chàng và vợ chàng hay những đứa con thơ của chàng lúc ấy. Ngọc như hồi hận. Tự nhiên nước mắt tuông trào ra đầy cả hai khóe mắt, ướt đẫm cả một chéo gối. Ngọc buông ra tiếng thở dài! Phải chi hồi đó mình thú thật với vợ có lẽ lương tâm đỡ cắn rứt hơn. Nhưng nói thật làm sao được, khi hai tay chàng đều nắm giữ và không muốn buông rời tay nào cả. Có lẽ cái tham lam đã làm chàng đau khổ. Chính nỗi đau khổ ấy đã là cái nhân cho nhiều nỗi khổ triền miên trong quá khứ.

Su phụ đột nhiên xuất hiện. Ngọc không thể chạy trốn nỗi đau để có thể che giấu được nét mặt thật thảm thương của mình. Ngọc đành đứng đấy xá Su phụ rồi tiu nghỉ tựa vào tường. Su phụ dạy ngồi, nhưng Ngọc vẫn còn đứng đó.

- Sao? Mấy hôm nay con cảm thấy như thế nào? Bộ còn luyện tiếc quá khứ lắm sao?

- Kính bạch Su phụ, quá khứ nào rồi cũng có nhiều trần ai tục lụy. Chính những thứ đó đã khuấy động tâm con không ít, nhưng con mong rằng thời gian sẽ là liều thuốc dưỡng sinh, cùng với sự trợ lực của Su phụ sẽ giúp con hồi tỉnh lại. Con ước mong sẽ thực

hiện được những gì con đã trình lên Sư phụ trong mấy tháng trước.

Sư phụ đưa mắt đăm chiêu nhìn ra phía cửa, rồi như dỗi mắt nhìn về một hướng trời xa thăm nào, đoạn xuống giọng tiếp:

- Chiều nay con hãy vào phương trượng của Thầy, Thầy có chút việc cần.

Gian phòng của Sư phụ nằm ngay phía sau phương trượng ở về hướng đông của chùa. Bên ngoài là một thư phòng, gồm những sách vở, kinh điển bằng nhiều thứ ngôn ngữ khác nhau được bày biện theo thứ tự trên các kệ sách. Một tôn tượng đức Phật A Di Đà đứng thẳng, một tay nâng Tứ Thánh và một tay rước Lục Phạm. Hình ảnh đoan nghiêm, tướng hảo quang minh vô lượng. Bên dưới, hình đức Phật Thích Ca bằng sơn mài trông rất mỹ thuật. Bốn bức tranh cần xa cừ: Mai, Lan, Cúc, Trúc rất xinh xắn treo đối diện với cửa ra vào trông rất hợp với nhãn quan của người ưa sự yên tĩnh. Bên trên tường còn có một bức đại tự gồm 4 chữ: “Ngã Phật Từ Bi”. Ngọc tự đọc được mấy chữ này, vì trong mấy tháng qua Sư phụ vẫn khuyên Ngọc học chữ Hán để đọc kinh, đọc sách. Chàng cảm thấy hân hoan, khi thấy việc học của mình có một chút kết quả. Chàng nhớ lại khi xưa, lúc còn học ở Đại Học, cái khó nào rồi chàng cũng có thể vượt qua để theo kịp hoặc mới có thể vượt qua chúng bạn. Chàng đã không cảm thấy ngán khi gặp phải chuyện học khó. Nếu chuyện vừa vừa thì luận bàn với chú Hạnh Tâm; còn như gặp phải việc nào khó quá phải trình thưa với Sư phụ để được giải quyết.

Bên trong là phòng làm việc, có kê một chiếc đơn, một bàn giấy và một tủ đứng khá cao để đựng y áo của Người. Phòng ấy ít có người vào được, chỉ trừ một vài đệ tử thân tín thôi. Ngọc và chú Hạnh Tâm là hai người thường hay ra vào phòng này, nhất là để hầu Sư phụ mỗi khi Sư phụ cần đến. Hôm nay không biết Sư phụ dạy vào đây để làm gì? Theo lẽ thường, sau thời kinh buổi tối

có gì Sư phụ đã dạy rồi. Ngọc rón rén bước vào phòng, chàng đưa tay gõ nhẹ lên cánh cửa để làm hiệu cho Sư phụ biết rằng mình đã đến. Bên trong có tiếng gọi và bảo cứ vào.

Ngọc chấp hai tay xá Sư phụ một cách thành kính, đoạn ngồi xuống trên tấm thảm có đủ hình long, lân, qui, phụng. Ngọc ngồi im chờ Sư phụ dạy bảo.

- Mấy lâu nay con đã học được những gì?

- Kính bạch Sư phụ, các kinh con đã thuộc khi còn là cư sĩ, như Sư phụ có biết. Lâu nay con chỉ ôn lại kinh Di Đà, Hồng Danh bảo sám và Thí thực cô hồn. Học thêm một ít chữ Hán và nhất là mấy quyển luật Thầy đã giao cho con, con đã học gần xong.

- Theo con, đối với đời sống tu hành cái gì khó nhất và cái gì dễ nhất?

Câu hỏi mới nghe thật đơn giản, nhưng câu trả lời là cả một vấn đề nan giải. Không biết Sư phụ có ý gì đây mà lại đem hỏi câu đó? Hay Sư phụ đã đọc được trọn tâm tư mình khi nhìn thấy nước mắt của người đệ tử ướt trũng cả một chéo gôi vừa rồi. Ngọc bâng khuâng chưa biết trả lời sao, rồi chàng lại còn nghe thêm một câu tiếp:

- Có lẽ con đang có chuyện buồn?

Chàng như trút được một gánh nặng trong tâm hồn. Ngọc chỉ trông Sư phụ hỏi đến câu đó để có thể kể hết nỗi lòng của mình cho Sư phụ nghe. Dầu sao đi nữa, Sư phụ cũng đã biết hết mọi chuyện rồi. Nhưng đây là một cơ hội để Ngọc giải bày và mong Sư phụ không còn nghi ngờ gì lòng dạ của chàng nữa. Chàng suy nghĩ vẩn vơ và bây giờ mới cảm nhận được lời nói của chú Hạnh Tâm xưa kia là đúng.

“Nè anh Ngọc, anh hãy vào đây tu với em cho có bạn, chứ Sư phụ thì cao xa; còn đức Phật cao thượng quá”. Cái khoảng không gian ấy rộng rãi làm sao và những lời chân thật phát ra từ đáy lòng ấy vẫn như còn đang ngự trị trong lòng chàng cho đến mãi tận bây giờ.

- Kính bạch Sư phụ, cái khó nhất đối với con lúc này là làm sao để tự chủ được mình, vì thế con luôn luôn phải thực hành chánh niệm. Con không sợ bên ngoài mà chỉ sợ nội tâm của con thôi. Và con tin rằng con sẽ chiến thắng được tất cả. Con thấy câu mà đức Phật dạy: “Chiến thắng muôn quân, không bằng tự thắng mình; tự thắng mình là chiến công oanh liệt nhất”, thật đúng với tâm trạng con lúc này. Ngày thường lo bay nhảy ngoài đời, con ít thấy được cái sâu thẳm của tâm hồn. Nhưng khi đêm thanh cảnh vắng, nhất là cái khung cảnh buổi ban mai thanh tịnh như thế này làm cho lòng con đôi khi lại thổn thức giãy vờ. Con không buồn về quá khứ, nhưng những dòng tư tưởng kia vẫn cứ len lỏi vào tâm tư và như đang còn ẩn hiện đâu đây. Con chỉ mong rằng thời gian sẽ là liều thuốc bổ có thể điều trị được vết thương lòng của con. Còn chuyện dễ nhất đối với người tu hành, con chưa thấy có gì cả. Và lại, khi thực hành được mọi điều khó, tức trở thành việc dễ chẳng?

- Thật sự hôm nay Thầy không muốn dạy con những điều đó và Thầy cũng không muốn khơi lại quá khứ của con làm gì. Thầy đoán chắc con đã thoát ra ngoài vòng tục lụy.

- Kính bạch Sư phụ, vậy Sư phụ muốn dạy bảo con gì. Mong Sư phụ chỉ giáo cho con?

- Ta muốn cho con hay là gần đây, các bậc tôn túc đã hội lại với nhau và quý Ngài xét thấy con đã đầy đủ phạm hạnh cũng như học vấn cả Đời lẫn Đạo, nên quý Ngài đã quyết định cho con thọ giới Sa Di nay mai tại ngôi chùa này. Con cũng nên nhớ rằng, việc thi hạch không có dễ dãi đâu. Con phải qua ba kỳ khảo hạch:

Kinh-Luật-Luận, như Hạnh Tâm lúc trước mới được. Nếu con qua được kỳ thi này, ta sẽ có phần thưởng xứng đáng cho con và nhất là con sẽ nhận được cái tên Pháp tự khởi đầu bằng chữ Hạnh. Còn Pháp danh con vẫn giữ nguyên như cũ; riêng cái tên Ngọc kia con nên trả nó về dĩ vãng của nó. Dĩ vãng đó có như thế nào, cho dù có tốt đẹp hay lưu nhiều kỷ niệm cũng cứ để cho nó nằm yên vào dĩ vãng. Con nên nghe lời Ta phải chuẩn bị sẵn sàng. Ngoài ra Thầy cũng cho con biết thêm rằng, dù chính Thầy có hỏi Kinh, Luật hay Luận đi chăng nữa, Thầy cũng không thể vị nể tình Thầy trò đâu nhé! Con hãy tự rán lo liệu mới được.

Ngày lại tháng qua, Ngọc đã học xong chương trình thi thố giới sắp đến. Trước đó, Sư phụ cũng đã dò lại tổng quát một lần, xem Ngọc đã biết được tới đâu. Sư phụ rất hài lòng và mỉm cười khi chàng rời khỏi phòng.

Mới ngày nào đó, một ông Kỹ sư vóc dáng đẹp trai, thông minh lanh lợi, rồi mái tóc xanh đã gởi vào nơi chùa Tổ. Để rồi hôm nay Ngọc thọ giới Sa Di và sắp trở thành người con chính thức của đức Phật. Và cũng mới ngày nào đây, hơn mười mấy năm về trước, lần đầu tiên gặp Ngọc trong một buổi nói chuyện tại một cư xá Đại Học. Ngọc là một trong ba người mà mình để ý tới. Rồi ngày tháng trôi qua, Ngọc quy y thọ giới và tánh tình thay đổi rất nhiều. Thật ra ban đầu, ta vốn không để ý đến Ngọc mà chỉ để ý đến một vài người khác. Nhưng không ngờ Ngọc hôm nay lại thay đổi nhanh chóng đến thế! Mới ngày nào là bạn, rồi nhận làm đệ tử và bây giờ Ngọc sẽ là người thay thế cho mình một vài công việc quan trọng trong tương lai. Ở đời ai biết được chữ “ngờ”, nó đến thật bất chợt. Chính Ngọc cũng không ngờ được phép Phật có thể làm thay đổi con người chàng nhiều đến thế!

Ngày thi sát hạch đã đến, Ngọc và các giới tử có mặt tại phòng thi. Qua phần khảo Kinh và Luật, Ngọc trả lời khá thông suốt. Khiến các Hòa Thượng chánh chủ khảo cũng rất lấy làm hài lòng; nhất là kinh Lăng Nghiêm, Ban tuyên giáo sư khảo xuôi, khảo

ngược, Ngọc cũng đều trả lời thông suốt, cho đến những giới luật thông thường, Ngọc cũng đã thuộc nằm lòng từ lâu, vì thế việc trả lời chẳng vấp vấp một câu nào cả.

Qua đến phần hỏi Luận, đây là chuyện khó tin nhưng có thật, Ngọc gặp chính Sư phụ ngồi bàn khảo vấn. Chàng chấp hai tay cúi chào Sư phụ và các bậc tôn túc có mặt trong phòng. Ngày thường, Ngọc và Sư phụ đối nhau trong tình nghĩa Thầy trò, cái gì không biết Sư phụ còn chỉ vẽ thêm. Bây giờ trước sự hiện diện của các bậc tôn sư hiền đức -oai nghi đáng kính- khiến Ngọc càng rụt rè hơn, mỗi khi đối đáp một câu gì.

Sư phụ bắt đầu hỏi:

- Tại sao con xuất gia? Và ý nghĩa của sự xuất gia như thế nào?

Ngọc như cháng váng cả mặt mày, không ngờ câu hỏi của mình với chú Hạnh Tâm đạo trước, bây giờ Sư phụ lại đặt ra cho chính mình. Câu trả lời, cả chú Hạnh Tâm lẫn mình cũng chưa được hoàn toàn đúng hẳn. Ngọc cúi đầu suy nghĩ, không biết có nên trả lời thật với lương tâm hay nên theo đúng như trong kinh điển. Nếu trả lời đúng theo giáo lý lại đối với lòng mình. Vì mục đích xuất gia của Ngọc ngày xưa không giống như bây giờ chàng đã thể nghiệm được. Đành rằng lúc đó, sự ra đi của Ngọc cũng mang đầy đủ ý nghĩa trong việc mưu cầu giải thoát cho chính mình và tha nhân, nhưng ngày ấy Ngọc nghĩ đơn giản chỉ có thế. Còn bây giờ... dĩ nhiên sau khi học hiểu giáo lý của đạo Phật, chàng cảm thấy hơi khác với lúc ban đầu. Ngọc quyết trả lời bằng hai ngã, nếu không được ngã này, có thể xoay qua ngã khác, và như thế cũng để cho tâm tư đỡ cần rút phần nào.

- Kính bạch Thầy, con muốn xuất gia, vì con nhận thấy rằng con người còn ở mãi trong cuộc đời với gia đình, với vợ con, rồi ngày hai buổi đi làm việc, đến cuối tuần lo cho gia đình con cái. Và cuối cùng cũng chẳng ích lợi gì cho người khác, ngoại trừ gia đình mình. Con dứt khoát đi tu, để được rảnh nợ trần ai, và ít ra

có thể làm được một cái gì hữu ích cho chính con cũng như cho những người chung quanh con nữa. Và lại, nhiều khi con vẫn thường nghe Sư phụ than rằng: Ở xứ này chẳng còn ai phát tín tâm xuất gia học đạo cả, trong khi đời sống vật chất quá đầy đủ hơn ở quê nhà. Con cương quyết đoạn tuyệt với ân ái, gia đình và dòng họ để khoác lên mình một mảnh áo nâu sòng hoại sắc. Biết đâu trong tương lai, con sẽ giúp được Sư phụ một vài việc hữu ích có lợi cho tha nhân.

Ý nghĩa của việc xuất gia là phải cầu ra khỏi ba cái nhà của ba cõi. Đó là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Vì tất cả ba cõi đều không yên cũng giống như nhà lửa đang bùng cháy. Đó là ra khỏi nhà của ba cõi là vậy. Sau nữa là ra khỏi nhà phiền não và cuối cùng phải ra khỏi nhà thế gian. Nhà thế tục con đã ra khỏi, và con mong rằng chẳng bao giờ bước trở lại vào nhà ấy nữa. Còn phiền não gia con vẫn gặp phải hằng ngày, và con đang cố gắng thực hành lời dạy trong luận Bảo Vương Tam Muội, để tự an ủi con được đôi phần.

Sư phụ tỏ vẻ hài lòng với câu trả lời của người đệ tử lắm. Kế tiếp theo sau còn nhiều câu hỏi khó khăn khác. Ngọc đều trả lời một cách thông suốt. Không những đối với Sư phụ mà ngay cả Hội đồng giám khảo của Tăng đoàn hôm đó, ai nấy cũng rất hài lòng. Kết quả của kỳ thi Sa Di, Ngọc đỗ đầu và phần thưởng danh dự của một thủ Sa Di cũng đã được trao cho chàng sau lễ thọ giới.

Sáng hôm ấy, sau thời công phu khuya chư tôn đức Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng đều vân tập đầy đủ tại nhà Tổ của chùa Đại Giác. Chư Tăng họp để cung thỉnh chức vụ trong đàn tràng truyền giới. Một vị đàn đầu Hòa Thượng, tác phong oai vệ, học lực uyên thâm đã được chư Tăng cung thỉnh vào chức vị này. Hai vị Yết Ma và Giáo Thọ A Xà Lê cũng đều là những vị học cao hiểu rộng và giới đức trang nghiêm. Ba vị trên được gọi là Tam Sư. Tượng trưng cho sự thanh tịnh của chư Tăng và các giới tử nương vào các giới sư này để được đắc giới. Bảy vị

tôn chứng sư toàn là những vị Thượng Tọa danh tiếng từ khắp nơi vân tập về. Hai vị dẫn thỉnh sư, hai vị tả hữu Giám Đàn cũng đã được Đại Tăng cung thỉnh.

Trên đàn truyền giới trang nghiêm thanh tịnh, Ngọc cúi đầu lắng tai nghe những gì vị Đàn Đầu Hòa Thượng dạy bảo, Thầy Giáo Thọ khuyên răn và vị Yết Ma A Xà Lê hứa khả, như là một bậc Thầy khả kính. Ngọc thỉnh thoảng ngược mắt nhìn lên Hòa Thượng Đàn Đầu, Hòa Thượng Yết Ma A Xà Lê và Hòa Thượng Giáo Thọ A Xà Lê đội lên ba mũo hiệp chuông và ba chiếc y vàng kim tuyến nhiều màu. Các vị tôn chứng sư, các vị dẫn thỉnh sư, các vị tả hữu Giám Đàn ngồi chứng minh hai bên đàn tràng. Thỉnh thoảng Ngọc nghe được quý vị này đáp “Thành”, trong khi Hòa Thượng Yết Ma hỏi. Đó là phép Yết Ma của chư Tăng, khi làm bất cứ một việc Phật sự quan trọng nào. Các giới tử quỳ mọp xuống dưới thêm để trả lời, trong sự tỏ lòng cung kính đối với các bậc tam sư thất chứng.

Sau khi truyền giới xong, ba hồi chuông trống Bát Nhã vang lên để cung nghinh chư vị giới sư trở về Tổ đường. Các giới tử xếp thành hai hàng ở hai bên lối vào chánh điện, trải dài ra phía nhà Tổ cũng như lúc ban đầu. Tất cả đều quỳ chấp tay ngay ngắn tỏ lòng cung kính tiễn đưa chư giới sư về liêu.

Ngọc bây giờ có pháp tự là Hạnh Đức. Chính Sư phụ đã đặt cho cái pháp tự hay như vậy. Ngày xưa, khi tâm chàng còn buông lung theo thế trần, Sư phụ muốn cho đệ tử trở về với Chơn Như của vạn pháp nên đã chọn pháp danh như thế. Ngày nay pháp tự Hạnh Đức, chắc Sư phụ cũng đã suy nghĩ kỹ lắm trước khi đặt cho chàng. Có lẽ bây giờ chàng phải lo chuyên về việc tu theo tịnh giới để được đức hạnh đoan nghiêm, như Sư phụ đã có ý hằng mong.

Hạnh Đức quỳ ở đó với chiếc y vàng hai mảnh ghép lại được đắp lên bên ngoài chiếc áo tràng màu lam mới rộng tay mà bà

Diệu Huệ đã tặng từ mấy tháng trước để chuẩn bị việc thọ giới. Hạnh Đức cảm thấy như mình đã làm xong được một bồn phận, và tự nghĩ rằng, có lẽ Sư phụ sẽ vui lòng, cũng như mẹ mình, người mà trước đây đã khóc nhiều nhất. Nhưng hôm nay bà dù có cảm động lúc đầu, rồi như hãnh diện có đứa con xứng đáng, tuy vậy nước mắt bà vẫn cứ lãnh nhẹ xuống hai gò má.

Trưa hôm đó, sau giờ Trai Tăng, Hạnh Đức đã được Hội đồng Giới sư trao cho phần thưởng Thủ Sa Di, người giỏi nhất trong chúng, của kỳ truyền giới này. Người hãnh diện nhất đương nhiên là Hạnh Đức, và sau đó có lẽ là Sư phụ, rồi đến Mẹ chàng.

Trong số người tham dự lễ Trai Tăng và lễ phát phần thưởng hôm ấy, có cả Ba Má của Hạnh Đức, Minh và Thiện và còn có đủ cả mặt Thu và hiền thê của chàng nữa. Hạnh Đức không dám đưa mắt nhìn lâu những người thân yêu ấy nữa, vì sợ thiên hạ dị nghị. Cũng như chính Hạnh Đức không muốn điều đó nữa và Hạnh Đức chỉ định ninh rằng mọi người thân cũng như kẻ sơ đều hài lòng với thành quả khích lệ vừa qua.

Chiều hôm đó chư Tăng và thiện tín đều lần lượt ra về trả lại sự tĩnh mịch cho ngôi chùa Đại Giác trở về vị trí cố hữu của nó. Chú Hạnh Tâm nói như để cho chính mình nghe.

- Thế là đã sang được một đoạn đường... Chử đường cuối cùng chú đã dài dài ra như có ý làm cho chú Hạnh Đức nghe. Không rõ đường gì đây. Qua được một đoạn đường tình; đường đời hay đường Đạo? Nhưng thôi, đường nào cũng vậy cả, mình chỉ biết phải bước qua và sẽ không bao giờ dừng bước. Đoạn chú lại gần bên Hạnh Đức để chuyện trò. Hạnh Đức thầm cảm ơn Hạnh Tâm đã giúp mình một câu hỏi và cũng chính là câu trả lời trước đây chính chàng đã đặt ra cho chú Hạnh Tâm, khi chàng đang còn là một ông Kỹ sư, cư sĩ. Hạnh Tâm vui nhiều, vì biết rằng trên con đường Đạo giờ đây đã có một người bạn đồng hành thực sự mang dòng họ Thích. -Thích Hạnh Đức-. Cái tên nghe

quen thuộc như mới ngày nào Sư phụ gọi mình là Thích Hạnh Tâm. Chuông chùa giờ đây có điểm vào khoảng nào của ngày đêm chẳng nữa, Hạnh Đức vẫn không còn cảm thấy buồn, vì đã có Hạnh Tâm bên cạnh, và nhất là chiếc y giải thoát là một thắng duyên giúp chàng thành công trên mọi lãnh vực.

Chiếc y giải thoát hay là mảnh áo nhục nhễn, Hạnh Đức chưa trả lời được bên nào, nhưng chàng biết rằng, với chiếc y đó sẽ là một hành trang cho đời tu sĩ của chàng trong lúc ra khơi chiến đấu với chính mình trong dòng đời giông bão này.

mẫu tử tình thâm

Sau khi cánh cửa tam quan chùa Đại Giác đóng chặt lại. Hạnh Đức thờ thần đi vào, trong tâm trí cứ miên man suy nghĩ về hình bóng của Mẹ -người đàn bà trạc tuổi 60- đã đến chùa dự trong suốt buổi lễ sáng nay. Bây giờ bà thờ thần ra về. Hạnh Đức dõi mắt theo hình bóng của bà ngã dài theo ánh sáng mặt trời chiều, tạo thành một vệt dài xuyên qua bờ giậu.

Trời hôm nay đã vào thu, lá ngoài đường rụng nhiều. Trên những cành cây ngọn cỏ lác đác vài chiếc lá vàng còn đọng lại đó đây. Hoa mẫu đơn, hoa thược dược cũng đã bắt đầu tàn úa và chỉ còn lại những nụ cúc đương kỳ nở rộ đủ màu sắc vàng, tím, xanh tạo nên một bức tranh tuyệt mỹ, khi gió thu sang nơi vườn hoa trước cổng chùa. Hạnh Đức vẫn còn tần ngần đứng đó nhìn lá thu rơi và trông theo dáng mẹ hiền đã khuất dạng để liên tưởng về trong quá khứ xa mờ...

Người mẹ nào mà chẳng thương con, dù con đã trưởng thành hay chưa nên gia thất hoặc gì đi nữa, con cũng vẫn là con của mẹ. Tình thương của mẹ đối với con dạt dào như biển Thái Bình. Nhiều lúc vì thương con, lo lắng cho con quá nhiều đến nỗi thân thể của mẹ phải mang tật bệnh cũng chẳng quản gì sự mệt nhọc. Mẹ thức khuya dậy sớm và lo buôn tảo bán tần để nuôi cho con ăn học thành tài, nhưng mẹ nào có kể công lao khó nhọc gì đâu. Thế mà đã có nhiều người xa cha mẹ lâu năm, khi gặp lại chẳng

chăm sóc lại còn tỏ ra hắt hủi đũa xua. Vì họ quan niệm rằng tuổi già chẳng giúp ích được gì cho xã hội. Ta cũng thường nghe ca dao Việt Nam có câu:

*“Cha mẹ nuôi con như biển hồ lai láng;
Con nuôi cha mẹ tính tháng tính ngày”.*

Đó là sự thật, vì xưa nay nước mắt bao giờ cũng chảy xuống, chứ có khi nào chảy ngược được đâu! Cha mẹ thương con, dĩ nhiên không phải chỉ có tình thương đơn thuần mà còn vì bổn phận nữa. Rồi cứ thế cái bổn phận cứ tiếp tục hết đời này đến đời khác. Nợ luân hồi vay trả chưa bao giờ dứt được. Có nhiều bà mẹ vì quá thương con đã vô tình tạo cho con hư hỏng, bằng cách nuông chiều quá đáng, nhưng mẹ nào có biết, vì tự nghĩ rằng đó là tình thương của hiền mẫu.

Hạnh Đức nhớ lại ngày nào đã từ bỏ gia đình xuất gia học đạo, mẹ cũng đã khóc thật nhiều, vì bà nghĩ là bà sẽ mất đi một người con yêu quý. Bà chỉ nghĩ đơn giản có thế. Bà không thể hình dung xa hơn được tới tương lai của con mình, sau khi xuất gia học đạo sẽ như thế nào, cũng như cuộc đời tu niệm sẽ ra sao. Bà chỉ nghĩ giờ đây giữa Đạo và Đời hai ngã cách chia, không biết đến bao giờ mẹ con mới gặp lại nhau. Vì quá thương con, bà không nghĩ được rằng, dầu cho Hạnh Đức hay bất cứ một người con nào có chung sống cùng nhau suốt đời đi chăng nữa, chắc gì đã lo cho cha mẹ trọn vẹn. Ở đời người ta đều nghĩ rằng đi tu là bất hiếu, nhưng người thế chưa chắc đã đền đáp được thâm ân cha mẹ vẹn toàn; nếu họ quan niệm chữ Hiếu một cách lệch lạc. Họ chỉ lo cho chính bản thân và con cái còn chưa đủ, còn thì giờ đâu để ý đến cha mẹ lúc về già yếu. Họ chỉ chú trọng đến hạnh phúc riêng tư của mình. Họ đâu biết được rằng đi tu đã không bất hiếu mà lại còn có hiếu nghĩa hơn đời nữa. Vì trong kinh Phật có dạy: “Nhứt như hành đạo cửu huyền thặng”. Một người đi tu làm việc đạo trong 9 đời cha mẹ và thân bằng quyến thuộc đều được siêu thặng. Và như vậy, người tu Phật há chẳng báo được hiếu là gì?

Hạnh Đức vẫn biết mẹ buồn khổ rất nhiều, nhưng tự nghĩ: rồi thời gian sẽ trả lời cho những gì bà đang suy nghĩ. Hạnh Đức sẽ cố gắng tinh tấn tu hành để cho chính mẹ và những người chung quanh hiểu thêm về chàng.

Trở lại liêu phòng, Hạnh Đức mang cả một mối ưu tư với nhiều tâm sự ngổn ngang. Đã biết rằng cuộc đời và lẽ đạo là như vậy, nhưng sao những sợi tơ vương cứ mãi vấn vít bên mình. Đang miên man suy nghĩ, chú Hạnh Tâm lại xuất hiện, làm cho sự suy nghĩ của Hạnh Đức phải bị gián đoạn.

- Sư phụ giao cho sư huynh quét dọn Quan Âm Các để ngày mai tiểu thư, con quan huyện vào lễ Phật, sư huynh đã làm xong chưa?

- Tôi chỉ biết vâng lời Sư phụ làm việc quét dọn cho sạch sẽ, chứ chẳng biết để làm gì cả. Và lại, tiểu thư nào đó có đi chùa là chuyện của tiểu thư, tại sao tôi phải quét dọn mới được chú? Việc đi chùa là việc của người tín đồ, còn việc lau chùi quét dọn Phật điện là việc của chú, của tôi. Mỗi người một trách nhiệm, đâu có ai thay thế được cho ai mà người ta lại nhiều chuyện lắm thế?

- Sư huynh không biết Tiểu Thư đài các ấy à? Con của quan huyện và chính ngôi chùa này, ông ta đã bỏ ra biết bao nhiêu tiền của để góp công xây dựng lên đó, sư huynh không biết sao?

- Ông ta làm được phước thì ông ta hưởng, đâu có liên hệ gì đến mình mà chú phải bận tâm nhiều đến thế? Chú không biết chuyện nhân quả à? Người ta gieo nhân nào thì hưởng quả nấy mà! Nếu ông ta chỉ biết tu phước mà không lo tu huệ cũng chưa đủ được đâu. Cúng dường xây chùa, tô tượng, đúc chuông, tuy có nhiều phước đức nhưng người cũng phải hiểu ý nghĩa của việc cúng dường mới quý hơn là bắt người khác phải biết đến việc công đức của mình làm. Hạnh Tâm không nhớ chuyện vua Lương

Võ Đế (Trung Hoa) với Ngài Bồ Đề Đạt Ma hỏi cuối thế kỷ thứ 6 đây à! Nếu vua Võ Đế chỉ vì phước lộc cho chính mình mà lo xây chùa, tiếp Tăng, độ Chúng thì việc ấy chẳng có ích lợi cho ai cả, nên Bồ Đề Đạt Ma đã bảo với vua rằng, làm như thế chẳng có phước đức gì cả. Vì làm phước mà còn kể công và mong được người khác đền đáp, phước đó là phước hữu lậu, chứ không phải phước vô lậu của Phật pháp. Do sự chưa hiểu thấu đáo việc làm phước này của vua Võ, nên Bồ Đề Đạt Ma đã bỏ đi về núi Thiếu Lâm là phải lắm!

Ngày nay đâu có ai đi chùa đi nữa, đối với tôi cũng chỉ có vậy thôi. Tất cả mọi người đều bình đẳng, không luận kẻ giàu người nghèo, kẻ sang người hèn đàu. Con người có đồng tâm nam bắc, còn Phật tánh của chúng sanh chỉ có một chứ không sai khác. Sư phụ đã bỏ cả gia đình, thân tộc vào chùa tu, đâu phải chỉ vì cái nhiệm vụ tầm thường ấy? Nhiệm vụ của người tu là phải lo hoằng hóa độ sanh để trên cầu sự giác ngộ giải thoát, dưới cứu giúp muôn loài, mới tròn được hạnh nguyện của người tu chứ. Nếu đi tu, vì nể kẻ giàu có, kẻ quyền thế, như vậy ở nhà vẫn hơn, chứ còn vào chùa làm gì? Hạnh Tâm không thấy ngay cả Sư phụ và chúng mình cũng đều là những người đảng hoàng có chút ăn học, chứ đâu phải phường giá áo túi cơm, muốn nương nhờ vào cửa Phật để cho người ta khinh bỉ và lên mặt dạy đời đâu? Không, tôi sẽ không làm vừa lòng ai cả, ngoại trừ sự giác ngộ của chính tôi và biết vâng theo những lời khuyên răn của Sư phụ mà thôi. Chú phải biết rằng, tất cả những thứ phù hoa mộng ảo ấy của thế gian chúng ta đã bỏ được, tại sao bây giờ ta lại phải bị lệ thuộc bởi một nhà quyền quý?

- Bộ sư huynh giận tiểu đệ rồi sao mà dạy bài học luân lý cho tiểu đệ dài lắm thế?

- Không phải đâu Hạnh Tâm ạ. Vì tôi không thể nào chịu được cái cung cách của một nhà trưởng giả đi chùa bắt phải có kẻ hầu người hạ đâu. Nếu muốn thế ở những nơi thanh lâu tửu điếm đều

có đủ người hầu, chứ còn vào chùa ai đâu có thì giờ lo cho nàng Tiểu Thu ấy chu đáo được. Tôi tin chú hay, là ngày mai tôi sẽ vắng mặt và chú tiếp khách thay tôi nhé!

- Không được đâu, vì Sư phụ đã cắt đặt cho sư huynh xong cả rồi mà! Tiểu đệ chỉ làm chuyện rót nước pha trà thôi, còn sư huynh tiếp Tiểu Thu, sau khi Tiểu Thu lễ Phật xong ở Quan Âm Các.

- Thế thì hỏng việc hết. Nếu người thường và ngày thường, chắc tôi không từ chối; còn đây chuyện mình không thích mà bắt cứ phải làm thì còn biết phải tính sao đây?

- Sư huynh không còn nhớ “oán tắng hội khổ” hay sao? Cũng tại sư huynh hay ghét người giàu có, quyền uy, nên những người này cứ gặp sư huynh hoài, có phải thế không?

- Chú nói thế cũng không đúng. Nếu người quyền quý mà biết tu hành đứng đắn, mình cũng phải nể phục họ lắm chứ. Miễn người ta đừng có đem cái giàu sang để uy hiếp thế gian là được rồi.

Hạnh Đức còn nhớ lại một chuyện ngày xưa, cũng vì chuyện giàu có và không giàu có mà suýt nữa làm sứt mẻ đến tình mẫu tử thiêng liêng của tôi rồi. Mẹ tôi muốn con học hành đỗ đạt, có bằng cấp cao, ra làm việc lớn và bà sẽ cưới vợ giàu có cho chàng Ngọc thuở xưa, chính là tôi đây. Muốn cho được môn đăng hộ đối, mẹ tôi phải cực khổ vì con, bà tìm đủ mọi cách để có thể cưới được người con gái ấy. Nhưng Ngọc cự tuyệt với bà, vì biết rằng như thế chẳng đúng được với nguyện vọng của tôi. Ngày xưa lúc còn đi học, tôi mong rằng có ngày sẽ giúp đỡ được cho kẻ khác, chứ Ngọc đâu có mong muốn làm giàu có. Nếu cần đổi sự giàu có, nhiều người, người ta dám hy sinh đến tánh mạng và danh dự của gia đình. Còn Ngọc lại không muốn như thế, nên đã có lần mẹ con cãi vã suốt cả mấy tuần. Nhưng được cái may là sau đó Ngọc

xuất ngoại du học, vì thế tình mẹ con còn giữ được nguyên vẹn chưa bị sứt mẻ phần nào.

Sáng hôm sau Tiểu Thư con quan huyện cùng với đoàn tùy tùng, cả năm mươi người đến chùa làm lễ dâng hương. Chánh điện ngôi chùa Đại Giác hôm nay như được trang hoàng long lẫy hơn mọi ngày thường. Bên ngoài có cờ xí, bên trong với bông tươi, trái tốt và hương đèn sáng rực cả một lối vào nơi Đại Điện. Nàng Tiểu Thư sau khi lễ Phật xong, cùng đoàn tùy tùng sang Quan Âm Các để đánh lễ Bồ Tát. Tiểu Thư cũng thành kính đánh lễ ba lần như lúc lễ trên chánh điện. Đoạn, nàng ngược mặt nhìn lên bên tường phía hữu có treo hai câu đối sơn son thếp vàng, với nét chữ rồng bay phượng múa, Tiểu Thư tỏ ý khen thâm và liền tìm người hỏi xem ai viết.

- Nay chú tiểu, chắc nét chữ này của Sư phụ trú trì nên trông có vẻ lão luyện tuyệt vời?

- A Di Đà Phật, không phải đâu thưa Tiểu Thư. Nét bút của Sư phụ còn tuyệt vời hơn nữa. Đó là nét chữ của sư huynh tôi đó.

Tiểu thư như cháng váng mặt mày ngẫm nghĩ... người đâu mà viết chữ đẹp như thế này, chắc là người cũng đẹp lắm! Nàng tự nhủ thâm như thế. Nàng định bụng thế nào cũng phải gặp cho được người nào viết chữ xem cho tỏ mặt mày ra sao. Nhưng giữa đoàn tùy tùng hộ giá đông đảo thế này nàng không thể để lộ tâm tư cho mọi người biết được thì rất nguy. Rồi lỡ thân phụ và thân mẫu biết được nữa lúc đó không hiểu ta phải phân tỏ cùng ai để cho gặp được người mong đó. Nàng thâm nghĩ: Được rồi, ta sẽ nhờ chú tiểu này đưa tin, họa chăng có thể gặp được người ấy.

Hạnh Đức vì không muốn gặp nàng Tiểu Thư nên hôm đó đã nằm dài nơi phương trượng. Chú chọn việc phải sám hối quỳ hương với Sư phụ hơn là xuất đầu lộ diện nơi mà mình không thích. Khi Hạnh Tâm chạy vào phòng tìm để báo tin là Tiểu Thư

muốn gặp, Hạnh Đức lại còn có ý muốn lẫn tránh nhiều hơn nữa. Một tay vát lên trán nghĩ chuyện thể trần. Sống ở đời hơn 30 năm, Hạnh Đức đã gặp không biết bao nhiêu chuyện đắng cay bùi ngọt. Giờ đây, nơi cửa Thiền yên tịnh, mình muốn yên thân mà cũng có được yên đầu. Kinh Pháp Hoa dạy chả sai chút nào: “ba cõi bất an, giống hệt nhà lửa”.

Tiểu Thư chờ mãi tin từ chú Hạnh Tâm, cũng chẳng thấy, nằng gỏi lại chùa một phong thư, rồi cùng với đoàn tùy tùng ra về. Phong thư nội dung như sau:

“Trong huyện đường của thân phụ tôi cũng muốn có một câu đối thật đẹp để treo hai bên bàn thờ từ đường nhà họ Nguyễn. Vậy kính mong sư huynh hãy nhận lời vào huyện đường giúp cho phụ thân của tiện nữ được toại lòng”.

Bức thư chỉ có thế. Ở dưới phần cuối ký tên là Tiểu Thư họ Nguyễn. Hạnh Đức cầm bức thư mà lòng buồn rười rượi, cũng chẳng biết vì nguyên nhân nào, và cảm thấy như có một cái gì không được ổn sẽ xảy đến nay mai. Chàng định bụng sẽ trình lên Sư phụ để nhờ người giải quyết, nhưng vẫn mãi chần chờ chưa biết phải tính sao, thì Hạnh Tâm chen vào.

- Sư huynh ơi! Tiểu Thư đẹp lắm!

- Đẹp cái nổi gì ở giữa chốn Thiền Môn này? Hạnh Đức ngắt ngang lời của Hạnh Tâm làm cho chú ấy không còn tiếp tục được những câu khác nữa. Hạnh Tâm định nói: Tiểu Thư trông thật đài các uy nghi, có kẻ hầu người hạ, giàu có sang trọng, nhưng thấy sư huynh của mình kém vui, bèn thay đổi chiến thuật:

- Hôm nay trong vườn chùa có một cánh hoa rơi. Hạnh Tâm nói gần từng tiếng một, như cố ý để Hạnh Đức phải nghe vậy.

- Dù mấy mươi cành hoa rơi mặc kệ, đâu có liên hệ gì đến chú mà phải bận lòng.

Tiểu Thư con quan huyện, kể từ lúc lễ Phật tại Quan Âm Các ra về, đâm ra biếng ăn mất ngủ, nhan sắc đã tiêu tụy khá nhiều. Cha mẹ nàng lo lắng đủ điều như chạy hết thầy lang này đến thầy lang khác để lo chăm sóc bệnh trạng cho nàng, nhưng bệnh không hề thuyên giảm chút nào. Các thầy lang đều đoán rằng: Tiểu Thư đi chùa bị trúng sương, trúng gió nên chỉ cảm xoàng thôi, cứ uống các loại thuốc cảm sẽ hết bệnh ngay. Thuốc càng uống nhiều vào chừng nào, thân thể nàng càng ốm o gầy mòn chừng ấy. Căn bệnh của nàng chỉ có một mình con tỳ nữ theo hầu thân cận hôm đi lễ Phật tại Quan Âm Các là biết rõ mà thôi. Nhưng nó lại không dám hé môi, vì biết đâu là sự thật, phải chăng Tiểu Thư vì tương tư nét chữ của người viết hay tương tư sư huynh nào đó trong chùa Đại Giác mà đã có lần tỳ nữ được Tiểu Thư bảo mang thư trao cho người ấy. Nhưng nào tỳ nữ có gặp sư huynh tại chùa, ngoại trừ chỉ chú Hạnh Tâm hôm ấy. Tỳ nữ tin chắc một điều là hôm nay Tiểu Thư có ý trông thư của sư huynh nào đó lắm! Chẳng biết nội dung thư hôm nọ Tiểu Thư đã viết những gì mà sáng nào Tiểu Thư cũng bảo mình phải xem kỹ hộp thư, thử có thư nào gửi đi từ chùa Đại Giác không. Người đau khổ nhất là nàng và sau đó đến mẹ nàng. Mẹ nàng thấy con tiêu tụy quá, bà rất thương hại dỗ dành nàng đủ điều, nhưng nàng chẳng hề hé môi. Do đó con bệnh mỗi lúc càng trở nên trầm trọng hơn. Bà mẹ nào cũng thương con mà nhất là đứa con gái cưng chiều của mình trong thời kỳ bệnh. Bà chợt nghĩ, phải hỏi thật con tỳ nữ họa may mới tìm ra được manh mối. Tỳ nữ tình thật thưa hết những gì mắt thấy tai nghe, bà mừng thầm rồi bảo chồng hãy vào ngay chùa Đại Giác để bạch lên Sư phụ việc này. Và mong Thầy giúp cho ý kiến. Ý của bà là muốn cho Tiểu Thư chóng lành bệnh, chỉ có mỗi một việc duy nhất là mời cho được sư huynh nào đó đã viết hai câu đối vào đây, là mọi chuyện đâu vào đó. Nhưng chồng bà không chịu đi và còn la rầy bà nữa:

- Nếu bà không khuyên được một người xuất gia học đạo, tìm sự giải thoát cho muôn loài, thì cũng đừng nên đem tâm trần tục mà quỵến dụ một người đã thoát việc hồng trần trở về với thế gian đầy khổ lụy này. Như thế tội phải nặng lắm! Bà cứ để mặc tôi lo liệu. Điều quan trọng nhất là đừng bao giờ động đến sự yên tĩnh của những người tu hành. Nếu con mình còn bệnh còn cần phải tìm thầy chạy thuốc, không nên làm liên lụy đến chốn Thiền Môn.

- Nhưng ông không biết rằng, thuốc đã chữa chạy đủ cả trăm phương ngàn cách rồi mà bệnh tình của con vẫn như thế kia! Trái lại, bệnh trạng còn có mùi nặng hơn nữa là khác.

Cũng chỉ vì thương con, quan huyện đã đích thân đến Đại Giác tự để trình mọi chuyện lên Sư phụ. Nhưng mấy hôm nay Hạnh Đức đã bỏ chùa đi vắng chứ không ở đây nữa. Quan huyện thất vọng trở về nhà báo tin ấy. Khi hay được việc này Tiểu Thư buồn nảo nên ngắt lịm đi hỏi nào chẳng ai hay biết.

Lẽ ra trước khi trốn khỏi chùa về nhà của cha mẹ, Hạnh Đức phải thưa bạch với Sư phụ mới phải, nhưng thấy tình cảnh quá rối ren, và ra đi không một lời từ giã.

Sư phụ đến phòng của Hạnh Đức chợt thấy trên bàn có để lại một lá thư, bên ngoài đề mấy chữ: Kính dâng Sư phụ. Sư phụ bóc thư xem, nội dung viết như sau:

Kính bạch Sư phụ,

Quả thật con có tội với Sư phụ, vì lúc ra đi con chẳng xin phép. Con nguyện xin sám hối. Con sẽ về lại chùa tu niệm như xưa dưới sự dìu dắt chỉ dẫn của Sư phụ. Con chỉ muốn tạm lánh mặt một thời gian để lòng trần của Tiểu Thư con quan huyện lắng dịu xuống rồi con sẽ về. Con không thể rời xa Sư phụ được và nhất là chú Hạnh Tâm, người bạn đạo đáng quý của con. Xin Sư phụ báo tin giùm chú hay việc này. Con vẫn thương quý mến chú

và con sẽ về chùa cùng chú tu học một ngày gần đây. Xin tạm biệt Sư phụ.

- À, thì ra là thế đó! Sư phụ thở dài một tiếng rồi buông thư ra, như không còn nuối tiếc lại một chuyện gì của thế gian khổ lụy nữa.

Trong khi ở tại nhà, mẹ của Hạnh Đức luôn bảo con là nên về chùa kéo Sư phụ trông và nhất là để chú Hạnh Tâm buồn tội nghiệp. Hạnh Đức không trình bày sự thật về chuyện này cho mẹ nghe, để biết đâu mẹ chẳng giúp được gì lại còn làm khổ tâm cho mình nữa là khác. Hạnh Đức tự nghĩ: Có lẽ đó cũng là cái nghiệp của mình còn phải trả thế thôi. Hiểu được Phật giáo cũng nên biết tới gặp duyên ai nấy hưởng, nghiệp ai nấy trả, chứ có ai trả thế cho ai được. Chính như anh em chú bác với đức Phật là Ngài Nan Đà, vì không lo việc tu hành, đức Phật còn quở phạt, huống gì là cha mẹ, anh em. Trong kiếp này hay nhiều kiếp khác, sở dĩ ta đâu thai vào gia đình nào do kết nghĩa đệ huynh hay làm cha, mẹ, con cái với là bởi kiếp trước chúng ta đã có duyên với nhau. Do cái nghiệp căn nên mới đi đâu thai trong cõi này. Ta kính trọng cha mẹ ta, vì đã có công sinh thành dưỡng dục, nhưng người đi tu, sau khi đã thọ giới Sa Di là trở thành người đệ tử chính thức của đức Phật. Ta không có quyền chỉ xem trọng cha mẹ và coi nhẹ tha nhân. Giờ đây, Ngọc nghĩ, gia đình, bằng hữu hay ngay cả huynh đệ người tu đều phải có bốn phận đồng đều như nhau, nhất là phải hướng dẫn gia đình mình tín tâm đối với Tam Bảo. Đó là nhiệm vụ của người con hiếu trong ý nghĩa độ đời của dòng họ Thích.

Sư phụ cảm thấy không yên lòng, đã đích thân tới dinh quan huyện khuyên răn Tiểu Thư và nói cho Tiểu Thư rõ chí nguyện của Hạnh Đức cho nàng biết, là dù xương tan thịt nát, Hạnh Đức quyết sẽ không trở lại với thế trần, vì đã phát lời nguyện với Tam Bảo khi thế phát xuất gia. Với tài diễn giảng và thuyết phục của Sư phụ đã làm cho Tiểu Thư có phần thuyên giảm được bệnh. Từ đó các thuốc bổ cứ uống vào, chẳng bao lâu nàng đã bình phục lại

như xưa và cảm thấy rằng lời khuyên của cha mình, cũng như của Sư cụ là đúng. Nàng tự nhủ: Nếu không khuyên được một người thoát tục trong việc tu hành, thì cũng đừng nên níu kéo một người đã khoác lên mình màu áo giải thoát. Nàng cứ nhắc đi nhắc lại nhiều lần câu ấy trong lúc ăn cơm, khi làm việc, lúc nghĩ suy và ngay cả lúc hàn huyên tâm sự với mẹ cha. Bệnh nàng dần dần khỏi hẳn, gia đình quan huyện như vừa thoát qua tai nạn, người vui nhất nhà phải nói là mẹ Tiểu Thư.

Khi biết tin chắc chắn là Tiểu Thư thực sự lành bệnh rồi, cũng như nhờ sự trợ lực bằng lời khuyên nhủ của Sư phụ và của chính cha nàng, Hạnh Đức trở lại chùa Đại Giác trong một chiều đông mưa gió. Mới đến cổng tam quan chùa, Ngọc liền thấy ngay Hạnh Tâm mang sẵn cây dù ra đứng đợi ở đó tự bao giờ. Hạnh Tâm mừng quá reo lên:

- Em biết thế nào hôm nay sư huynh cũng trở lại chùa, mặc dù trời mưa gió như thế này, em đem dù ra để đóng cửa tam quan và đón sư huynh vào chùa luôn thể. Hạnh Tâm lại còn trêu chọc:

- Ô kìa! Còn Tiểu Thư đâu không theo sư huynh vậy?

Hạnh Đức nheo mắt cười không trả lời và thâm nghĩ, Hạnh Tâm đã biết hết những gì đã xảy ra giữa mình và nàng Tiểu Thư con nhà họ Nguyễn, do sự chứng kiến và những lời Sư phụ rồi chẳng, nên Hạnh Đức không trả lời một câu nào cả. Hai người thông thả đi vào phương trượng vái chào Sư phụ.

Sau khi lễ Phật và sám hối với Sư phụ, Hạnh Đức và Hạnh Tâm dắt nhau về phòng để tâm sự:

- Thế chú có buồn không? Hồi chuông triều mộ chú vẫn tiếp tục gióng lên hàng ngày trong hai thời công phu sáng tối đấy chứ?

- Em vẫn làm như dạo nào, nhưng không có sư huynh em buồn lắm. Buồn hơn thuở xưa, lúc chưa có sư huynh kia. Cái buồn lúc đó khác với cái buồn sau khi có mặt sư huynh, rồi huynh lại bỏ chùa ra đi biệt tăm. Sư huynh đi mấy tháng nay, cây cối cũng đã buồn rũ rượi trông độ vào đông, chỉ còn trơ trọi những cành và gốc. Đây, sư huynh nhìn xem trên các thân cây có còn chiếc lá nào đâu! Huynh không còn nhớ cụ Nguyễn Du viết trong truyện Kiều à:

*“Người vui thì cảnh cũng vui,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”*

Việc đời đều như thế đấy, còn người tu theo đạo giải thoát phải có khác với người thế mới được chứ! Nếu bị duyên theo trần cảnh, có nghĩa là mình chưa làm chủ được chính mình. Hạnh Tâm được dịp trêu sư huynh một phen nữa.

- Sư huynh bảo là làm sao cho đừng nhiễm thế trần mới là bản phận của người tu, thế sao lâu nay huynh không chịu gồng mình ở lại đời để hóa giải thế trần mà chạy trốn thế trần làm gì vậy? Sư huynh hãy trả lời câu hỏi của tiểu đệ cho rõ ràng, dứt khoát mới được.

Hạnh Đức nín lặng một hồi, như không còn lời nào để giải bày với người tiểu đệ nữa, nên mỉm cười nói rằng: Tôi cũng chịu thua chú luôn. Quả thật chú là một... là một... Hạnh Đức ngập ngừng chẳng biết phải thêm vào chữ gì nữa cho phải lẽ, nên đành ngưng lại giữa câu nói ấy.

Hạnh Tâm lớn tiếng hỏi lại cho rõ. Có phải huynh vừa mới nói là một Tiểu Tăng hay là một, một cái gì đã chứ?

Hai người cùng cười xòa với nhau và dí miệng vào tai nói nhỏ điều gì rồi cả cười vui vẻ như xưa nay hai người đã từng như vậy.

trên đường học đạo

Sau khi thọ giới Sa Di được một năm, Hạnh Đức và Hạnh Tâm được Sư phụ cho phép đến tòng học tại một Phật học viện cách chùa Đại Giác chừng mấy mươi dặm. Đây là một Phật học viện đào tạo Tăng tài cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Lẽ ra Sư phụ chỉ cho một trong hai người đến học, vì chùa cũng đang cần một trong hai chú hoặc Hạnh Tâm hay Hạnh Đức ở lại giúp Sư phụ trong các công việc thường nhật. Nhưng sau những tháng ngày đắn đo, Sư phụ đã cho cả hai cùng theo học tại đó. Sư phụ nghĩ rằng, việc làm lúc nào cũng có thể thực hiện lại chẳng được, còn sự học hành không thể để cho trôi qua lứa tuổi thanh xuân. Hơn nữa, hai chú Hạnh Tâm và Hạnh Đức đã sống chung và quen biết nhau hơn cả năm nay rồi. Cho hai người đi cùng như vậy, để sách tấn cho nhau hơn trong việc học. Do đó, Sư phụ đã quyết định cho cả hai vào nội trú tại viện mà không hề giữ lại chú nào ở chùa.

Phật học viện tọa lạc trên một ngọn đồi hùng vĩ nằm xa trung tâm thành phố cả mấy chục cây số. Cảnh trí tại đây thật yên tĩnh, rất hợp cho việc học hành và tu niệm của những người muốn xa lánh chốn phồn hoa ồn ào náo nhiệt. Ở giữa là ngôi Đại Hùng Bửu Điện -nơi Tăng chúng làm lễ tụng kinh niệm Phật và tọa

Thiền- mỗi ngày hai thời công phu bái sám, ngoài giờ học của chư Tăng.

Khi còn ở chùa Đại Giác, hai chú Hạnh Tâm và Hạnh Đức mỗi ngày đều phải đi hai thời công phu sáng tối; còn ở đây, vì số Tăng chúng đông nên lại chia phiên ra, mỗi chúng tụng niệm một tuần. Chúng nào không tụng kinh phải lo phần trực nhật, giúp các Tịnh nhân dọn cơm, tưới nước cây cối vườn chùa v.v... Phía Đông của chánh điện là trai đường, nơi Tăng chúng thọ trai, và đồng thời cũng dùng làm phòng khách, phòng họp. Phía Tây là những phòng học và liêu phòng của Tăng chúng. Cứ mỗi hai chú được ở chung trong một phòng, và mỗi người có một cái giường (đơn) riêng.

Trước khi bái biệt Sư phụ lên đường học đạo, Sư phụ kêu hai chú vào phương trượng dặn bảo một số điều cần thiết, đoạn trao cho chú Hạnh Tâm hai phong thư và dặn rằng: Cái thư này con dâng lên cho Hòa Thượng giám đốc. Con nhớ bạch: Đây là thư của Thầy gửi; còn phong thư thứ hai đặc biệt dành cho con, con hãy dùng đến nó khi cần. Đoạn Sư phụ dạy sang chú Hạnh Đức bảo rằng:

- Con cũng sẽ được hai phong thư, nhưng một phong thư rất quan trọng, con chỉ được mở ra xem khi nào con không còn lối thoát, và phong thư khác là phần thưởng đặc biệt cho con, trong những ngày tu niệm dưới mái chùa này. Con có quyền xem bất cứ lúc nào.

Hạnh Tâm và Hạnh Đức sau khi tạ từ Sư phụ trở về phòng riêng để thu xếp hành trang lên đường cho kịp mùa khai giảng tới. Hai chú quyến luyến bên nhau, hình như cả hai người cùng không muốn rời xa ngôi chùa. Đoạn chú Hạnh Tâm bảo chú Hạnh Đức:

- Sao mà buồn quá, hồi chưa được phép đi học. Tiểu đệ muốn đi cho khỏi ngôi chùa này, cũng như mong cho chóng đến ngày

nhập học. Còn bây giờ, lòng lại chẳng muốn rời xa chùa một nửa bước. Quả thật khó nghĩ vô cùng.

- Đòi như Đạo đều như vậy cả chú ơi! Mình là con người chứ đâu phải Thánh Thiện nên chuyện buồn vui là lẽ thường. Nhưng chúng ta là những người tu cần phải mạnh dạn lên một chút mới có thể đoạn trừ phiền não chứ. Chúng ta phải tự chiến thắng với chính mình chứ chú Hạnh Tâm?

Hai người dọn dẹp những kinh sách, bút mực, đồ đạc áo quần, một bộ y hậu lễ Phật, cùng những đồ dùng cần thiết cho vào xách, và rồi chú Hạnh Tâm bảo với Hạnh Đức:

- Tại sao mình không mở thư xem thử Sư phụ có dặn điều gì không?

- Còn quá sớm, hãy đợi khi chúng ta qua tới Phật học viện rồi xem cũng đâu có muộn gì, chú Hạnh Đức nói.

Thế là hai người cất bước ra đi. Thỉnh thoảng hai chú còn ngoảnh mặt nhìn lui lại phía sau lưng, xa xa bóng ngôi chùa Đại Giác bị che khuất bởi mấy lùm cây. Ở đó giờ đây chỉ còn lại Sư phụ và một đạo hữu lớn tuổi khác, vừa mới đến chùa làm công quả thay thế hai chú việc hàng ngày và cũng để giúp bà Diệu Huệ một vài việc dưới nhà trù.

Chiếc xe không mang nặng hành lý của hai chú mà như mang cả hai khối tâm tư thâm kín của hai người đi vào một miền xa xôi để tới được Phật học viện. Đến nơi, hai chú được một vị Chứng trưởng cất đặt vào ở chung một phòng, do sự chỉ định của Hòa Thượng giám đốc. Có lẽ Hòa Thượng cũng hiểu được tâm trạng của hai chú nên cho ở chung như vậy để hai chú sách tấn cho nhau trong việc tu học. Hai chú có vẻ hài lòng lắm. Sau khi dâng thư của Sư phụ lên Hòa Thượng giám đốc, hai chú trở về liêu

dưới sự hướng dẫn của một vị Chứng trưởng để sắp đặt chỗ nghỉ ngơi.

Tối hôm đó có một buổi họp chúng bất thường để Hòa Thượng giám đốc giới thiệu hai chú với các sư huynh đã tòng học ở đây những năm tháng về trước. Có người biết Hạnh Đức, nên sau buổi giới thiệu xong, họ đã xầm xì với nhau:

- Không biết có phải anh chàng ở chùa Đại Giác mà có lần Tiểu Thư đã mê mẩn và tương tư đó chăng?

- Thì đúng rồi. Trông anh ta vẫn còn có vẻ thư sinh đấy chứ! Với dáng bộ như thế làm sao người ta không mê mệt được chứ. Một người khác chen vào.

Hạnh Tâm và Hạnh Đức được Ban giám đốc cũng như đại chúng đón nhận một cách niềm nở, ân cần, chứ không như lúc mới đến ban sáng. Một phần có lẽ Sư phụ đã giới thiệu về chi tiết của cả hai cho Hòa Thượng giám đốc biết. Mặt khác, có lẽ hai người dân quen cái không khí ở đây nên cảm thấy được ấm lòng hơn.

Lần đầu tiên với ngôi chùa lạ, chú Hạnh Tâm cảm thấy lòng nao nao không sao ngủ được, bèn mở thư của Sư phụ ra xem. Trong thư có đoạn:

„Hạnh Tâm con, bấy lâu nay Thầy trò đã sống với nhau trong hơn ba năm rồi. Thầy thấy con có ý cầu Phật đạo, Thầy không nỡ để con phải chôn chặt cuộc đời trẻ trung nơi núi đồi cô quạnh này mà con cần phải học để tự trang bị cho mình một đời sống tinh thần, trong đó chất liệu Phật giáo đối với người Tăng sĩ là cần thiết. Thầy đã hoan hỷ cho con đi học. Mọi chuyện đã có Hòa Thượng giám đốc chăm sóc thay cho Thầy. Nếu con không biết gì hay có điểm nào còn chưa rõ thì nên hỏi Người để được chỉ vẽ. A! Còn một điều quan trọng là con hãy giúp Hạnh Đức một vài khi,

nếu Hạnh Đức cần đến con. Mặc dù Hạnh Đức tuổi đời lớn hơn con, nhưng tâm tánh dầu sao đi nữa cũng bị nhiễm mùi thê trong mấy mươi năm rồi, nhiều khi có thể dễ bị dễ dãi với chính mình lắm. Thầy chỉ có bấy nhiêu lời và mong con cố gắng học hành để làm rạng danh cho Sư phụ, cũng như ngôi chùa Đại Giác“.

Gấp thư lại, Hạnh Tâm bỏ vào cặp rồi nằm vắt tay lên trán suy nghĩ miên man... Còn Hạnh Đức có lẽ cũng chẳng ngủ được, nên thỉnh thoảng vẫn nghe tiếng động cửa mình từ phía đối diện vọng lại.

Căn phòng với hai cái giường đơn, một chiếc tủ và hai cái bàn học. Gia tài của người Tăng Sinh mới nhập học chỉ có thế. Người tu đã từ bỏ hết tất cả những gì cao quý ở đời, giờ đây dán thân vào nơi chốn núi đồi hiu quạnh này hẳn cũng tự do lắm chứ! Nhưng không rõ trong tâm của họ, những người tu hành nơi đây có thật sự cởi bỏ được như những gì họ hằng mong hay họ cũng chỉ là những phàm nhân học theo hạnh Thánh?

Sáng hôm sau Hạnh Tâm và Hạnh Đức ra ngoài vườn chùa gánh nước tưới rau cải. Phật học viện áp dụng theo đời sống của Tổ Bách Trượng là „nhứt nhựt bất tác, nhứt nhựt bất thực“. Một ngày không làm việc, một ngày không ăn. Thỉnh thoảng mới có một vài tin đồ đến chùa lễ bái và cúng dường, vì thế việc chi tiêu của Phật học viện rất có giới hạn. Ngoài giờ học, công phu bái sám, Tăng chúng còn phải lo tự lực cánh sinh nữa. Đó đây rau cải xanh tươi như màu xanh của những tâm hồn đã thoát ra ngoài vòng tục lụy.

Hai người nhìn nhau chẳng nói, nhưng họ rất hiểu nhau. Hạnh Tâm mỉm cười hỏi Hạnh Đức:

- Sư huynh có còn nhớ buổi tưới cây của Tiểu Đệ và sư huynh nơi vườn chùa Đại Giác, khi sư huynh còn là cư sĩ không?

- Nhớ lắm chứ! Nhưng nhớ lại những kỷ niệm xưa để làm gì nhỉ?

- Để khơi dậy một quá khứ đẹp và cũng chính nhờ đó mà sư huynh hôm nay mới đối diện với vườn cây cải này đây chứ!

- Sư huynh xem thư Sư phụ chưa? Người đã căn dặn những gì?

- Bí mật Thiên môn làm sao Tiểu Đệ biết được. Còn Tiểu Đệ thì sao; Sư phụ đã viết những gì?

- Đệ cũng vậy, không thể cho sư huynh biết được đâu? Lỡ bị “bật mí” thì sao?

Hai người nói cười vui vẻ và tưới nước vườn rau xong từ lúc nào cũng chẳng hay biết.

Mấy ngày sau được nghỉ ngơi. Đến ngày thứ tư hai chú phải trải qua một kỳ thi giáo lý căn bản để được xếp lớp. Về khả năng Phật pháp, giới luật và kinh kệ, cả Hạnh Tâm và Hạnh Đức đều ngang nhau. Hai người đã trúng cách và cùng học một lớp. Một tuần lễ sau, Tăng sinh bắt đầu nhập học. Môn học đầu tiên trong niên khóa năm thứ nhất là kinh Tứ Thập Nhị Chương và kinh Bát Đại Nhân Giác. Khi học đến chương thứ bảy của kinh, tới đoạn đức Phật dạy rằng: Kẻ ác nghe đến ta tu đạo làm những việc nhân từ, cố đến mắng ta, ta hỏi họ: Người đem lễ vật biếu cho người, người ta không nhận, lễ vật ấy về ai? Kẻ ác tâm kia đáp: Lễ vật đó thuộc về tôi vậy. Phật lại bảo: Cũng như thế, nay Người đến mắng ta, ta không nghe, lời mắng ấy thuộc về Người và chính Người tự nhận lấy tội lỗi. Nhân nào quả nấy, như vang theo tiếng, như bóng theo hình, không thể nào tránh được. Vậy đừng nên làm điều ác.

Cả Hạnh Tâm lẫn Hạnh Đức đều say mê học kinh 42 chương, vì văn kinh chải chuốt một phần mà ý kinh lại là phần căn bản của người xuất gia, làm nhân giải thoát để chứng quả Bồ Đề. Mỗi lời

dạy của đức Phật là một bài học ngàn vàng vô cùng quý báu, như trong đời của họ chưa bao giờ học được những điều hữu ích ấy.

Chương thứ tám, đức Phật dạy: Kẻ ác hại người hiền, cũng như ngựa mặt lên trời phun nước miếng, nước miếng chẳng tới được trời mà lại rơi xuống mặt mình, và cũng chẳng khác nào tung bụi ngược gió, bụi không tới người, trái lại trở rơi tạt vào chính người tung. Hạnh Tâm và Hạnh Đức thuộc nằm lòng những bài kinh lý thú ấy. Vì nhân nào quả nấy là như thế. Phạm người làm việc ác sẽ không bao giờ hưởng được quả lành, và ngược lại. Thế mà việc ác lại dễ làm hơn. Trái lại việc thiện rất có lợi cho cả thân tâm ta mà lại khó thực hành vô kể. Biết được nhân thế nào quả thế ấy, hai chú tỏ ra rất siêng năng tinh tấn học hành để khỏi phụ lòng Sư phụ.

Càng học kinh Tứ Thập Nhị Chương chừng nào, hai chú càng cảm thấy thích thú và tinh tấn hơn chừng ấy. Dĩ nhiên, ngoài những giờ học kinh ra, hai chú và đại chúng còn học luật, luận và Hán văn nữa. Các môn khác tuy có thích thú đấy, nhưng nhiều thầy giảng khó quá hoặc lối dạy không được linh động khiến dễ buồn ngủ và kết quả cũng chẳng thâm thập được bao nhiêu. Chữ Hán đã học trong luật hoặc trong kinh cũng tạm đủ dùng. Hơn nữa trước khi thọ giới Sa Di, Sư phụ cũng đã dạy cho cả hai những kiến thức căn bản về Phật học và Hán văn rồi. Vì thế những môn này đối với hai chú không lấy gì làm khó mấy. Những ngày sau đó các Tăng sinh của viện tiếp tục học các chương khác, nhất là đức Phật dạy rành về sự trì giới, nhẫn nhục và Thiên định đã là những đề tài suy niệm cho Hạnh Đức nghĩ về cái quá khứ xa của mình.

Phật dạy: Người ta thường cho rằng bị nhốt giam trong nhà lao là khổ, nhưng sự khổ ấy chưa bằng nỗi khổ bị ràng buộc bởi gia đình, vợ, chồng, con cái. Vì người ở trong tù, còn có thể có ngày mong ra khỏi được; còn ngược lại, người có gia đình, lúc nào cũng lo nghĩ việc nhà cửa, làm ăn... nên rất khó. Do sắc sinh tình,

do tình sinh ân ái. Dù cho có gặp phải tai nạn kề bên miệng hồ cũng cam tâm nhận chịu. Người xuống bùn phải lấm chân nên mới gọi là phạm tục. Trái lại, người nào vượt ngoài vòng ái dục gọi là bậc La Hán xuất trần.

Người ta thường bảo là không có thì giờ làm việc phước đức như đi chùa lễ Phật, tụng kinh. Nhưng người ta đâu biết rằng họ dành nhiều thì giờ vào việc phấn son, chải chuốt hoặc la cà nơi rạp hát, rạp xi nê... Những thứ làm tốn thì giờ này chẳng ai bao giờ than thở cả. Người tu muốn rảnh nợ thế trần, cạo bỏ râu tóc cũng chỉ vì cầu đạo Vô thượng chánh giác. Hạnh Đức nhìn lại gia đình như chợt nhớ ra ngày nào...

*“con cá trong lò đỏ hoe con mắt;
con cá ngoài lò núc ngoắt nhảy vô”*

Đời là thế! Con người hễ cứ ở núi này đứng trông núi nọ và tưởng rằng đẹp lắm! Nhưng khi đặt chân đến núi kia rồi, mới thấy không giống như điều mình mơ ước nữa nên sanh ra thối thác, chán đời. Ai đã bị cuộc đời cuốn trôi đi rồi mới thấy phần còn lại là đáng quý. Hạnh Đức tự thấy mình đã chọn đúng đường tiến bước. Hôm nay học được lời Phật dạy trong chương nói về cảnh vợ con, gia đình, như tự cảm thấy lòng được phấn khởi hơn lên. Vì tự hãnh diện là đã làm được một việc mà trong thế gian ít ai làm được. Trước đây Hạnh Đức cũng bị nhốt trong một nhà tù không lối thoát. Chuyện ái ân ràng buộc, đôi khi cũng làm cho mình chơi với. Nếu không nhờ giáo pháp nhiệm màu, chàng Ngọc của thuở xưa đâu có dễ trở thành chú Sa Di Hạnh Đức ngày nay. Ôi! Đức Thế Tôn, đáng đại từ bi của nhân loại. Ngài dùng Phật nhãn soi tỏ tất cả bệnh khổ của chúng sanh. Còn loài người chúng con thì dùng con mắt thịt làm sao thấy được thông suốt.

Rồi cũng trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, chương thứ 29 đức Phật dạy “Các Ngươi hãy cẩn thận chớ nhìn ngắm nữ sắc và cũng đừng có gần gũi nói chuyện, tiếp xúc. Nếu cùng chung nói chuyện

phải chính tâm nhớ nghĩ: Ta là bậc Sa Môn, đang sống trong cõi đời vẩn đục, như hoa sen trong bùn mà không bị nhiễm bởi chất hôi tanh của mùi bùn. Phải tưởng người già như mẹ, người lớn hơn như chị, người nhỏ tuổi hơn như em ruột, còn người nhỏ nữa như con. Khởi tâm ngay chính cứu độ họ được giải thoát để dập tắt những ý nghĩ xằng bậy“.

Nhân học tới chương này, Hạnh Đức liên tưởng ngay Ngài A Nan, đệ tử của đức Phật, đã bị dâm nữ Ma Đăng Già quấy phá. Cuối cùng Ngài đã nhờ thần lực của đức Phật dùng thần chú Thủ Lăng Nghiêm mới cứu được ra khỏi mê đồ trận. Còn Ngọc cũng đã có lần bị nàng Tiểu Thư họ Nguyễn làm nhiều hại trăm bề. Nếu không nhờ Sư phụ giúp đỡ, cũng như mình không vững tâm lúc đó, có lẽ lại bị rơi vào đường trần một lần nữa. Nhờ vào lòng tin tưởng nơi đức Phật một cách tuyệt đối, mình đã chẳng bị sa ngã. Nhưng việc đời cũng chưa biết chừng đâu. Có thể mình còn phải cố gắng nhiều hơn nữa để mong được như cánh hoa sen tinh khiết, tượng trưng cho những tâm hồn thoát tục.

Sen tuy mọc trong bùn nhơ, nhưng chẳng bị mùi bùn làm vẩn đục sắc hoa. Sau khi vươn lên khỏi mặt nước, hoa khoe sắc thắm tươi và tỏa ra những hương thơm ngào ngạt. Cũng ví như chúng ta đang sống với trần tâm tục lụy ở cõi ta bà ô trược này, nhưng nếu biết tu hành theo lời Phật dạy, có ngày cũng sẽ như hoa thoát tục kia. Đặc tính thứ hai của hoa sen là trong khi nở gương sen bên trong đã có hạt. Đây đủ cho nhân và quả đồng thời. Hầu như trong các loại hoa, chỉ có hoa sen vừa trở bông vừa ra trái, cũng thể hiện được lý nhân quả trong Phật Giáo một cách nhiệm màu như thế. Đặc tính thứ ba là hoa sen dù lìa cành vẫn nở được và đây chính là tượng trưng cho sự độc nhất vô nhị vậy. Giữa lá và hoa sen cách biệt nhau không chung cánh. Lá sen không như lá của những loại hoa tầm thường khác. Đặc tính thứ tư là hoa sen không bị một loài ong bướm đến lấy mật như những hoa hồng, hoa cúc khác. Và đặc tính cuối cùng của hoa sen là thứ hoa quý hầu như chỉ dùng cúng Phật. Ở đó hoa sen đã có đầy đủ ý nghĩa

của nó, nên trong Phật Giáo chọn hoa sen làm biểu tượng cho đạo pháp đối với cuộc đời.

Hạnh Đức tự nghĩ lại. Vâng, chính như thế. Khi đồ đạc bị dơ người ta có thể lấy nước sông để giặt cho sạch. Nhưng khi tâm hồn con người bị vẩn đục phải lấy gì gội rửa, nếu không nhờ vào phép Phật? Khi học đến chương nói về đoạn dục, đã có vị Tỷ Kheo muốn đoạn âm, không muốn đoạn tâm, đức Phật quả trách làm vậy có ích lợi gì, khi tâm chưa dứt trừ dục nhiễm? Tăng sinh trong cả lớp như có thì giờ suy nghĩ nhiều hơn về chương này, và nói cười, bàn thảo với nhau để suy diễn qua những thế hệ đàn anh của mấy trăm năm hay mấy ngàn năm về trước đã có người muốn đoạn dục bằng cách ấy. Sau này hay chính ngay trong hiện tại biết đâu cũng có người giải quyết vấn đề không diệt tận gốc rễ như thế. Mục đích của việc làm kia để cầu chúng được đạo vô thượng chính chân, để khỏi bị khuấy động bởi lửa dục tình trong lúc tu hành, nhưng nếu trong tâm còn dấy động thì việc đoạn âm đâu có ích gì, chi bằng phải chính tâm không để giao động trước sắc dục, dù cận kề nữ sắc. Câu “dâm phòng tử diêm, vô vi thanh tịnh đạo tràng” có thể đem áp dụng vào trường hợp này. Nếu người đã tu hành đoạn chánh rồi, dù cho trong phòng dâm hay ngoài quán rượu, đối với họ vẫn là chốn đạo tràng thanh tịnh không gì chướng ngại cả. Đó là hạnh nguyện của các vị Bồ Tát, còn chúng sanh thì sao? Đối với Hạnh Đức, đã có gia đình rồi mới đi tu, cũng biết được đắng cay của tục lụy rồi, nhưng có nhiều lúc thấy tâm tư vẫn bị giao động bởi tình trần. Nhất là những buổi hoàng hôn buông xuống, tiếng chuông chùa nhẹ rơi từng tiếng là lúc khiến tâm tư này se thắt lại, nhớ nghĩ về người vợ hiền, con thơ hoặc những người đàn bà đẹp, khi ta còn là một kỹ sư trẻ khỏe ngày nào!

Nhiều lúc việc ái ân cũng nổi dậy rào rạt trong lòng, nhưng Hạnh Đức đã biết tự chủ lấy mình, rồi bao nhiêu sự ham muốn ấy lắng đọng xuống. Vẫn biết ái nhiễm chỉ nằm chờ có cơ hội sẽ bộc phát, nhưng ta cứ cố gắng chiến thắng với giấc được phút giây

nào hay phút giây ấy. Phải cố gắng đánh cho đến trận giặc phiền não nội tâm cuối cùng, lúc ấy Bồ Đề diệu dụng sẽ hiện bày.

Ái ân do tư tưởng thèm khát mới đòi hỏi, một khi con người không kèm chế được tư tưởng nên ái dục phát sanh. Điều đó đức Phật cũng đã dạy rất rõ ràng cho hàng đệ tử xuất gia, cũng như tại gia của Ngài. Sở dĩ có thương yêu vì có vô minh xúi giục. Vô minh là tên giặc gốc của tội lỗi mà niệm ái dục là cội cành và hoa lá. Nếu vô minh phiền não và các tư tưởng tệ hại không phát sinh, làm sao lòng yêu thương vị kỷ nổi dậy cho được. Hạnh Đức đã hiểu được như thế nên việc làm chủ chính mình cũng không khó lắm.

Chính đức Phật còn nghĩ ghê tởm đến ái dục và luôn luôn lưu tâm đến các Thầy Tỷ Kheo việc này. Như trong chương 24 Ngài dạy: Cũng may sắc dục chỉ có một mà đã làm điều đúng bao nhiêu người đến thế, nếu có hai thì phải biết trong cõi đời này không còn ai gọi là cõi Ta Bà nữa mà phải dùng tới một danh từ nào sắc cạnh hơn, đầy đọa cám dỗ hơn mới được.

Biết bao giờ mới gọi là đủ đối với người không biết đủ. Có lẽ đến khi gần hấp hối con người vẫn còn ham muốn. Hạnh Đức nhớ lại ngày nào đó, khi còn là một cư sĩ mặc áo của người bạch y, nhưng tâm chàng cũng đã là tu sĩ, rời xa khỏi ái ân, không tìm kiếm ngay cả người bạn đời của mình nữa lúc đã quyết chí đi tu. Ngày nay, Tăng chúng cũng có người ham tu hạnh giải thoát, nhưng cũng có lắm người bị trần duyên nghịch cảnh làm lui sụt ý chí như chơi với giữa đường, Hạnh Đức nghĩ tới đó đâm lo, nhưng tự trấn an, cũng đành chứ biết sao hơn bây giờ. Vì cuộc đời của mỗi người chẳng qua đều do nghiệp lực cả. Họ không tu được cũng chẳng có sao, miễn là đừng tiêu phí thì giờ ở chùa với tâm trạng nửa hư nửa thực để làm ô uế cửa Thiên là đủ rồi. Thiên môn là nơi có thể gột rửa những tâm hồn tục lụy, không phải nơi trường dưỡng chứa chấp những kẻ giả trang Thiên tướng bên ngoài. Nếu người nào ăn ớt biết cay, ngậm chanh biết chua, nhắm

giảm biết đáng... cũng dễ thông cảm với đời hơn là những kẻ xưa nay chưa có dịp tiếp xúc với cuộc sống thực tế hàng ngày. Tuy nhiên có những bậc đồng chơn xuất gia có phần khác hơn với kẻ bán thế mới nhập đạo.

Giờ đây Hạnh Đức tỏ ra cảm phục những người tu hành vẫn còn khoác lên mình màu áo giải thoát. Nếu ai đó thấy dễ thực hành thử vào đời sống Tăng viện một ngày cho biết! Nó khó khăn và đòi hỏi ở sự phấn đấu nhiều lắm, chứ không như có nhiều người lầm tưởng đâu. Có người bảo, đi tu là trốn đời, trốn nợ xã hội... Nhưng người tu phải trực diện với thực tế của cuộc đời, chứ có thể nào trốn đi đâu cho thoát được.

Thời gian học kinh Tứ Thập Nhị Chương đã mãn qua sáu tháng liên tục. Có thể nói Tăng sinh rất thích thú môn học và cũng nhờ đó việc tu hành càng thêm tấn tới rất nhiều. Một hôm trong phòng vắng Hạnh Đức nói với Hạnh Tâm:

- Lâu nay đệ hay hỏi về tôi rất nhiều, hầu như chuyện gì của tôi Tiểu Đệ cũng đều biết hết. Duy có hành tung của đệ, huynh này cũng đành mù tịt luôn. Vậy hôm nay đệ có thể nào tâm sự với huynh cho vui nhé !

- Tưởng huynh cũng đâu cần biết việc riêng tư của Đệ làm gì, khi sư huynh còn nhiều điều khác muốn biết hơn.

- Thì biết để biết vậy thôi. Và biết đâu cũng dễ thông cảm với nhau hơn, vì bên cạnh chúng mình đã có người giải bày tâm sự. Nhưng thôi, do lời yêu cầu của sư huynh Tiểu Đệ cũng vì tình pháp hữu cũng giới thiệu sơ qua đời mình để huynh nghe qua rồi bỏ và chớ có tiết lộ cho ai nữa đấy nhé!

- Đệ chính ra là một đứa con rơi. Thân phận hẩm hiu lắm. Đệ chẳng biết ai là cha và cũng chưa bao giờ được gọi tên mẹ một lần nào. Lúc lớn lên mới biết rằng mình đang ở với người chú ruột.

Đệ có được niềm vui và cũng là niềm an ủi lớn là bà thím hay đi chùa lễ Phật. Đó là cơ hội cho Tiểu Đệ đi theo giúp đỡ thím mang bông trái lên cúng Phật mới có dịp gặp Sư phụ. Nghe Sư phụ thuyết pháp, sau đó thời gian Đệ xin quy y luôn với pháp danh Thầy chọn còn mãi đến bây giờ. Chẳng may lúc Đệ thấy không còn ham thích cuộc sống trần gian đầy hệ lụy nữa mới xin phép Sư phụ thế phát xuất gia. Đời còn thanh bạch lắm chứ chưa bị dính chàm như huynh đâu. Từ đó chùa Đại Giác có thêm một người tự dung xuất hiện mà không ai rõ tông tích, ngoại trừ Sư phụ. Và có lẽ ngay cả sư huynh nữa, chắc gì Sư phụ kể rõ cho nghe điều đó?

- Hồi đó huynh vẫn thấy đệ ở chùa, nhưng đâu có hề để ý tới mà biết. Vả lại, có thì giờ đâu để lo cho thế tử phước, nên cũng chả cần biết Tiểu Đệ là ai. Còn bây giờ... Anh em ta nên kết nghĩa đệ huynh hầu an ủi lúc vui buồn Đệ nhé?

- Sư huynh lắm rồi, đã quy y cùng một Thầy chính là anh em rồi, cần gì phải kết nghĩa.

- A ha! Hạnh Đức buột miệng kêu lên như thế. Rồi như nhớ lại một điều gì, nét mặt Hạnh Đức có phần hơi kém vui. Hạnh Tâm thấy vậy bèn chọc trêu:

- Chắc Sư huynh giống ngài A Nan, đệ tử của đức Phật rồi chứ gì?

- Sao? Hạnh Tâm nói sao tôi nghe chưa kịp?

- Bộ Sư huynh không biết chuyện ngài A Nan Đà, anh em chú bác và đồng thời cũng là đệ tử của đức Phật đấy à? Ông ta đã có gia đình, nhưng vì nghe lời Phật bỏ nhà đi tu, còn để lại bà vợ thật đẹp ở nhà. Lâu lâu ông ta lén lút về nhà thăm. Do đó bị Phật quở hoài. Còn Sư huynh thì sao? Bộ nhớ vợ lắm sao mà hôm nay buồn bã thế?

- Thật ra, việc huynh đi tu đâu phải vì nghe lời dụ dỗ của ai đâu mà tự chính tâm tư quyết định kia. Nhưng sau đôi khi vẫn cảm thấy tâm tư như trống vắng, nếu không nhờ có Hạnh Tâm ở đây cùng với huynh chắc là buồn tẻ lắm. Nhưng thôi việc ấy cứ để gác lại đó đã. Bây giờ huynh hỏi Đệ đây nè:

- Kỳ nghỉ hè này, chúng ta nên về thăm Sư phụ một chuyến, Đệ có bằng lòng không?

- Đương nhiên là thích rồi, nhưng phải dùng phương tiện gì đây?

- Phương tiện nào rồi cũng đi được cả. Chờ học cho xong rồi hãy tính sau.

Đêm hôm đó Hạnh Đức không sao chợp được mắt, đã chong đèn suốt cả đêm viết thư. Ngồi nơi bàn học cả mấy tiếng đồng hồ mà chỉ thảo được có mấy dòng đầu của lá thư. Sao ngày xưa viết lại quá dễ dàng, như bao nhiêu bức thư tình, chính tay chàng Ngọc này viết một cách trôi chảy. Nhưng còn giờ đây... đối với vợ nhà không biết phải mở đầu bằng chữ gì cho tiện. Không lẽ lại xưng “em yêu“ hay gọi bằng “cô“ nghe mới thật là kỳ và còn có vẻ khách sáo nữa là khác. Cuối cùng rồi thư vẫn tiếp tục vô đề:

Phật học viện, ngày... tháng... năm...

Thư gửi người tri kỷ,

Người thân,

Lâu nay ta đã đoạn tuyệt ái ân cùng người và gia đình con cái. Chắc người buồn lắm và có khi còn giận cả ta nữa, nhưng ta tin tưởng với ý chí sắt đá của người, sẽ thay ta chăm sóc các con cho chúng nên người. Tình trần ta đã để lại sau lưng và hãy xem những gì trong dĩ vãng là việc đã qua không bao giờ còn trở lại nữa. Giờ đây ta vẫn hãnh diện là chọn đúng đường và mong

người cũng nên vui lây với niềm vui ấy. Nhiều lúc ta cảm thấy nhớ người, nhưng giới luật và điều kiện không cho phép, ta phải cố gắng chiến thắng với chính mình để làm rạng danh dòng họ Thích và nhất là Sư phụ. Ta mong người nên vì tình xưa nghĩa cũ tha thứ và thông cảm cho lòng này.

Bên dưới ký tên: Thích Hạnh Đức và còn chua thêm:
Người bạn cũ năm xưa.

Sáng hôm sau Hạnh Đức ngủ quên, vì đã thức khuya viết cho xong bức thư. Thư viết chưa bỏ vào phong bì. Hạnh Tâm dậy sớm, vô tình đọc được thư. Thế là sáng hôm đó có việc để trêu Hạnh Đức một mách cho đã.

- Người ơi! Người có nhớ ta không, chứ ta thì còn nhớ đến người nhiều lắm!

Cứ mỗi lần như thế, tâm can Hạnh Đức thất lại như tờ vò, nhưng biết sao hơn bây giờ, chỉ còn biết cười trừ.

Bây giờ hai người bắt đầu học kinh Bát Đại Nhân Giác bằng chữ Hán. Nội dung của kinh mang ý nghĩa cũng rất thâm trầm và giải thoát. Kinh tuy ngắn gọn, nhưng lời và ý cao siêu. Vào phần mở đầu ta đã thấy:

“Là đệ tử của Phật, ngày đêm phải thành tâm tụng niệm kinh Tám điều Giác Ngộ của bậc Đại Nhân”

Điều thứ nhất phải hiểu thế gian là vô thường, đất nước đổi thay, bốn đại đều khổ, không; năm ấm không có thực ngã; cho chí mọi việc biến đổi mất còn đều giả dối không có chủ thể. Tâm chính là nguyên nhân gây ra các điều ác, còn thân chính là nơi tích tụ các tội lỗi. Nếu quan sát được như trên dần dần xa lìa được sự sống chết.

Caο quý biết bao đối với các bậc Đại Nhân, những vị Bồ Tát vốn biết rằng cuộc đời là vô thường, thế gian đều do giả hợp mà thành. Thân tứ đại do cha mẹ sinh ra, rồi có ngày cũng phải trả về cho tứ đại. Sớm còn tối mất, mạng người thay đổi trong từng sát na của cuộc sống, chỉ có tâm mới là điều đáng nói. Thời gian đi qua không ngừng và không gian biến đổi, cho đến cả sơn hà, đại địa cũng vậy. Hãy nhiếp tâm tu hành thì việc giải thoát sanh tử mới kỳ mong ra khỏi.

Điều thứ hai nên biết ham muốn nhiều là khổ. Xưa nay bao nhiêu sự cực nhọc trong đường sanh tử, cũng chỉ vì lòng ham muốn mà ra. Người ít ham muốn không bị hoàn cảnh chi phối và cảm thấy thân tâm đều được thư thái nhẹ nhàng. Điều đó thật đúng với những ai đã cầu và nhất là thường cầu việc gì không được cũng sinh tâm khổ não; còn như cầu được cũng chẳng lấy làm vừa lòng. Đó là đầu dây mối nhợ cho việc sanh tử luân hồi. Thế mà con người có biết đâu, cứ mãi lo lặn hụp hoài trong chôn bùn nhơ tục lụy.

Điều giác ngộ thứ ba “tâm ta vì dong ruổi theo danh lợi không biết nhàm chán cho nên tội ác càng ngày càng tăng trưởng. Các bậc Bồ Tát trái lại, thường hay biết đủ, sống thanh bần để giữ đạo và xem sự nghiệp duy nhất của mình là thực hiện cho được trí tuệ giác ngộ”.

Điều thứ tư phải biết rằng: tính lười biếng hay đưa đến chỗ đọa lạc. Phải siêng năng để phá trừ các giấc phiền não, hàng phục các loài ma mới có thể ra khỏi ngục của năm ám.

Điều thứ năm phải biết rằng: “chính vì vô minh nên phải bị trôi lăn trong vòng sanh tử. Các vị Bồ Tát thường hay nhớ nghĩ, học rộng biết nhiều làm cho trí tuệ thêm phát triển để đạt được biện tài hầu giáo hóa tất cả chúng sanh, cùng tất cả mọi loài được niềm vui lớn”.

Điều thứ sáu phải biết rằng: vì nghèo khổ, nên người ta sinh ra oán hận và căm thù. Vì thế lại tạo thêm những nhân xấu. Các vị Bồ Tát thường hay bố thí và xem kẻ ghét người thương đều như nhau. Bỏ qua những điều ác mà người khác đã làm đối với mình, cũng như không đem tâm ghét bỏ những ai đã làm ác”.

Thật là một lòng đại bi đại nguyện tuyệt vời. Thông thường chúng sanh chỉ muốn gặp được người mình thương yêu, nhưng ít khi gặp được. Thế mà kẻ ghét không muốn gặp lại vẫn cứ phải đối đầu hoài. Bồ Tát không như vậy; cả thương ghét cũng như nhau, vì tất cả cũng là chúng sanh cả.

Điều thứ bảy phải biết rằng: năm thứ dục nhiễm gây nên tội lỗi và khổ hoạn. Người xuất gia tuy sống chung đụng với cuộc đời thế tục, nhưng không nhiễm theo cái vui phàm tục mà thường nghĩ rằng tài sản của mình chỉ ba chiếc y và một chiếc bình bát, và tất cả những thứ đó đều là pháp khí của người tu. Chí nguyện của người xuất gia phải sống thanh bạch để hành đạo và giữ phẩm hạnh cho thanh cao, và hay lấy tình thương đối xử với mọi loài.

Điều thứ tám phải biết rằng: vì lửa sanh tử thiêu đốt nên mọi loài đang chịu không biết bao nhiêu sự thống khổ. Hãy phát tâm Đại thừa để cứu tế cho tất cả chúng sanh, nguyện thay thế cho tất cả để chịu đau khổ. Mong cho chúng sanh đạt đến niềm vui cứu cánh.

Tám điều trên là những điều Giác Ngộ của chư Phật, Bồ Tát, Đại Nhân. Những vị này siêng năng hành đạo. Tu tập từ bi và trí tuệ, đã lên thuyền pháp thân đến được cõi Niết Bàn. Khi trở lại cõi sanh tử để độ thoát chúng sanh, họ đều dùng tám điều giác ngộ ấy chỉ đường mọi người, khiến cho tất cả chúng sanh cũng được giác ngộ cái khổ của sanh tử để xa lìa năm món dục lạc và hướng tâm vào con đường tu Thánh.

Nếu là đệ tử của Phật thường hay đọc tụng tám điều này thì trong mỗi quán niệm diệt được vô lượng tội để tiến tới giác ngộ, mau lên chánh giác, vĩnh viễn đoạn tuyệt với sanh tử và thường hay ở trong sự an lạc

Cao quý biết chừng nào đối với các bậc Đại Nhân. Hạnh Đức nhớ lại, khi còn nằm điều trị trong bệnh viện, đã đọc và học thuộc lòng tám điều giác ngộ trên. Nhưng lúc đó chưa biết chữ Hán, vì thế nghĩa lý còn mù mờ. Còn bây giờ đã hiểu được từng chữ, từng câu nên cảm thấy thoải mái trong lòng và ham tu nhiều hơn nữa. Hồi tưởng lại lúc ấy, sau khi lành bệnh, Hạnh Đức cũng đã phát nguyện trước Tam Bảo là thay cho tất cả chúng sanh để chịu sự khổ. Mong sao cho chúng sanh thoát khỏi khổ để được vui và chính thân tâm Hạnh Đức lúc bấy giờ cũng hoan hỷ lắm.

Trong niên học đầu tiên, sau khi thi các môn: kinh, luật, luận và Hán văn, Hạnh Tâm và Hạnh Đức đều đỗ đầu. Ban giám khảo cố chăm làm sao cho một người có điểm cao hơn, còn một người kém thua, nhưng không có cách gì được. Hạnh Đức viết chữ Hán đẹp, còn ngược lại, văn chương của Hạnh Tâm trội hẳn Hạnh Đức, vì thế hai người đã đỗ đồng hạng. Hòa Thượng giám đốc cũng phải ngợi khen:

- Chữ đẹp như thế này, hăng nào không bị Tiểu Thụ mê người hào hoa?

Hạnh Đức cúi gầm mặt xuống, không phải vì mắc cỡ qua lời khen của Ngài Giám Đốc mà muốn chôn chặt những kỷ niệm xưa vào trong dĩ vãng. Tuy nhiên Hạnh Đức cũng gượng mỉm cười, vì tự mừng cho việc học đã được toại nguyện.

Hôm phát thưởng cuối năm cho Tăng sinh Phật học viện, Hạnh Đức và Hạnh Tâm được nhận phần thưởng danh dự toàn viện về học lực cũng như về hạnh kiểm nữa. Đúng ra hôm ấy Sư phụ có mặt để chứng kiến việc học hành và khuyến khích hai người đệ

tử, nhưng vì bị cảm không thể đến tham dự được. Và đây cũng là cái cơ để hai người có thể xin phép Hòa Thượng giám đốc về chùa Đại Giác thăm bệnh tình Sư phụ, hẳn nhanh hơn thời gian hai người dự định trong ba tháng hạ.

Hôm đó có nhiều đàn gia tín thí, cùng Ban bảo trợ của Phật học viện đến dự lễ phát thưởng. Mọi người đều tỏ ra phấn khởi.

Ban Bảo Trợ cũng đã tặng thêm cho hai người những phần thưởng danh dự đặc biệt khác nữa.

Trên đường về, hai người vui vẻ chuyện trò, nhưng không may gặp phải cơn mưa gió. Cả hai đều vào núp trong một quán trọ. Chờ cho đến lúc tạnh mưa thì trời cũng đã nhá nhem tối. Hai người tiếp tục ra đi, bỗng thấy trước mặt có năm sáu bóng người xuất hiện ủa tới bất trối và bịt miệng hai người. Họ hành động nhanh như chớp, khiến hai nạn nhân không còn đủ thì giờ để la lên cầu cứu được lấy một lời. Hai người đâm ra bất tỉnh nhân sự. Lúc tỉnh dậy, Hạnh Đức thấy mình đang nằm bên cạnh một cô gái lỏa lồ thân thể đang buông lờn hoa nguyệt.

- Này sư huynh, sư huynh còn nhớ em không? Hôm lễ phát phần thưởng của sư huynh em đã cùng mẹ đến dự, thấy sư huynh học giỏi như vậy, lại còn đẹp trai nữa. Ôi! người như thế này mà tu thì đời mất đi một ngôi sao Bắc Đẩu? Sao sư huynh vội chán đời thế kia? Hãy lại đây với em nào! Hạnh Đức chơi với chẳng biết ắt giáp gì cả. Toàn thân run rẩy, không phải vì sợ chuyện ái ân mà hồi hận là mình bị sa vào bẫy tình nhiều quá. Đã trót một lần rồi, bây giờ lại thêm một lần nữa, biết phải ăn nói sao đây với mọi người chung quanh và nhất là với Sư phụ. Ngày xưa, khi còn ở gần Sư phụ, Sư phụ còn thương tình cứu được, chứ bây giờ đã xa Người rồi lấy ai cứu ta thoát nạn đây? Còn Hạnh Tâm người bạn đồng liêu với ta nữa, giờ đây số phận ra sao, cũng chẳng ai biết được. Đang miên man suy nghĩ, cô gái lại buông thêm lời:

- Sư huynh thấy cuộc đời như thế nào? Còn đẹp chán phải không? Như sắc đẹp của em, bộ sư huynh không ưa thích? Sư huynh cũng là người chứ đâu phải gỗ đá, hãy lại gần em đi!

Hạnh Đức sực nhớ lại trước khi đi Sư phụ có trao cho hai phong thư. Một mình đã xem xong; còn phong kia Sư phụ có dặn kỹ đến lúc thập tử nhất sinh hãy mở ra xem. Đây chính đã đúng lúc, ta nên mở thư ra xem thử. Hạnh Đức thò tay vào túi áo nhật bình lấy thư Sư phụ bóc vội ra xem trước mặt người dâm nữ và đọc:

“Con hãy tinh tấn lên... Thần chú Thủ Lăng Nghiêm để đâu rồi? Khi tâm đã được yên nên xem những điều kia như hoa trong trên đá và như bụi bay trước mắt là đủ rồi”.

Trong thư nội dung chỉ có vậy, Hạnh Đức mừng, bắt đầu lấy lại bình tĩnh và tụng thầm Thần chú Thủ Lăng Nghiêm. Khi tụng mới vừa đến: Nam mô tát đát tha tô già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đề tóa và tụng cho đến câu: Án, a na lệ tỳ xá đề bệ ra, bạt xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nê, bạt xà ra bàn ni phần, hổ hồng đô lô ung, phần ta bà ha. Sau đó tụng tiếp qua phần chú Đại Bi và 10 bài chú ngắn khác. Tụng chú vừa xong, Hạnh Đức mở mắt ra thấy mình đang nằm bên Hạnh Tâm chứ không phải nàng dâm nữ khi nãy nữa. Hạnh Đức trở mắt nhìn và lên tiếng:

- Có thể nào đây là sự thật được sao?

- Sư huynh nói cái gì?

- Bộ Tiểu đệ không còn nhớ là khi hôm cả hai chúng ta đều bị bắt sao?

- Làm sao quên được, nhưng sư huynh bị nhốt ở đâu? Còn Tiểu đệ bị đem nhốt trong gùm tôi.

Hạnh Đức kể lại câu chuyện đầu đuôi cho Hạnh Tâm nghe. Cả hai cùng cười xòa, rồi Hạnh Tâm buông ra một câu nghe như nửa đùa nửa thật.

- Tu mà đẹp trai và học giỏi cũng rất có hại như thế đó! Phải không sư huynh?

- Vậy bây giờ chúng ta phải làm sao đây?

- Phải về thăm Sư phụ chứ còn sao nữa.

Hai người tiếp tục nốt đoạn đường còn lại và chẳng mấy chốc đã về đến chùa Đại Giác. Sau một năm vắng mặt hai người, cây cối nơi đây như cao lớn hẳn lên, chỉ có mái chùa và mái cổng tam quan là rêu phong càng làm cho cảnh Thiền Môn trở nên u tịch hơn.

Vườn bông kiểng vẫn còn nguyên. Các loại hoa mẫu đơn, hoa thược dược, hoa giấy, hoa thiên lý đang độ đơm bông chen nhau khoe sắc thắm tươi, tỏa hương thơm ngào ngạt khắp cả vườn chùa.

Hai người về đây như trở lại chốn quê xưa giống nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Sư phụ nhìn hai đệ tử mỉm cười trông có vẻ hài lòng lắm. Hạnh Đức định bạch thưa lại mọi chuyện xảy ra cho Sư phụ nghe những gì trong suốt một năm qua và nhất là chuyện kinh thiên động địa mới xảy ra tối hôm qua, nhưng lại thôi. Vì Hạnh Đức thâm nghĩ, nếu Sư phụ không biết trước những tai nạn gì xảy ra, Sư phụ đã không cho cái bùa hộ mạng kia làm gì. Cả hai người cùng yên lặng, chờ cho Sư phụ hỏi trước mới dám thưa.

- Thế ra hai con đã về đây đúng lúc, ta đang cần có sự hiện diện của hai con để Thầy bàn một vấn đề quan trọng. Bây giờ hãy lên lễ Phật và sau đó xuống nhà trừ để gặp bà Diệu Huệ hoặc bác

hương đăng tìm chút cháo lút lòng đi cho đỡ đói. Hai người toan quay đi, Sư phụ kêu giật lại:

- Hạnh Tâm hãy xuống trước, Hạnh Đức ở lại đây ta có chút việc cần.

Trong phòng chỉ còn một mình Hạnh Đức, Sư phụ hỏi:

- Chắc con còn nhớ Thiện, em con đó chứ?

- Bạch Sư phụ có điều chi dạy bảo?

Sau khi con đi lưu học phương xa một thời gian và nhất là nghe các con học hành tiến bộ, cũng như đỗ đạt cao. Điều này cũng làm cho cha mẹ của con vui lây nữa. Mới đây hai ông bà đã đồng ý cho em con cũng xuất gia như con vậy. Chắc con đã hay tin nay và vui chứ?

- Còn điều gì vui bằng khi gia đình con có cả hai anh em cùng nương về nơi giải thoát. Nhưng kính bạch Sư phụ, đến chừng nào làm lễ thể phát, xin cho con được rõ với?

- Ta định có sự hiện diện của hai con ở lại đây trong khi nghi hê, ta sẽ làm lễ thể phát xuất gia cho Thiện. Nhưng mong rằng sau lưng Thiện không còn bị đeo đuổi bởi ái tình!

- Con cũng mong được thế và nhất là sao cho Thiện đừng thay đổi lập trường. Kể từ khi Thiện lên chùa lần đầu tiên gặp chú Hạnh Tâm, hai người đã tâm sự với nhau như đã quen nhau từ trước. Cũng chính ngày thể phát xuất gia của con đã làm cho gia đình con trở về với Phật pháp. Chính Thiện, em con hôm đó, nhờ chú Hạnh Tâm đã gieo vào tâm hồn nó một ấn tượng tốt nên mới có được thắng duyên ngày nay.

Hạnh Đức xá Sư phụ rồi lui ra. Sư phụ gặp lại hai đệ tử mình sau hơn một năm xa cách lòng vui mừng khôn tả, và cũng nhờ đó

cơn bệnh có phần nào thuyên giảm dần rồi khỏi hẳn. Hạnh Đức đem tin Thiện xuất gia cho Hạnh Tâm hay và chú tỏ ra vui mừng không xiết. Có lẽ Hạnh Tâm nghĩ rằng mình đã làm được một cái gì đó có ý nghĩa trong cuộc sống tu hành của mình. Ngày xưa, lúc cảm thấy đơn độc Hạnh Tâm có được Hạnh Đức vào chùa tu cũng đỡ đi phần nào sự trống vắng. Bây giờ trong lúc hai đệ tử lớn của Sư phụ còn tha phương tòng học lại có Thiện đến thế vào. Điều đó Hạnh Tâm sung sướng không còn gì hơn nữa. Hạnh Tâm không ngờ lời nói năm xưa của mình với Thiện giờ đã trở thành sự thật.

Buổi trưa rằm hôm ấy đủ mặt cả mọi người gia đình Hạnh Đức, cha mẹ, Minh và Thiện, lại còn có cả người vợ năm xưa của Ngọc và hai đứa con nữa. Vợ của Hạnh Đức nhìn Hạnh Đức như khác xưa, không còn ngán lệt như trước nữa. Nay nàng đã trở nên già dặn hơn qua năm tháng và lịch duyệt trong kinh nghiệm của cuộc sống dày dặn với gió sương. Hạnh Đức móc trong túi lấy ra lá thư đã viết tại Phật học viện, nhưng chưa bao giờ gửi, trao cho Minh và bảo trao lại cho nàng. Hai đứa con của Ngọc giờ đây đã lớn, nhưng chúng không dám kêu Papa như còn dạo nào. Vì hình dáng bây giờ khác xưa quá nhiều. Chúng đã trưởng thành nhiều lắm. Hạnh Đức mừng thầm và như cảm ơn người vợ hiền đã nuôi con khôn lớn. Tuy vậy, hai người đều không ai tỏ cho ai được lời nào, vì chiếc áo nhà tu, một tâm hồn thoát tục làm ngăn cách giữa chàng và nàng, như trong giới luật xưa nay đã cấm đoán. Hạnh Đức không buồn lại còn cảm thấy vui hơn nữa, vì ít ra nàng cũng đã hiểu được lòng dạ một người chồng nên giúp chu toàn được bổn phận.

Ba mẹ Hạnh Đức có vẻ già nhiều đi, có lẽ vì thương con, nhớ cháu. Lần này khi làm lễ thế phát xuất gia cho Thiện, bà không khóc như dạo nào như trong lễ xuất gia của Ngọc. Trái lại bà con tươi cười bảo Thiện: Con nên xem gương của anh con đó mà tu hành “Tu phải tu cho trót, gọt phải gọt cho tròn” nghe con. Bà chỉ

dẫn có bấy nhiêu lời. Sau đó bà đánh lễ Tam Bảo rồi ra về và trong lòng như cảm thấy được thư thái lạ thường.

Còn ba của Hạnh Đức giờ đây trầm tĩnh hơn trước rất nhiều. Ông không còn gắt gỏng với vợ con như trước mà tỏ ra rất hoan hỷ dễ chịu, mỗi khi đi đâu xa về, dầu vợ con có làm sai quấy chuyện gì cũng cười trừ thôi. Gia đình được ấm êm hơn, nhưng giờ đây lại thiếu vắng một bóng hình. Hẳn ba má của Hạnh Đức đôi lúc cũng cảm thấy buồn, và có lẽ trong nỗi buồn đó có hòa lẫn niềm sung sướng. Điều dễ nhận ra nhất là trong ngày lễ Thiện thế phát xuất gia, cả hai ông bà đều như hãnh diện đã có được những đứa con biết lo phụng sự Phật pháp. Còn Minh vẫn như thuở nào, tánh tình vẫn chưa đổi. Hạnh Đức có lẽ mong một ngày nào đó chính mình sẽ cảm hóa được em.

Hoàng hôn buông xuống, bên ngoài trời tối đen như mực. Chuông chùa Đại Giác thong thả ngân nga như chia xẻ niềm vui, nỗi buồn của nhân thế với cõi trần gian đầy tục lụy.

hạ sơn hành đạo

Thời gian thấm thoát trôi nhanh như dòng đời cuốn hút ta vào trong dĩ vãng. Mới đó mà đã hơn bốn năm học tập, bây giờ là mùa mãn khóa tốt nghiệp của Tăng sinh Phật học viện.

Lúc Hạnh Đức và Hạnh Tâm vào học tại viện, sĩ số Tăng sinh vào khoảng bảy tám mươi người, nhưng sau thời gian bốn năm, giờ đây chỉ còn lại năm chục người, nhưng số ra trường kỳ này chỉ có ba chục người. Số hai mươi người còn lại phải học thêm một năm nữa để bổ khuyết những môn học không đủ điểm trung bình trong niên khóa cuối vừa rồi. Sở dĩ nửa chừng có nhiều người bỏ cuộc, vì nhiều lý do khác nhau. Có thể do những môn học khó và khô khan một phần cũng có, và mặt khác người nào không có tâm tu và ý chí kém cỏi cũng thối chí nản lòng rồi tự rút lui. Kinh điển - lời dạy của chư Phật, chư Tổ từ mấy ngàn năm với ý nghĩa cao siêu- cần đòi hỏi người học phải có nhiều nghị lực và một niềm tin mãnh liệt mới có thể khắc phục nổi chính mình. Cũng có thể một số Tăng sinh khác đi học cho có lệ, vì bản sư muốn thế, nên người môn đệ phải đi học để vui lòng thầy. Một số khác lại nghĩ rằng đã đi tu rồi cần gì phải học. Do những quan điểm sai lầm trên, nên có nhiều người bỏ cuộc giữa chừng là lẽ đương nhiên.

Cũng có nhiều người quan niệm: Ngoài đời ta đã tranh giành nhau quá nhiều, rồi đâm ra chém giết lẫn nhau, mới vào chùa tu

hành cho yên thân, lại còn bày ra chuyện thi cử phiền phức. Vì bằng cấp, danh vọng, địa vị là của người thế gian, còn đối với người tu hành thì dù có đoạt được những thứ đó cũng để làm gì? Có bao giờ ứng dụng vào đời được đâu; để rồi từ đó họ không chịu cố gắng tiếp tục trong việc học cũng như lơ là với việc thi. Đã đành bằng cấp chẳng có giá trị gì, nhưng muốn độ được người có bằng cấp -kiến thức- trước tiên người hành đạo phải có bằng cấp -khả năng lý giải- thật sự mới dễ nhiếp phục được người.

Hạnh Đức và Hạnh Tâm chỉ suy nghĩ đơn giản có thể và đã hết sức cố gắng ganh đua học tập. Tâm lý đời người xưa nay, hễ người có bằng cấp phần nhiều chỉ trọng người có được như họ. Người tu Phật có được thêm bằng cấp cũng dễ dàng hướng dẫn họ trở về với Đạo. Hai chú luôn luôn nghĩ rằng, ngày xưa lúc nước Ấn Độ còn là thuộc địa của người Anh. Giai cấp thống trị bắt buộc người Ấn phải học văn hóa và thi cử lấy bằng cấp của Anh, nhưng đã có mấy người có thể đạt được?

Vì điều kiện kinh tế, tài chánh, khả năng của họ không cho phép. Họ đem văn hóa tới cho người bản xứ nhằm mục đích làm nô lệ cho họ mà thôi. Nếu không có Thánh Gandhi biết vì quê hương và tổ quốc chịu cái nhục mất nước, và cố gắng học hành đỗ đạt, cũng như lấy được bằng cấp Luật sư của Anh, sau lại sang Phi Châu hành nghề, hô hào những người dân Ấn lưu lạc phải trở về lại bản xứ tranh giành độc lập cho xứ sở.

Diễn hình trong việc đấu tranh, Thánh Gandhi hô hào dân Ấn Độ đốt tất cả những bằng cấp do người Anh cấp phát và không chịu mặc vãi của dân Anh dệt mà chỉ khuyến khích mặc toàn đồ nội hóa. Người dân Ấn nhiệt liệt hưởng ứng. Chẳng bao lâu, công cuộc tranh đấu giành lại độc lập cho nước nhà đã thành công một cách vẻ vang.

Ở đây ta nên đặt ra câu hỏi: Tại sao dân Ấn Độ nghe theo Thánh Gandhi để tranh đấu với đường lối bất bạo động ấy? Câu

trả lời theo Hạnh Đức nghĩ: Đường lối ấy rất hợp với tinh thần cũng như hoàn cảnh của dân tộc xứ Ấn Độ lúc bấy giờ. Còn một điều quan trọng hơn cả, là nếu Thánh Gandhi không có một bằng cấp nào lại đứng ra hô hào giai cấp trí thức đốt bằng cấp để tranh đấu, chắc chắn chẳng có người nào nghe theo cả. Để giới trí thức phục tãi và tin cậy, chính Gandhi là người làm gương mẫu trước tiên.

Còn nếu cho rằng dân Ấn hầu hết thuộc giới bình dân và có thể nghe theo Gandhi một cách dễ dàng?

Điều này cũng chưa hẳn như thế, vì trong bất cứ một công cuộc vận động nào cũng cần phải có nhiều người hỗ trợ, hợp tác, thì công việc mới chóng thành công mỹ mãn. Theo gương người xưa, ít ra chúng ta cũng phải biết cố gắng trong khả năng có được trong việc gia công học tập ngày đêm để trước hết làm vừa lòng Sư phụ. Người đã đem hết tâm lực hy sinh và kỳ vọng vào tương lai của chúng ta rất nhiều, cả hai đều nghĩ như thế. Thứ đến để những kẻ giàu có và người có bằng cấp đừng khinh thường người tu chẳng có khả năng nào hoặc nghĩ rằng họ chỉ là những phường giá áo túi cơm.

Diễn hình việc này là Tiểu Thư họ Nguyễn đã lợi dụng danh nghĩa của cha mẹ trong thế quyền cao tước trọng và của cải làm cho những người xuất gia không nhiều thì ít bị lệ thuộc vào chuyện bố thí của họ. Hạnh Đức không muốn thấy những sự hống hách lố lăng của những người khoa bảng, khi đến chùa chẳng bao giờ chịu đê đầu đánh lễ Phật. Có lẽ họ nghĩ, việc làm kia không xứng đáng với cái học của họ. Có một điều chúng ta nên lấy làm buồn cười là cái đầu của ai rồi khi cắt ra, nếu đem bán giữa chợ chẳng ai dám mua, ngược lại còn kinh tởm nữa là đàng khác. Nhiều khi cái đầu lợn còn đắt giá hơn cái đầu người. Vì thế, việc đê đầu lễ Phật để được phước đức và còn làm giảm đi được cái ngạo mạn tự tôn, há chẳng nên làm được sao?

Hạnh Đức và Hạnh Tâm đã ở chùa năm sáu năm nay và cũng đã chứng kiến được tất cả những gì của thế gian xuôi ngược. Đã có nhiều người giận cha, giận mẹ, chồng, con để vào chùa mong trút hết nỗi giận ấy và Phật vào chư Tăng. Nhưng Phật vẫn cao cả, còn Tăng chỉ là người thừa hành gia vụ của Phật và học hạnh xuất trần. Họ là những người phải chứng kiến tất cả những sân si tật đố của thế gian điên đảo vọng tưởng này. Càng nghĩ tới đó bao nhiêu, Hạnh Đức càng nhớ ra mồn một bài sám:

“Đệ tử hôm nay quỳ trước điện
 chí tâm đảnh lễ đấng Từ Tôn;
 đã bao phen sanh tử dập dòn,
 trôi lăn mãi trong vòng lục đạo.
 Thế Tôn đã đĩnh ninh di giáo,
 Mà con còn đắm đuối mê say:
 mắt ưa xem huyễn cảnh hằng ngày,
 tai thích tiếng mật đường dưa nịnh;
 mũi quen ngửi mùi thơm bất tịnh,
 lưỡi dẹt thêu lăm chuyện cam go,
 thân ưa dùng gấm vóc se sua;
 ý mơ tưởng bao la vũ trụ.
 Bởi lục dục lòng tham không đủ,
 lấp che lần trí tuệ từ lâu.
 Hôm nay mong giác ngộ lần đầu,
 Tâm sám hồi phôi bày tỏ rõ.
 Nguyên tội ác từ nay lia bỏ,
 chuyện sáu căn ra khỏi lăm mê.
 Trước đài sen thành kính hướng về,
 tịnh tâm ý quy y Tam Bảo.
 Phật giới cấm chuyên trì chu đáo,
 dứt tận cùng cội rễ vô minh.
 Chí phàm phu tự lực khó thành,
 cầu Đại Giác từ bi gia hộ.
 Dầu phải chịu muôn ngàn gian khổ,
 Con dốc lòng vì đạo hy sinh.

Nương từ quang tìm đến lạc thành,
đặng tự giác giác tha viên mãn.

Cứ mỗi lần đọc bài sám này, Hạnh Đức cảm thấy thư thối trong lòng. Vì người đời còn say đắm chạy theo sắc trần; còn kẻ ở trong Đạo không lẽ cũng như thế được. Lễ mãn khóa đã được tổ chức trọng thể tại bản viện có Sư phụ đến dự nữa. Lễ mãn khóa hay cũng là năm học cuối thi ra trường đối với Hạnh Đức và Hạnh Tâm, cũng như đánh dấu một khúc rẽ khá quan trọng cho cả đời người Tăng sĩ, tới giai đoạn phải chấp nhận việc hạ sơn hành đạo. Và đó cũng là lý do tại sao có mặt Sư phụ trong kỳ lễ này. Trong phần phát biểu cảm tưởng kỳ lễ tốt nghiệp mãn khóa ấy, Sư phụ đã ban đạo từ đến các Tăng sinh vừa tốt nghiệp:

*Kính bạch Hòa Thượng giám đốc,
Kính bạch chư tôn Thượng Tọa, Đại Đức trong Ban giám học,
Kính thưa Ban Bảo Trợ của Phật Học Viện,
cùng các Tăng sinh thân mến,*

Thật là một vinh dự lớn lao cho Phật Giáo nước nhà. Vì giờ đây tre tàn măng mọc. Lâu nay quý vị Tôn Túc lớn tuổi vẫn thường ưu tư tới tiền đồ của Đạo pháp là sẽ không có người kế vị, nhưng với con số tốt nghiệp kỳ này của Tăng sinh thuộc bản viện đã cho chúng ta một niềm hy vọng vào tương lai đạo pháp sẽ được phát huy nhiều hơn nữa, và cũng sẽ do công lao đóng góp của những người Tăng sĩ trẻ tuổi hôm nay. Công đức đó nhờ vào sự chăm sóc của Hòa Thượng giám đốc, sự tận tụy giảng dạy của toàn Ban giảng sư, cũng như sự nỗ lực chăm chỉ học hành của Tăng sinh, và một thắng duyên cần thiết là sự hỗ trợ đắc lực của Ban Bảo Trợ Phật Học Viện, cho nên mới có thành quả rực rỡ đạt được như ngày hôm nay.

Đối với các Tăng sinh, nay mai đây quý vị sẽ thay thế các bậc tôn túc ra đảm nhận những công việc Phật sự của người trưởng tử đức Như Lai, trên cầu đạo vô thượng giác ngộ, dưới hóa độ

quần sanh. Chúng tôi có vài lời xin thành tâm gửi đến quý vị. Cầu chúc cho tất cả quý vị luôn luôn đồng mãnh tinh tấn trên bước đường cứu độ quần sanh mà chư Tổ, các bậc Thầy tiền bối đã thề một lòng trước Hòa Thượng Đàn Đầu và các vị Yết Ma, Giáo Thọ như:

*“Con là trưởng tử Như Lai
phát nguyện trọn đời hiến dâng cho đạo.
Nơi nào chúng sanh cần con đến,
chỗ nào Đạo Pháp gọi con đi.
Chẳng ngại gian nguy,
chẳng nề khó nhọc...”*

Đó là một bài học vô giá mà chư Tôn Sư, Thầy Tổ đã thực hiện và mong rằng quý vị hôm nay cũng sẽ tiếp tục đi mãi trên con đường ấy và còn làm triển khai trên nhiều phương diện khác.

Với Ban Bảo Trợ Phật Học Viện, chúng tôi xin thành tâm tán thán công đức của quý vị đã bỏ ra rất nhiều nhân lực cũng như tài lực để phụng sự ngôi Tam Bảo. Có như thế chư Tăng mới rảnh tâm lo việc tu niệm và có được kết quả như ngày hôm nay. Mặc dù chư Tăng vẫn theo hạnh nguyện người tu: Bất tác bất thực, nhưng đó chỉ là một thử thách nhỏ trên vạn nẻo đường chông gai để tiến lên con đường giải thoát.

Lời cuối cùng, chúng tôi xin tán dương công đức của tất cả các bậc tiền bối hữu công đối với Đạo, những kẻ hậu học đã, đang và sẽ đóng góp phần mình vào kho tàng văn hóa Phật Giáo nước nhà một phần quan trọng không phải nhỏ vậy.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Tiếng vỗ tay vang dội khắp cả phòng, ai nấy cũng đều mừng vui lộ ra ngoài khuôn mặt. Người vui nhất hôm nay là hai chú Hạnh Tâm và Hạnh Đức, vì đã lãnh được phần thưởng tối ưu

trong các môn học về giáo lý như kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Đại Bát Niết Bàn, Duy Ma Cật, Lăng Nghiêm, Lăng Già Tâm Ấn v.v... Các bộ luật trường hàng, tứ phần giới bản, và phần luận như Đại Thừa Khởi Tín, Thành Thật, Câu Xá, Duy Thức... Mọi người hiện diện đều tỏ ra rất hài lòng và cầu chúc các vị tân khoa những điều tốt đẹp nhất.

Sau hơn bốn năm học đạo, Sư phụ đã cho Hạnh Tâm và Hạnh Đức đi thọ giới Tỳ Kheo, tức giới pháp của bậc xuất gia đạo hạnh. Lẽ ra hai người đã được thọ từ lâu, nhưng Sư phụ y theo luật phụng hành là “*ngũ hạ dĩ tiền chuyên tinh giới luật, ngũ hạ dĩ hậu phương nữ thính giáo tham thiền*”. Trong năm năm đầu phải chuyên tâm học kinh luật, và năm năm trở về sau mới tha phương cầu học. Trong khoảng thời gian trên đã đủ, Sư phụ bèn quyết định cho hai đệ tử thọ giới.

Giới đàn Tỳ Kheo được tổ chức, cũng tương tự như giới đàn Sa Di thuở trước nơi chùa Đại Giác, nhưng sự khảo hạch về luật, luận tinh nghiêm hơn và khó gấp năm mười lần với việc thọ giới Sa Di. Sau khi thọ Đại giới, cả hai chú Hạnh Tâm và Hạnh Đức được thụ phong Đại Đức, chứ không còn là những chú Sa Di như trước đây nữa. Hai Tân Đại Đức cũng đã nhận thêm được hai pháp hiệu mới do Sư phụ đặt. Cái tên mới này trông thật mới và như xa lạ, nên cả hai đều muốn giữ pháp tự cho dễ gọi và chỉ thêm vào bên trước đó chữ Đại Đức Thích Hạnh Tâm và Đại Đức Thích Hạnh Đức mà thôi.

Đạo hạnh của hai người giờ đây sẽ được nhiều người biết đến, nhất là Sư phụ luôn đề ý tới tương lai hành đạo của hai người. Một hôm Sư phụ gọi cả hai vào phương trượng dặn bảo:

- Thầy có câu chuyện quan trọng này và định nói với các con năm xưa, nhưng chưa tiện, giờ đây Thầy mới nghĩ là lúc thuận tiện để cho các con nghe kỹ.

Ngày xưa khi Thầy mới đến xứ này có được nhiều người trợ lực giúp đỡ từ vật chất đến tinh thần, trong số đó Hạnh Đức là một và Hạnh Tâm thì sau này. Trải qua bao gian lao thử thách, cảnh chùa Đại Giác mới được hoàn thành như hiện tại các con đều trông thấy. Lúc bấy giờ Ta đang lo lắng không có người chăm sóc, vì Ta tuổi tác đã già, nhưng rất may nhờ cơ duyên của Đạo đã cảm hóa được các con. Giờ đây các con cũng đã vững vàng trong việc Đòi cũng như Đạo, Thầy muốn giao ngôi chùa này lại cho hai con chăm sóc, ý các con nghĩ sao?

Hạnh Tâm đưa mắt dò ý Hạnh Đức. Sau một hồi yên lặng, Hạnh Đức tỏ lời:

- Kính bạch Sư phụ, chúng con những tướng học hành thành tài để giúp đỡ Sư phụ một vài công việc trong chùa, chứ làm sao đủ tài đức mà dám đứng ra cán đáng được những công việc đại sự như thế.

Hạnh Tâm thêm vào:

- Con cũng nghĩ như thế và kính mong Sư phụ chậm rãi chờ thêm một thời gian nữa. Bây giờ xin Sư phụ chỉ định cho chúng con những việc nào vừa với khả năng và tâm tay.

- Ngày xưa, khi Phật còn tại thế, Ngài đã tiếp Tăng độ Chúng rất nhiều, nhưng cuối cùng Ngài cũng phải thị tịch Niết Bàn để Tăng Chúng tự lo tấn tu đạo nghiệp. Nếu Phật còn ở mãi lại với đời, chắc rằng các đệ tử Ngài chẳng ai chịu tu hành giải thoát. Còn Thầy, Thầy chưa đi vào cõi yên tĩnh đâu mà Thầy chỉ xa chùa này trong một thời gian, vào núi ẩn tu. Một ngày nào đó Thầy sẽ trở lại, khi các con đã làm xong những gì Ta đã giao phó. Các con cũng nên hiểu rõ hai chữ “Trụ Trì” một ngôi chùa là: Trụ Như Lai sứ, trì Như Lai sự, chứ đâu phải Trụ Trì là kẻ giữ chùa mà các con ngại. Trụ đây có nghĩa là gìn giữ duy trì mạng mạch - đạo pháp- của Như Lai, nhất là đối với Ba Tạng kinh điển Thánh Giáo phải được lưu truyền mãi. Hai con, một người phải đảm

nhận chức vụ ấy, còn một người lo phụ giúp công việc đối nội cũng như đối ngoại, gọi là Thầy Tri Sự; còn riêng phần Thầy, Thầy đã quyết định và mong các con ở lại bình an, gặp được những thắng duyên trong việc hoằng truyền đạo pháp. Cả hai đều không thể nào có ý khác, sau khi nghe Sư phụ dạy bảo như thế.

Sau khi Sư phụ từ già ra đi, Đại Đức Thích Hạnh Tâm và Đại Đức Thích Hạnh Đức và mọi người thân tín đều quyến luyến muốn giữ chân Sư phụ lại, nhưng lâu nay ai cũng đều rõ tánh của Người rồi. Cái gì Người đã quyết thì không có bất cứ một ai có thể làm thay đổi được ý kiến.

Hành trang của Sư phụ sau hơn 30 năm lo xây dựng ngôi chùa Đại Giác, giờ đây chỉ mang theo 3 chiếc y, một bình bát, một ít tiền lộ phí và một vài món cần dùng khác. Công trình của Sư phụ đã dày công gây dựng, giáo huấn những người đệ tử xuất gia biết lo tròn trách vụ, và dạy khuyên những người Phật tử tại gia biết lo xây dựng nếp sống gia đình lành mạnh theo tinh thần Bi-Trí-Dũng của Phật giáo và nhiệt thành phụng sự Đạo Pháp, nhưng Người đã để lại nơi đây tất cả. Có lẽ vì tự ý thức được là lúc Người đến đây cũng chỉ với hai bàn tay trắng với một tấm lòng, và một khối óc nhiệt thành với Đạo, nên giờ đây để cho tâm trí được rảnh rang, vì bên cạnh Người đều đã có được những đệ tử xuất gia tài đức và đông đảo các Phật tử tại gia hộ đạo đắc lực.

Nhìn chiếc đơn, căn phòng bỏ ngõ, hai người đệ tử ngậm ngùi tiếc nuối lại một quãng đời quá khứ xa mờ. Cũng chính nơi này Thầy trò dạy bảo cho nhau và giờ đây không còn bóng dáng bậc tôn sư đạo hạnh cận kề nữa.

Ôi thế sự thăng trầm! Ôi lý Đạo cao huyền!

Người ra đi nhưng không cho biết nơi đến. Chính lúc mới đến đây Người cũng không cho ai biết nơi chốn nào Người đã khởi đi. Lẽ Đạo, tình Đời:

“Hữu sinh hữu tử, hữu luân hồi,
Vô sinh, vô tử, vô khứ lai”

Vì quan niệm có đến có đi nên còn luân hồi sanh tử, còn Su phụ có đến có đi, nhưng cũng ví như dấu chân hạc in trong rừng sâu và bóng nhạn bay qua không gian chẳng mong để lại một vết tích gì chẳng?

Ba tạng kinh điển bằng chữ Hán và nhiều pho sách quý giá bằng nhiều thứ tiếng vẫn còn đây, cái bàn giấy nơi Su phụ làm việc kia, những dụng cụ mà Người thường dùng vẫn còn đó. Hạnh Tâm và Hạnh Đức quyết định không xử dụng những phòng này để chờ ngày Su phụ trở lại. Đây cũng là một hình thức tôn kính bậc Đạo sư đã tốn biết bao nhiêu công lao hơi sức dìu dắt hai người trở về với đường đạo.

Thời gian cứ lụi dần về dĩ vãng, con người cũng theo đó mà già đi hoặc trưởng thành nhanh chóng. Ngôi chùa Đại Giác ngày càng rêu phong phủ kín tạo nên vẻ trầm hùng u tịch, trông có vẻ đẹp hơn, như có một không hai của xứ này. Thầy Hạnh Đức và Thầy Hạnh Tâm đã gieo hạt giống Bồ Đề vào lòng người Phật tử khắp nơi, đâu đâu cũng nhuần thấm ánh từ quang của đức Phật. Hai Thầy được xưng tụng là “đạo đức khả phong, học lực uyên bác và có tài thuyết pháp vô song”. Tiếng lành đồn xa, đâu đâu người Phật tử cũng qui ngưỡng về chùa Đại Giác. Số Phật tử quy y ngày một đông thêm và số tín đồ lần Tăng chúng chùa lên đến cả ngàn người. Trong số tín hữu có nàng Tiểu Thư họ Nguyễn ngày xưa. Nàng bây giờ đến chùa không phải với cung cách của một người có kẻ hầu người hạ như xưa mà là một nữ Phật tử thuần thành hữu công với Đạo. Nàng đã có hai con cùng chồng.

Chồng nàng là một Bác sĩ tài ba. Sở dĩ ngày nay nàng ham đi chùa nhiều và thích tu học Phật pháp không phải vì mê nét chữ

đẹp của thầy Hạnh Đức ngày xưa mà nhờ đã thấm nhuần giáo lý, sau những lần nghe hai thầy giảng thuyết như đã đánh thức nàng trở về con đường thiện nên sùng đạo và mộ đạo một cách nhiệt thành.

Bây giờ nàng đã già đi nhiều so với trước, và đó cũng là luật vô thường của tạo hóa. Có lẽ ý thức được điều ấy, nàng giờ đây lo chuyên tâm tu niệm nhiều hơn là lo việc se sửa trang điểm nữa.

Việc Đời cũng như việc Đạo chẳng phải lúc nào cũng suôn sẻ như mình mong muốn đâu. Xưa kia đức Phật có Đề Bà Đạt Đa quấy phá, cũng như vua A Xà Thế và chàng Vô Nãi, thì ngày nay trên bước đường hoằng hóa độ sanh Hạnh Đức lẫn Hạnh Tâm đã gặp nhiều khó khăn trở ngại không ít. Hai người vẫn tâm niệm như trong luận Bảo Vương Tam Muội chỉ dạy, nên cũng chẳng sòn lòng nản chí. Không phiến não thì chẳng có Bồ Đề, cũng như không có ma quân, đạo lực làm sao cao cường được. Điển hình là vụ “Chuyện tình nơi sơn tự” lúc trước. Ngọc và Thu mặc dù đã có gia đình riêng, nhưng nàng vẫn còn đi lại với chàng một cách tự do. Vì lúc đó chồng Thu không có mặt ở nhà lâu ngày. Khi người chồng trở về hay tin vợ có tâm lang chạ với Ngọc, người mà bây giờ là thầy Hạnh Đức ở chùa Đại Giác, đã cố ý đến chùa làm nhục Hạnh Đức và tỏ ý nghi ngờ vợ để trả cho được mối thù xưa cho bỏ ghét những kẻ đi cướp vợ người.

Một hôm đang trong buổi giảng có cả Thu, chồng Thu, mấy đứa con của nàng và rất đông tín đồ lắng nghe pháp do thầy Hạnh Đức thuyết giảng về Tam Quy Ngũ Giới. Ai nghe cũng đều sanh lòng chánh tín ngôi Tam Bảo. Sau khi nghe thầy giảng vừa dứt giới thứ ba là không được làm việc tà hạnh. Chồng Thu liền đứng dậy trước đám thính chúng, nêu lên vài câu hỏi có liên quan đến đạo vợ chồng.

- Thưa thầy, theo như thầy vừa giảng, khi người đàn ông hay người đàn bà đã có vợ hoặc đã có chồng rồi, không được quyền đi

lang chạ với chồng hay vợ của người. Nhưng trong thực tế đã có rất nhiều người làm việc đó, theo đạo Phật, thầy nghĩ thế nào?

Và còn câu hỏi tiếp nữa cũng xin thầy cho biết luôn là nếu tôi không lâm ngày xưa chính thầy cũng đã đi cướp vợ người ta thì Thầy nghĩ sao về hành động ấy?

Cả thính chúng đều châu mắt về người phát biểu ấy và ai nấy đều xì một hay nhiều tiếng tạo nên nhiều âm thanh hỗn độn.

Ngọc ngày xưa cũng không là Hạnh Đức bây giờ mà Hạnh Đức bây giờ cũng đâu phải Ngọc ngày xưa. Vì thế Hạnh Đức mạnh dạn trả lời:

- Giáo lý đức Phật cũng giống như một vị thuốc hay để chữa bệnh gầy. Nếu ai muốn trị mau lành bệnh cần phải uống thuốc; còn kẻ nào bảo thuốc đắng không chịu uống thì bệnh vẫn còn hoài. Chỉ đơn giản có thế thôi. Ngày xưa chính tôi cũng là một người đã bị bệnh và nhờ phương thuốc thần ấy chữa lành, thì bây giờ không vì một nguyên do nào mà khơi lại đống tro tàn trong dĩ vãng nữa.

Tiếng vỗ tay vang dội khắp cả giảng đường khiến chồng của Thu như cụt hứng bèn ngồi xuống. Vì chưa trả được mối thù xưa, nên chàng rấp tâm sẽ làm cho thầy Hạnh Đức bẽ mặt trước mặt mọi người một chuyện, do đó trong lòng vừa buồn vừa vui lẫn lộn.

Sau khi xong, Hạnh Tâm cũng muốn trêu thử người bạn pháp lữ thêm một keo nữa mới lên tiếng hỏi rằng:

- Sư huynh thấy câu chuyện tình ngày xưa có còn vương vấn nơi lòng ít nhiều chăng?

Hạnh Đức không trả lời được trực tiếp mà buông ra một câu băng quơ:

- Đòi là thế, chứ chẳng có gì đáng để nói cả.

- Thế tại sao vẫn có nhiều chuyện để nói, phải không sư huynh?

- Có lẽ, một phần tại vì loài người muốn thế.

Câu chuyện thấy chẳng ăn nhập vào đâu, rồi dần dần thành vô vị khiến hai người đi về phòng riêng cho có thì giờ nghĩ tới việc khác.

Sau khi thực hiện những kế hoạch không đem đến kết quả, chồng Thu càng tỏ ra bực tức hơn nữa, đã mắng vợ rầy con suốt cả ngày. Nàng buồn lắm và đã dùng những lời lẽ thật khéo léo khuyên chồng, nhưng chồng chẳng chịu nghe. Nàng định viết thư cho thầy Hạnh Đức để giải bày chuyện cũ. Nhưng sau vài giây suy nghĩ chín chắn lại thôi. Vì như thế càng tạo thêm sự nghi kỵ cho chồng, nên để yên cho người tu hành làm việc đạo, nàng tự nghĩ. Đã không đi tu được vì cảnh bận buộc chồng con, như đã có lần nguyện ước, thì ta phải cố gắng cứng dờng để khuyên khích những bậc chân tu hiền đức mới phải là một người Phật tử chân chánh.

Cứ mỗi lần gặp những chuyện khó khăn như thế Hạnh Đức hay nghĩ đến Sư phụ hoặc tụng thầm thần chú Thủ Lăng Nghiêm cho thêm đạo lực kiên cường. Vào một đêm trong giấc mơ Hạnh Đức thấy Sư phụ về bảo rằng:

- Những gì con đã, đang và sẽ làm, Ta đều hiểu rõ hết. Con hãy tin tấn lên để xứng danh hàng Thích tử. Con nên nhớ trong kinh Pháp Cú có khuyên rằng:

Hương thơm trong các loài hoa,
dù là hoa Chiên Đàn đi nữa
cũng không thể bay ngược gió được.

Chỉ có hương thơm của người đức hạnh
dù ngược gió cũng bay khắp đến muôn phương.

Con hay cố gắng mà gìn giữ thân tâm cho thanh tịnh. Phải cương quyết cứng rắn như kim cương và vững như bàn thạch, phải cao thượng hơn tất cả các loài hoa mới có thể thoát ra ngoài vòng hệ lụy. Còn Hạnh Tâm, Ta đã yên chí, vì chú ấy đã tu hành nhiều kiếp rồi. Kiếp này là kiếp cuối cùng để được giải thoát, nên suốt đoạn đường tu, Hạnh Tâm chẳng gặp một chướng duyên nào cản trở cả. Còn con, Hạnh Đức của Thầy, con đã trải qua bao lần thử thách về chuyện tình, con cũng đã chiến thắng. Thật là điều quý hóa và Ta tin rằng đây là nghiệp dĩ cuối cùng của đời con. Con sẽ chưa được giải thoát, vì nguyện lực của con còn nhiều lắm. Con đã nguyện thay thế tất cả chúng sanh để chịu bao khổ não kia mà! Khi nào chúng sanh hết khổ, con mới có quyền rời khỏi thế giới Ta Bà này được. Ta chỉ có bấy lời dặn lại con thôi. Mong con ở lại an lành.

Hạnh Đức choàng tỉnh dậy, trời vừa nhá nhem sáng, vẫn chưa tin rằng mình đã nằm mơ mà cứ ngỡ Sư phụ đã ở kề cận bên mình để dặn dò những lời chân tình ấy, như khi xưa Sư phụ vẫn thường hay dặn bảo thế.

Hạnh Đức đem việc ấy thuật lại cho Hạnh Tâm nghe, thầy nghe có vẻ hăng say lắm.

- Thế Sư phụ có phần nào già hơn trước nhiều chẳng?

- Vóc dáng vẫn như xưa, nhưng sao huynh thấy tóc râu của Thầy mình đều bạc hết.

- Sư huynh có nghĩ là Sư phụ hiện giờ đã ra người thiên cổ không?

Nghe câu ấy, Hạnh Đức như rợn tóc gáy và nổi da gà trên mình mẩy, trả lời:

- Lẽ nào Người ra đi đột ngột như thế kia sao!
- Chứ người sống làm sao nói được trong giấc mơ?
- Tiêu đệ có linh cảm, Thầy mình đã quá vắng rồi.

Thời gian chờ đợi kéo dài hằng mười mấy năm, nhưng bóng dáng Thầy, chưa lần nào thấy hiện về nữa. Cho chỉ hình dáng bằng xương bằng thịt của Sư phụ cũng chẳng thấy vắng lại. Có lẽ sau khi đã làm xong một đại nguyện, dựng lập chùa Đại Giác, tiếp Tăng độ Chúng đã xong, Người đã ra đi vĩnh viễn. Như vậy là đúng rồi, Người đã về trong giấc mơ cách đây mười mấy năm về trước và hẳn đó cũng là lời hứa cuối cùng trước khi đã dặn dò những lời từ biệt.

Thoáng chốc hai người nảy ra ý định làm một bài vị thật long trọng để thờ phụng. Nhưng cả hai đệ tử của Người quá vắng đều không biết phải xưng tán làm sao cho xứng đáng với công lao khai sơn Đại Giác tự này. Cuối cùng bài vị cũng được thiết lập xong như sau:

**“Lâm Tế chánh tông đệ tứ thập tam thế, khai sơn Đại Giác tự
quá cố đường thượng -thượng Viên hạ Mãn-
Hòa Thượng giác linh”.**

Chữ Hán sơn son thếp vàng, do chính tay Thầy Hạnh Đức viết. Người quá vắng còn lưu lại cho hậu thế một tấm gương sáng mà trong suốt cuộc đời hành đạo, chính Sư phụ đã hy sinh cho tha nhân hầu làm tròn hạnh nguyện người xuất trần thượng sĩ.

Hình bóng xưa của Sư phụ vẫn còn ngự trị trong lòng hai người đệ tử thân thương ấy, và như vẫn còn hiển hiện đâu đây...

Tiếng chuông chùa Đại Giác vẫn thông thả ngân nga sớm chiều hai buổi như để đưa khách trần theo mùi Thiền quên mùi tục lụy.

Giàn hoa thiên lý bên công tam quan, hoa hồng, hoa cúc... vẫn đua nhau khoe sắc thắm tươi khắp vườn chùa, nhưng bóng hình của Sư phụ giờ đây không còn nữa để chứng kiến những thành quả tốt đẹp của hai người đệ tử thân yêu lúc hạ sơn hành đạo.

Khói lam chiều bao phủ cả trời tây, khi tưởng nhìn về hướng chim bay, hai Thầy đồng chấp tay niệm lớn danh hiệu đức Phật A Di Đà ba lần như thể để như vừa nghe tiếng chuông thông thả buông từng tiếng một

bo o n g . . . b o o n g . . . bo o n g . . .

kết thúc một đoạn đường

Thời gian chờ đợi Sư phụ trôi qua hàng mấy mươi năm sau, nhưng cả Thầy Hạnh Tâm và Thầy Hạnh Đức cũng chẳng thấy bóng hình của Sư phụ trở về.

Hai Thầy và Tăng chúng trong chùa, kể cả hàng tín đồ ai ai cũng có ý mong đợi tin tức, nhưng cuối cùng vẫn biệt vô âm tín. Thầy Hạnh Tâm có ý đi tìm, nhưng Thầy Hạnh Đức can ngăn, vì khó biết lối nào mà dò cho ra được tông tích của Sư phụ. Sau đó hai người đều đồng ý với nhau nên thờ Thầy ở trong lòng cũng đủ rồi.

Cứ mỗi sớm mai lúc lên chánh điện ngồi Thiền, tụng kinh, niệm Phật, Thầy Hạnh Tâm và Hạnh Đức đều đến trước bàn thờ Tổ lay Thầy ba lay. Cứ mỗi lần cúi đầu xuống, ngẩng đầu lên, mắt của hai người đều nhìn chăm chập vào án bài vị thiết lập trên cao để hồi tưởng lại một bóng hình. Gương hy sinh cao cả của Sư phụ suốt đời lo phục vụ chúng sinh, nhưng chưa bao giờ muốn lưu lại một dấu vết nào cả. Nhiều khi Hạnh Đức muốn khóc lên thành tiếng cho vui bớt nỗi lòng, vì nhớ tới bậc ân sư suốt đời chăm sóc cho mình từ câu kinh tiếng kệ. Một bậc minh sư hiền đức đã dày công huấn dục, và cũng chính nhờ Người mà Hạnh Đức thoát qua khỏi biết bao nhiêu vòng lao lý.

Hai người đứng lên cầm vôi ba nén nhang vào lư, rồi cúi đầu sụp lạy. Hai Thầy quyết định chọn một ngày cố định trong năm để làm lễ cúng tiến Giác linh Sư phụ và đồng thời đó cũng là cơ hội cho Tăng tín đồ thuộc chùa Đại Giác phải biết ngòai lại với nhau để trao đổi nhau về những kinh nghiệm sống trong Đời cũng như trong Đạo.

Một cuộc đời của người Tăng sĩ đạo hạnh cũng giống như một đoạn đường đã trải qua, rồi bỏ lại sau lưng tất cả. Nhiệm vụ của những người còn lại phải lo phát triển những gì mà Sư phụ trước đây đã làm.

Uy tín cũng như đức hạnh của hai thầy Hạnh Tâm và Hạnh Đức bây giờ đã được nhiều người biết đến. Hai người thâm cảm ơn Phật pháp và nguyện một lòng xiển dương giáo lý giải thoát nhằm đưa người ra khỏi sanh tử luân hồi.

Bây giờ Hạnh Đức mới thực chứng được cuộc đời là Như Thị, NHƯ THỊ vậy. Vì đời chính là cái gì như thế đó, ta cũng không nên giải thích làm gì cả. Hễ còn đem ra để phân tích, dẫn đo càng dễ sai với chân lý và đã chắc gì hợp ý của Tôn Sư.

Một chàng Ngọc đau khổ ngày xưa vì tình duyên hay phận bạc... Ngày nay hình ảnh ấy không còn lớn vồn nơi tâm tưởng của vị thầy khả kính mang tên Hạnh Đức.

Một chú tiểu Hạnh Tâm tinh nghịch ngày xưa, bây giờ đường đường trở thành một vị giảng sư lỗi lạc của Đại Giác tự nói riêng cũng như của đồng bào Phật tử khắp nơi nói chung. Tất cả những công đức ấy đều nhờ ân Sư phụ cả. Hai người cũng chấp tay đánh lễ bài vị của Sư phụ lần cuối cùng rồi trở về liêu an nghỉ.

Bên ngoài song cửa sổ mấy chiếc lá vàng rơi lác đác báo hiệu mùa thu sang đã gây nên một cảnh tượng nào nùng tang tóc!

Hạnh Đức vén bức màn lên và đưa mắt nhìn mơ hồ ra ngoài bờ giậu như luyến tiếc một điều gì. Hai hàng nước mắt tự nhiên tuôn xuống, Hạnh Đức cứ để con thỏ thức ấy giầy vò tâm tư, như xưa nay vẫn thường xảy ra như vậy, khi nhớ đến những kỷ niệm của ngày xưa trong tình Sư-Đệ.

Chuông chùa buông từng tiếng một đều đặn rồi kết nên thành từng hồi liên tục. Hạnh Đức chấp hai tay và quỳ gối ngay ngắn niệm lên thành tiếng “Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật” ba lần như thế rồi gục đầu vào thành ghé, như để hỏi tưởng lại một câu chuyện trong cuộc đời đã bị dòng biển diệt tử sanh làm cho Thầy trò đành phải chia ly vĩnh viễn!

Tiếng chuông chùa vẫn nhè nhẹ buông rơi . . .

THÍCH NHƯ ĐIỂN

Viết xong ngày 9 tháng 8 năm 1984

Viên Giác tự - Tây Đức

Mùa an cư kiết hạ năm Giáp Tý